**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

Mẫu sản phẩm

(Kèm theo của Phụ lục 3)

**KHOA LUẬT HỌC**



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**NGÀNH LUẬT**

*(Ban hành theo Quyết định số 2033/QĐ-ĐHV ngày 10/09/2021*

*của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)*

**Mã số ngành đào tạo: 7380101**

**Nghệ An, năm 2021**

**MỤC LỤC**

[DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT 3](#_Toc73971416)

[DANH SÁCH BẢNG 4](#_Toc73971417)

[DANH SÁCH HÌNH 4](#_Toc73971418)

[PHẦN 1. MỞ ĐẦU 5](#_Toc73971419)

[PHẦN 2. TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 6](#_Toc73971420)

[2.1. Thông tin chung 6](#_Toc73971421)

[2.2. Mục tiêu chương trình đào tạo 6](#_Toc73971422)

[2.3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo 7](#_Toc73971423)

[2.4. Định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp 7](#_Toc73971424)

[2.5. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp 10](#_Toc73971425)

[2.6. Phương pháp giảng dạy và học tập 11](#_Toc73971426)

[2.7. Phương pháp kiểm tra, đánh giá 11](#_Toc73971427)

[2.8. Đối sánh chương trình đào tạo 12](#_Toc73971428)

[3.1. Cấu trúc chương trình dạy học 14](#_Toc73971429)

[3.2. Phân nhiệm giữa các học phần và CĐR của CTĐT 15](#_Toc73971430)

[3.4. Kế hoạch giảng dạy 17](#_Toc73971431)

[3.5. Sơ đồ cấu trúc chương trình dạy học 19](#_Toc73971432)

[3.6. Ma trận kỹ năng 20](#_Toc73971433)

[PHẦN 4. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN 21](#_Toc73971434)

[PHẦN 5. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH 21](#_Toc73971435)

[PHỤ LỤC 1: ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN 62](#_Toc73971436)

[PHỤ LỤC 2. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP 66](#_Toc73971437)

[PHỤ LỤC 3: MA TRẬN PHÂN NHIỆM CĐR CTĐT VÀ CÁC HỌC PHẦN 69Error! Bookmark not defined.](#_Toc73971438)

# DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu** | **Diễn giải** |
| **CTĐT** | Chương trình đào tạo |
| **PO** | Mục tiêu chương trình đào tạo |
| **PLO** | Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo |
| **CO** | Mục tiêu học phần |
| **CLO** | Chuẩn đầu ra học phần |
| **LLO** | Chuẩn đầu ra bài học |
| **GD&ĐT** | Giáo dục và đào tạo |

# DANH SÁCH BẢNG

[**Bảng 2.1**. Mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT 7](#_Toc73971439)

[**Bảng 2.2.** Ánh xạ giữa CĐR của CTĐT và các hoạt động giảng dạy - học tập 11](#_Toc73971440)

[**Bảng 2.3**. Các hình thức đánh giá để đạt được CĐR của CTĐT 11](#_Toc73971441)

[**Bảng 3.1**. Ánh xạ các mô-đun của CTDH tới CĐR của CTĐT 15](#_Toc73971442)

[**Bảng 3.2**. Phân nhiệm giữa các học phần và CĐR của CTĐT **Error! Bookmark not defined.**](#_Toc73971443)

[**Bảng 3.3**. Kế hoạch giảng dạy của CTDH 17](#_Toc73971444)

[**Bảng B1.** Ma trận phân nhiệm chuẩn đầu ra CTĐT và các học phần **Error! Bookmark not defined.**](#_Toc73971445)

# DANH SÁCH HÌNH

[**Hình 3.1**. Ma trận kỹ năng **Error! Bookmark not defined.**](#_Toc72936909)

# PHẦN 1. MỞ ĐẦU

Với tầm nhìn trở thành một trong các nơi nghiên cứu và đào tạo nguồn nhân lực hàng đầu trong lĩnh vực pháp lý ở Việt Nam, Khoa Luật học- Đại học Vinh xác định sứ mạng cung cấp nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, có kỹ năng nghề nghiệp tiếp cận với thực tiễn trong lĩnh vực pháp lý nhằm tạo ra giá trị vật chất và tinh thần phục vụ sự phát triển kinh tế- xã hội đất nước.

Mục tiêu chương trình đào tạo nhằm đào tạo cử nhân ngành Luật có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp; có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và kiến thức chuyên sâu về pháp luật; có kỹ năng hành nghề Luật và thích nghi với môi trường làm việc trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Chương trình đào tạo ngành Luật được thiết kế theo phương pháp CDIO nhằm đào tạo sinh viên toàn diện cả về kiến thức chuyên môn, kỹ năng và phẩm chất đạo đức,trong đó nhấn mạnh năng lực thực hành và ý thức trách nhiệm xã hội, đảm bảo cho sinh viên được học tập chủ động và trải nghiệm thực tiễn. Sinh viên tốt nghiệp đáp ứng được các yều cầu về kiến thức, trình độ năng lực chuyên môn của nhà tuyển dụng, xã hội.

Chương trình đào tạo được thiết kế trên cơ sở tuân thủ các quy định, hướng dẫn của Bộ giáo dục và Đào tạo, của Trường Đại học Vinh; phù hợp định hướng
phát triển kinh tế, công nghiệp, nhu cầu nguồn nhân lực, thị trường lao động của địa phương, của vùng kinh tế; tham khảo các tiêu chuẩn về đảm bảo chất lượng của quốc gia và quốc tế (AUN-QA; ABET); tham khảo và đối sánh với các chương trình của các Trường Đại học khác ở trong nước và quốc tế.

#

# PHẦN 2. TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

## 2.1. Thông tin chung

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1. | Tên ngành đào tạo: | Luật |
| 2. | Mã số ngành đào tạo: |  |
| 3. | Trình độ đào tạo: | Đại học |
| 4. | Thời gian đào tạo: | 4 năm |
| 5. | Tên văn bằng tốt nghiệp: | Tiếng Việt: Cử nhân ngành Luật Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in Law |
| 6. | Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: | Khoa Luật |
| 7. | Hình thức đào tạo: | Chính quy |
| 8. | Số tín chỉ yêu cầu: | 126 tín chỉ |
| 9. | Thang điểm: |  |
| 10. | Ngôn ngữ sử dụng: | Tiếng Việt |
| 11. | Ngày tháng ban hành: |  |
| 12. | Phiên bản chỉnh sửa: |  |

## 2.2. Mục tiêu chương trình đào tạo

|  |
| --- |
| **Mục tiêu tổng quát:** Đào tạo nhân lực ngành Luật có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và kiến thức chuyên sâu về pháp luật; có kỹ năng hành nghề Luật trong các môi trường làm việc khác nhau; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và khả năng hình thành ý tưởng, xây dựng, triển khai, đánh giá hoạt động pháp lý trong bối cảnh toàn cầu hóa. |
| **Mục tiêu cụ thể:**(1) Có kiến thức đại cương làm nền tảng cho hoạt động pháp lý và kiến thức chuyên sâu về pháp luật hành chính, dân sự, hình sự, kinh tế, quốc tế;(2) Thể hiện đạo đức trách nhiệm của người hành nghề luật; có khả năng học tập độc lập, quản lý thời gian và nhận biết năng lực bản thân; khả năng tư duy pháp lý, tư duy hệ thống, tư duy phản biện và kỹ năng nghiên cứu khoa học pháp lý;(3) Có kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm trong các môi trường làm việc khác nhau;(4) Có khả năng hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và đánh giá hoạt động pháp lý trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. |
| **PO1.** | Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành |
| **PO2**. | Phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp |
| **PO3**: | Kỹ năng nghiên cứu và hành nghề Luật |
| **PO4**: | Năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và đánh giá hoạt động pháp lý trong bối cảnh xã hội và tổ chức |

##

## 2.3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo được mô tả trong Bảng\_2.1**.**

###### **Bảng 2.1**. Mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra CTĐT** |  **Mục tiêu đào tạo** |
| **PO1** | **PO2** | **PO3** | **PO4** |
| PLOs1.1 | *√* |  |  |  |
| PLOs1.2 | *√* |  |  |  |
| PLOs1.3 | *√* |  |  |  |
| PLOs2.1 |  | *√* |  |  |
| PLOs2.2 |  |  | *√* |  |
| PLOs2.3 |  |  | *√* |  |
| PLOs3.1 |  |  | *√* |  |
| PLOs3.2 |  |  | *√* |  |
| PLOs4.1 |  |  |  | *√* |
| PLOs4.2 |  |  |  | *√* |

* **Chuẩn đầu ra chi tiết của CTĐT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ký hiệu CĐR** | **CHUẨN ĐẦU RA CTĐT** | **MĐNL** |
| **PO1** | **KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH** |  |
| **PLOs1.1** | **Hiểu kiến thức đại cương làm nền tảng cho hoạt động pháp lý**  |   |
| 1.1.1 | *Hiểu*kiến thức kinh tế, chính trị, khoa học xã hội và nhân văn làm nền tảng cho hoạt động pháp lý | K3 |
| 1.1.2 | *Hiểu*kiến thức ngoại ngữ, tin học phục vụ cho hoạt động pháp lý | K3 |
| **PLOs1.2** | **Áp dụng kiến thức cơ sở ngành trong hoạt động pháp lý** |  |
| 1.2.1 | *Áp dụng* các quy định chung của pháp luật trong các lĩnh vực luật chính như luật hành chính, luật dân sự, luật hình sự, luật kinh tế, luật quốc tế vào tình huống thực tế | K4 |
| 1.2.2 | *Áp dụng* các quy định của pháp luật trong các lĩnh vực luật tố tụng như tố tụng hành chính, tố tụng dân sự, tố tụng hình sự vào giải quyết vấn đề pháp lý | K4 |
| **PLOs1.3** | **Áp dụng kiến thức chuyên ngành trong hoạt động pháp lý** |  |
| 1.3.1 | *Áp dụng* các quy định pháp luật chuyên sâu về luật hành chính | K4 |
| 1.3.2 | *Áp dụng* các quy định pháp luật chuyên sâu về luật dân sự | K4 |
| 1.3.3 | *Áp dụng* các quy định pháp luật chuyên sâu về luật hình sự | K4 |
| 1.3.4 | *Áp dụng* các quy định pháp luật chuyên sâu về luật kinh tế - quốc tế | K4 |
| **PO2** | **PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ KỸ NĂNG NGHỀ NGHIỆP** |  |
| **PLOs2.1** | **Thể hiện phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp** |  |
| 2.1.1 | *Thể hiện* phẩm chất, quy tắc đạo đức trong hành nghề Luật | A4 |
| 2.1.2 | *Thể hiện* trách nhiệm nghề nghiệp trong việc thúc đẩy công lý và phục vụ cộng đồng | A4 |
| 2.1.3 | *Thể hiện* khả năng học tập độc lập, quản lý thời gian và nhận biết năng lực của bản thân | A5 |
| **PLOs2.2** | **Vận dụng tư duy pháp lý, tư duy hệ thống và tư duy phản biện** |  |
| 2.2.1 | *Vận dụng* tư duy pháp lý  | S2 |
| 2.2.2 | *Vận dụng* tư duy hệ thống | S2 |
| 2.2.3 | *Vận dụng* tư duy phản biện | S2 |
| **PLOs2.3** | **Thực hiện nghiên cứu pháp lý** |  |
| 2.3.1 | *Thực hiện* nghiên cứu khoa học | S2 |
| 2.3.2 | *Thực hiện* nghiên cứu hồ sơ, tình huống pháp lý | S2 |
| **PO3** | **KỸ NĂNG GIAO TIẾP VÀ LÀM VIỆC NHÓM**  |  |
| **PLOs3.1** | **Thực hiện giao tiếp trong bối cảnh pháp lý** |  |
| 3.1.1 | *Thực hiện* giao tiếp bằng lời nói trong bối cảnh pháp lý | S3 |
| 3.1.2 | *Thực hiện* giao tiếp bằng văn bản trong bối cảnh pháp lý | S3 |
| 3.1.3 | *Thực hiện* giao tiếp bằng tiếng anh thông dụng | S3 |
| **PLOs3.2** | **Thực hiện kỹ năng làm việc nhóm** |  |
| 3.2.1 | *Thành lập, tổ chức và triển khai* hoạt động nhóm | S3 |
| 3.2.2 | *Lãnh đạo và hợp tác* trong hoạt động nhóm | S3 |
| **PO4** | **NĂNG LỰC HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG, XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN, THỰC HIỆN, ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG PHÁP LÝ PHÙ HỢP VỚI BỐI CẢNH XÃ HỘI NGHỀ NGHIỆP VÀ TỔ CHỨC** |  |
| **PLOs4.1** | **Hiểu bối cảnh xã hội, nghề nghiệp và tổ chức của hoạt động pháp lý** |  |
| 4.1.1 | *Hiểu* bối cảnh xã hội của hoạt động pháp lý | K3 |
| 4.1.2 | *Hiểu* bối cảnh nghề nghiệp và tổ chức của hoạt động pháp lý | K3 |
| **PLOs4.2** | **Hình thành ý tưởng, xây dựng phương án, thực hiện, đánh giá hoạt động pháp lý**  |  |
| 4.2.1 | *Hình thành* ý tưởng về hoạt động pháp lý trong các lĩnh vực | C3 |
| 4.2.2 | *Xây dựng* phương án hoạt động pháp lý trong các lĩnh vực  | C3 |
| 4.2.3 | *Tổ chức, thực hiện* hoạt động pháp lý trong các lĩnh vực | C3 |
| 4.2.4 | *Đánh giá* hoạt động pháp lý trong các lĩnh vực | C4 |

## 2.4. Định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành Luật có khả năng làm việc trong các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập, các công ty, doanh nghiệp tư nhân ở tất cả các lĩnh vực. có thể tóm tắt vị trí công tác mà sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhận ở các nhóm nghề nghiệp sau:

–  Nhóm 1: Làm việc cho các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp từ trung ương tới địa phương, đặc biệt là các cơ quan bảo vệ pháp luật như: tòa án, kiểm sát, thi hành án, công an… và các cơ quan Đảng, các tổ chức chính trị-xã hội (Thẩm phán, kiểm sát viên, công an…)

– Nhóm 2: Hành nghề độc lập hoặc làm việc cho các tổ chức cung cấp dịch vụ pháp lý như: văn phòng luật sư, công ty luật, văn phòng công chứng, thừa phát lại, quản tài viên, doanh nghiệp quản lý và thanh lý tài sản, các trung tâm trọng tài thương mại…của Việt Nam và nước ngoài; ( Luật sư, công chứng viên, hoa giải viên thương mại, quản tài viên hành nghề quản lý, thanh lý tài sản…)

– Nhóm 3: Làm việc cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước với tư cách là các chuyên viên, nhân viên pháp chế, tư vấn pháp luật, quản trị nhân sự, thu hồi nợ…;

– Nhóm 4: Giảng dạy và nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo, nghiên cứu về pháp luật, hành chính-chính trị như các trường đại học, cao đẳng, trung học, trung tâm nghiên cứu, viện nghiên cứu…;

– Nhóm 5: Làm việc cho các tổ chức phi chính phủ, liên chính phủ hoặc các tổ chức quốc tế có các hoạt động liên quan đến pháp luật.

## 2.5. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

***2.5.1. Tuyển sinh***

Thông tin tuyển sinh ngành:

Căn cứ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông báo, Hướng dẫn của Trường Đại học Vinh (http://www.vinhuni.edu.vn/tuyensinh)

* Vùng tuyển sinh: tuyển sinh trong cả nước\
* Đối tượng tuyển sinh: Các thí sinh trên toàn quốc đã tốt nghiệp THPT, đã tham gia kỳ thi THPT quốc gia theo quy định do Bộ Giáo dục và Đào tạo.
* Phương thức tuyển sinh: điểm xét tuyển là tổng điểm các bài thi/môn của từng tổ hợp xét tuyển của kỳ thi THPT theo quy định hiện hành Bộ Giáo dục và Đào tạo.
* Tổ hợp xét tuyển:

 Khối A00: Toán, Vật lý, Hóa học

 Khối D01: Toán, Tiếng Anh, Ngữ văn

 Khối C: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý

***2.5.2. Điều kiện tốt nghiệp***

Điều kiện xét, công nhận tốt nghiệp và xếp hạng tốt nghiệp được quy định theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Sinh viên đủ các điều kiện sau thì được xét và công nhận tốt nghiệp:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức bị đình chỉ học tập;

- Tích lũy đủ 126 tín chỉ của CTĐT;

*-* Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên;

- Đạt yêu cầu về trình độ ngoại ngữ, tin học, có chứng chỉ Giáo dục-Quốc phòng, Giáo dục thể chất theo quy định và hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với Trường.

## 2.6. Phương pháp giảng dạy và học tập

## Phương pháp giảng dạy và học tập của Khoa Luật dựa trên chuẩn đầu ra ở cấp độ chương trình, từ chuẩn đầu ra mong đợi của chương trình đạo tạo, thiết kế chuẩn đầu ra sinh viên, thiết kế chuẩn đầu ra môn học. Dựa trên chuẩn đầu ra này xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến hành giảng dạy: đề cương môn học, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và các công cụ đánh giá. Sau khi kết thúc môn học tiến hành đánh giá môn học và tiến đến đánh giá chương trình để tiến hành cải tiến chuẩn đầu ra chương trình.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bảng 2.2.** Ánh xạ giữa CĐR của CTĐT và các hoạt động giảng dạy - học tập

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động giảng dạy và học tập** |  |  |  **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** |  |  |  |
| **1.1** | **1.2** | **1.3** | **2.1** | **2.2** | **2.3** | **3.1** | **3.2** | **4.1** | **4.2** |  |  | **443ewds4.4** |
| Thuyết trình |  √ |  √ | *√* |  | *√* |  |  |  | *√* | *√* |  |  |  |
| Hướng dẫn |  | *√* | *√* |  | *√* | *√* |  | *√* | *√* | *√* |  |  |  |
| Tự học | *√* | *√* | *√* | *√* | *√* | *√* | *√* | *√* | *√* | *√* |  |  |  |
| Thảo luận | *√* | *√* | *√* |  | *√* | *√* | *√* |  | *√* | *√* |  |  |  |
| Giảng dạy tương tác | *√* | *√* | *√* | *√* |  |  | *√* | *√* |  |  |  |  |  |
| Giảng dạy trực tiếp  | *√* | *√* | *√* | *√* | *√* | *√* |  |  | *√* | *√* |  |  |  |
| Giảng dạy gián tiếp  | *√* | *√* | *√* | *√* | *√* | *√* | *√* | *√* | *√* | *√* |  |  |  |

 |  |  |
|  |  |  |

## 2.7. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

## Phương pháp đánh giá sinh viên dưa trên chuẩn đầu ra môn học (CLOs) và CLOs phản ánh mức độ đạt được của PLOs. Việc đánh giá này phải đảm bảo tính giá trị, tin tưởng và công bằng. Đánh giá sinh viên bao gồm thi đầu vào, đánh giá quá trính và đánh giá tổng thể cuối kỳ. Các phương pháp đánh giá bao gồm: trắc nghiệm khác quan đa lựa chọn, bài kiểm tra ngắn, bài tiểu luận, thực tập cuối khóa, vấn đáp, bài tập nhóm, tự luận... Chuẩn đánh giá là các rubrics môn học gồm rubrics thang điểm, rubrics phân tích và một số rubrics tổng hợp và đáp án môn học.

###### **Bảng 2.3**. Các hình thức đánh giá để đạt được CĐR của CTĐT

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các hình thức đánh giá** | **Tiêu chí đánh giá** |  | **CĐR của CTĐT** |
| **1.1** | **1.2** | **1.3** | **2.1** | **2.2** | **2.3** | **3.1** | **3.2** | **4.1** | **4.2** |
| Bài tập nhóm | Rubrics | *√* | *√* | *√* | *√* | *√* | *√* |  | *√* |  | *√* |
| Thi trắc nghiệm máy tính | Rubrics | *√* | *√* | *√* |  |  |  |  |  |  |  |
| Thi tự luận | Đáp án | *√* | *√* | *√* |  | *√* |  |  |  |  |  |
| Thi vấn đáp | Đáp án | *√* | *√* | *√* |  | *√* |  |  |  |  |  |
| Bài tập cá nhân | Đáp án | *√* | *√* | *√* | *√* | *√* |  |  |  |  | *√* |
| Đồ án | Rubrics | *√* | *√* | *√* | *√* | *√* | *√* | *√* | *√* | *√* | *√* |

## 2.8. Đối sánh chương trình đào tạo

## 2.8.1. Giới thiệu về các chương trình đối sánh:

## Chương trình đào tạo cũng được đối sánh với các chương trình đào tạo của các Trường đại học khác cũng ngành làm cơ sở đánh giá, cải tiến, phát triển chương trình như:

## CTĐT Đại học Qatar (QU)

## CTĐT Khoa Luật đại học Quốc Gia Hà Nội (VNU)

## CTĐT Đại học Luật Hà Nội ( HLU)

## 2.8.2. So sánh chương trình đào tạo

## a. So sánh khung CTĐT

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Chương trình  | Đại cương  | Chuyên ngành |  Tổng TC |
| Số TC | Tỷ lệ  | Số TC | Tỷ lệ |
| VNU | 27 | 17 % | 108 | 83% | 135 |
| HLU | 26 | 16% | 90 + 10 | 84% | 126 |
| QU | 33 | 25% | 90 | 75% | 123 |
| Vinhuni | 45 | 36% | 81 | 64% | 126 |

Kết quả cho thấy các chương trình trong nước có số tín chỉ cho các nhóm kiến thức cơ bản tương đương nhau, đó là tập trung phần lớn tín chỉ vào đào tạo chuyên ngành. Điều này phù hợp với quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo và cũng có sự tương đồng với chương trình của trường nước ngoài. Tuy nhiên, số tín chỉ của các môn đại cương của Khoa Luật- Đại học Vinh còn khá cao. Điều này phụ thuộc vào cách tiếp cận khi xây dựng chương trình, quy định và đặc trưng trong CTĐT của Đại học Vinh là đào tạo theo khối ngành.

***b. So sánh CĐR Chương trình đào tạo ( phụ lục CTĐT kèm theo)***

Thông qua CĐR trong CTĐT của các trường đối sánh cho thấy điểm chung về CĐR của các cơ sở đào tạo Luật trong nước và nước ngoài đều nhằm mục đích đào tạo cử nhân Luật có kiến thức pháp lý, kỹ năng nghề nghiệp và phẩm chất đạo đức. Cụ thể:

## Đại học Quatar CĐR gồm kiến ​​thức, kỹ năng và giá trị cốt lõi mà tất cả sinh viên tốt nghiệp hoàn thành chương trình Cử nhân Luật phải có được. Có 6 CĐR: (1) kiến ​​thức, (2), (3), (4): Kỹ năng; (5) giá trị nghề nghiệp (6) Hành vi tương ứng với 3 nhóm CĐR về kiến thức, kỹ năng cá nhân, nghề nghiệp và phẩm chất đạo đức

## Đại học Luật Hà Nội: CĐR sau khi sv tốt nghiệp phải đạt yêu cầu về kiến thức, gồm: kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành; yêu cầu về kỹ năng gồm: kỹ năng cứng (là kỹ năng tư duy pháp lý và thực hành nghề nghiệp cần đạt được để có thể độc lập trong việc vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tiễn) và kỹ năng mềm( kỹ năng nhằm nâng cao hiệu quả công việc chuyên môn, thích nghi với môi trường làm việc khác nhau và hòa nhập cộng đồng); yêu cầu về thái độ ( phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của luật gia, bản lĩnh nghề và yêu nghề, tinh thần thượng tôn pháp luật, phụng sự công lý; công bằng, liêm chính và nhân văn; lòng tự trọng, tôn trọng người khác và tự chịu trách nhiệm cá nhân…)

## Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội: gồm các CĐR về kiến thức và năng lực chuyên môn; CĐR về kỹ năng( gồm kỹ năng chuyên môn như: Tra cứu các văn bản pháp luật; Phát hiện, phân tích, đánh giá, phản biện, tư vấn các vấn đề pháp lý; Đàm phán, tư vấn và cung cấp dịch vụ pháp lý cho khách hàng… và kỹ năng bổ trợ như: Sử dụng tốt các công cụ giao tiếp, thuyết trình được trước đám đông; Tra cứu thông tin, tài liệu, soạn thảo văn bản và viết báo cáo phân tích, tổng hợp…); CĐR về phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và phẩm chất đạo đức xã hội.

Như vậy, so sánh với CĐR của các trường trong nước và ngoài nước ở đây cho thấy: ngoài các điểm chung về CĐR về kiến thức, phẩm chất đạo đức và kỹ năng nghề nghiệp thì CĐR trong khung chương trình đào tạo của Khoa Luật đại học Vinh còn có sự khác biệt ở chỗ: CTĐT Khoa Luật Vinh còn cung cấp CĐR tiếp cận CDIO, đó là khả năng: hình thành ý tưởng, thiết kế, xây dựng, lập kế hoạch và đánh giá hoạt động pháp lý trên các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội.

**PHẦN 3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC**

## 3.1. Cấu trúc chương trình dạy học

Chương trình dạy học (CTDH) ngành Luật học với tổng số 126 tín chỉ, 38 học phần là một thể thống nhất, gắn kết và liền mạch các bộ phận cấu thành theo chiều ngang và chiều dọc.

Theo chiều ngang, CTDH ngành Luật học bao gồm nội dung giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp, mỗi nội dung đảm nhận kiến thức và kỹ năng cần thiết. Cụ thể:

Giáo dục đại cương có khối lượng 45 tín chỉ, bao gồm 15 học phần (trong đó có 13 học phần bắt buộc và 2 học phần tự chọn) cung cấp kiến thức nền tảng về chính trị, kinh tế, xã hội pháp luật đại cương, ngoại ngữ, tin học; hình thành các kỹ năng cơ bản như kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm.

Giáo dục chuyên nghiệp có khối lượng 81 tín chỉ, được chia thành cơ sở ngành và chuyên ngành. Cơ sở ngành có khối lượng 51 tín chỉ, bao gồm 15 học phần (trong đó có 14 học phần bắt buộc và 1 học phần tự chọn) cung cấp kiến thức cốt lõi về pháp luật trên các lĩnh vực hành chính, dân sự, hình sự, kinh tế, quốc tế; phát triển các kỹ năng nghề nghiệp, rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp. Chuyên ngành có khối lượng 30 tín chỉ, bao gồm 8 học phần (trong đó có 5 học phần bắt buộc và 3 học phần tự chọn) cung cấp kiến thức chuyên sâu về pháp luật; phát triển các kỹ năng nghề nghiệp cũng như năng lực thực hành nghề nghiệp.

Theo chiều dọc, CTDH ngành Luật học bao gồm 33 học phần lý thuyết và 5 học phần thực hành, trải nghiệm. Trong đó, các học phần lý thuyết có khối lượng 102 tín chỉ, cung cấp các kiến thức từ đại cương đến chuyên ngành và các kỹ năng cơ bản. Các học phần đồ án có khối lượng 24 tín chỉ được thiết kế theo hướng hình thành và phát triển các kỹ năng cốt lõi của người học diễn tiến mức độ của học phần sau cao hơn học phần trước.

Cấu trúc CTDH ngành Luật học thể hiện rõ vai trò và liên kết logic và bổ trợ lẫn nhau giữa các mô-đun (nhóm học phần), học phần nhằm đạt được CĐR của chương trình đào tạo, thể hiện qua bảng 3.1.

**Bảng 3.1**. Ánh xạ các mô-đun của CTDH với CĐR của CTĐT

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Các mô-đun** | **Số lượng HP** | **Số TC** | **Tỷ lệ%TC** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** |
| **1.1** | **1.2** | **1.3** | **2.1** | **2.2** | **2.3** | **3.1** | **3.2** | **4.1** | **4.2** |
| (1) GDDC | 1. Chính trị, kinh tế, xã hội | 7 | 17 | 13,5 | ✓ |  |  |  |  |  | ✓ | ✓ |  |  |
| 2. Pháp luật đại cương và KHXH | 5 | 18 | 14,3 | ✓ |  |  | ✓ |  | ✓ | ✓ | ✓ |  |  |
| 4. Ngoại ngữ, tin học | 3 | 10 | 7,9 | ✓ |  |  |  |  |  | ✓ | ✓ |  |  |
| (2) GDCN | 5. Cơ sở ngành | 15 | 51 | 40,5 |  | ✓ |  | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |
| 6. Chuyên ngành | 8 | 30 | 23,8 |  |  | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |
| **Tổng (1)+(2)** | 38 | 126 | 100% |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| (3) | Học phần lý thuyết | 31 | 102 | 80,9 | ✓ | ✓ |  | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |
| (4) | Học phần thực hành, trải nghiệm | 7 | 24 | 19,1 |  |  | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |
| **Tổng (3) + (4)** | 38 | 126 | 100% |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| (5) | Học phần bắt buộc | 32 | 112 | 88,8 | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |
| (6) | Học phần tự chọn | 6 | 14 | 11,2 | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |
| **Tổng (5)+(6)** | 38 | 126 | 100% |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

## 3.2. Phân nhiệm giữa các học phần và CĐR của CTĐT

Phân nhiệm giữa các học phần và CĐR của CTĐT được thể hiện trong Bảng 3.2 sau đây:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **MHP** | **Tên học phần** | **1.1** | **1.2** | **1.3** | **2.1** | **2.2** | **2.3** | **3.1** | **3.2** | **4.1** | **4.2** |
| 1.1.1 | 1.1.2 | 1.2.1 | 1.2.2 | 1.3.1 | 1.3.2 | 1.3.3 | 1.3.4 | 2.1.1 | 2.1.2 | 2.1.3 | 2.2.1 | 2.2.2 | 2.2.3 | 2.3.1 | 2.3.2 | 3.1.1 | 3.1.2 | 3.1.3 | 3.2.1 | 3.2.2 | 4.1.1 | 4.1.2 | 4.2.1 | 4.2.2 | 4.2.3 | 4.2.4 |
| 1 | PLA20001 | Nhập môn nhóm ngành Chính trị - Luật | ✓ |  |  |  | ✓ |  |  |  | ✓ | ✓ | ✓ |  |  |  | ✓ |  | ✓ |  |  | ✓ | ✓ |  |  | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |
| 2 | LAW20001 | Lý luận về nhà nước và pháp luật | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | ✓ | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  | ✓ | ✓ |  |  |  |  |
| 3 | POL20001 | Lôgic hình thức | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |  | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  | ✓ | ✓ |  |  |  |  |  |  |
| 4 | INF20002 | Tin học  |  | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | LAW30003 | Xây dựng văn bản pháp luật |  |  | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | ✓ |  |  |  |  |  |  |  | ✓ | ✓ |
| 6 | LAW30001 | Luật Hành chính |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |  | ✓ | ✓ |
| 7 | POL11001 | Triết học Mác-Lênin | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | ✓ | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 8 | LAW20002 | Luật Hiến pháp | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  | ✓ | ✓ |  |  |  | ✓ |
| 9 |  | **Tự chọn 1** | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |  | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  | ✓ | ✓ |  |  |  |  |  |  |
| 10 | ENG10001 | Tiếng Anh 1 |  | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | ✓ |  | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 11 | LAW30002 | Luật Dân sự  |  |  | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |  | ✓ | ✓ |  |  |
| 12 | ENG10002 | Tiếng Anh 2 |  | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | ✓ |  | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 13 | POL11002 | Kinh tế chính trị Mác-Lênin | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | ✓ |  | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 14 | LAW30004 | Giáo dục pháp luật thực hành (CLE)  |  |  | ✓ | ✓ |  |  |  |  | ✓ | ✓ | ✓ |  |  |  |  | ✓ | ✓ |  |  | ✓ | ✓ |  |  | ✓ | ✓ | ✓ |  |
| 15 |  | **Tự chọn 2** | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |  | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |  |  |  |  |
| 16 | LAW30005 | Luật Hình sự  |  |  | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | ✓ |  | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | ✓ |
| 17 | LAW30006 | Luật Tố tụng hành chính |  |  |  | ✓ |  |  |  |  | ✓ |  |  |  |  | ✓ |  | ✓ |  | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 18 | LAW30007 | Luật Tố tụng dân sự |  |  |  | ✓ |  |  |  |  | ✓ |  |  |  |  | ✓ |  | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 19 | POL10003 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | ✓ |  | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 20 | SOW20001 | Xã hội học đại cương | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | ✓ |  |  | ✓ | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 21 | LAW30008 | Đồ án chuyên ngành Hành chính – Nhà nước |  |  | ✓ | ✓ | ✓ |  |  |  |  | ✓ |  |  | ✓ |  |  |  | ✓ | ✓ |  |  |  |  |  | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |
| 22 | LAW30009 | Luật Thương mại |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | ✓ |  |  |  |  |  |  |  | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |  |  | ✓ |  |
| 23 | POL11004 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |  | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  | ✓ | ✓ |  |  |  |  |  |  |
| 24 | LAW30010 | Luật Tố tụng hình sự |  |  |  | ✓ |  |  |  |  | ✓ |  |  |  |  | ✓ |  | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 25 |  | **Tự chọn 3** |  |  | ✓ |  |  |  |  |  |  |  | ✓ | ✓ |  |  |  |  |  |  |  | ✓ | ✓ |  |  |  |  |  |  |
| 26 | LAW30011 | Đồ án chuyên ngành Dân sự |  |  | ✓ | ✓ |  | ✓ |  |  |  |  | ✓ |  |  | ✓ |  | ✓ | ✓ | ✓ |  |  |  |  |  | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |
| 27 | LAW30012 | Luật Đất đai |  |  | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |  | ✓ | ✓ |  | ✓ |  |  |
| 28 | LAW30013 | Luật Hôn nhân và gia đình |  |  | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | ✓ |  | ✓ |  |  |  |  |  | ✓ | ✓ |  |  |  |  |
| 29 | LAW30014 | Luật Tài chính |  |  | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | ✓ | ✓ |
| 30 | LAW30015 | Đồ án chuyên ngành Hình sự |  |  | ✓ | ✓ |  |  | ✓ |  |  | ✓ |  | ✓ | ✓ |  |  | ✓ | ✓ | ✓ |  |  |  |  |  |  | ✓ | ✓ | ✓ |
| 31 |  | **Tự chọn 4** |  |  | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | ✓ | ✓ |  |  | ✓ | ✓ |  |  |
| 32 | POL10002 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |  | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  | ✓ | ✓ |  |  |  |  |  |  |
| 33 | LAW30016 | Luật Lao động |  |  | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | ✓ |  |  |  |  |  |  |  | ✓ | ✓ |  |  |  | ✓ |
| 34 | LAW30017 | Luật Quốc tế  |  |  | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |  | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  | ✓ | ✓ |  |  |  | ✓ |
| 35 | LAW30018 | Đồ án chuyên ngành Kinh tế - Quốc tế |  |  | ✓ | ✓ |  |  |  | ✓ |  |  | ✓ |  |  | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |  |  |  |  |  |  | ✓ | ✓ | ✓ |
| 36 |  | **Tự chọn 5** |  |  | ✓ | ✓ |  |  |  |  |  |  | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | ✓ | ✓ |
| 37 |  | **Tự chọn 6** |  |  | ✓ | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | ✓ | ✓ |  |  |  |  | ✓ | ✓ |
| 38 | LAW30019 | Thực tập và đồ án tốt nghiệp |  |  | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |  | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |  | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |

**Phân nhiệm giữa các học phần và CĐR chi tiết của CTĐT**

 (Xem **Phụ lục A**)

## 3.3. Kế hoạch giảng dạy

Kế hoạch giảng dạy của CTDH được mô tả trong Bảng 3.3, trong đó các ký hiệu như sau:*(1) Loại học phần:* 🞨 *– bắt buộc,*  *– tự chọn; (2) LT – lý thuyết, TH – thực hành, TL – thảo luận, BT – bài tập, ĐA – đồ án.*

###### **Bảng 3.3**. Kế hoạch giảng dạy của CTDH

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã học phần** | **Tên học phần** | **Loại học phần(1)** | **Số tín chỉ** | **Số tiết(2)** | **Mô đun** | **Phân kỳ** |
| **LT** | **TH** | **TL/ BT** | **ĐA**  |
| 1 | PLA20001 | Nhập môn nhóm ngành Chính trị - Luật | 🞨 | **3** |  |  |  | 45 | GDĐC | 1 |
| 2 | POL20001 | Lôgic hình thức | 🞨 | **3** | 30 |  | 15 |  | GDĐC | 1 |
| 3 | LAW21001 | Lý luận về nhà nước và pháp luật | 🞨 | **5** | 50 |  | 25 |  | GDĐC | 1 |
| 4 | INF20002 | Tin học | 🞨 | **3** | 30 | 15 |  |  | GDĐC | 1 |
| 5 | LAW30036 | Xây dựng văn bản pháp luật | 🞨 | **3** | 30 |  | 15 |  | GDCN | 1 |
| 6 | LAW31005 | Luật Hành chính | 🞨 | **4** | 40 |  | 20 |  | GDCN | 2 |
| 7 | LAW30006 | Luật Hiến pháp | 🞨 | **4** | 40 |  | 20 |  | GDCN | 2 |
| 8 | ENG10001 | Tiếng Anh 1 | 🞨 | **3** | 30 |  | 15 |  | GDĐC | 2 |
| 9 | POL11001 | Triết học Mác - Lênin | 🞨 | **3** | 30 |  | 15 |  | GDĐC | 2 |
| 10 |   | **Tự chọn 1** |  | 3 | 30 |  | 15 |  | GDĐC | 2 |
| 11 | LAW31016 | Giáo dục pháp luật thực hành (CLE) | 🞨 | **4** |  |  |  | 60 | GDCN | 3 |
| 12 | POL11002 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin | 🞨 | **2** | 20 |  | 10 |  | GDĐC | 3 |
| 13 | LAW31004 | Luật Dân sự | 🞨 | **4** | 40 |  | 20 |  | GDCN | 3 |
| 14 | LAW30009 | Luật Đất đai | 🞨 | **3** | 30 |  | 15 |  | GDCN | 3 |
| 15 | ENG10002 | Tiếng Anh 2 | 🞨 | **4** | 45 |  | 15 |  | GDĐC | 3 |
| 16 | POL11003 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 🞨 | **2** | 20 |  | 10 |  | GDĐC | 4 |
| 17 | LAW31019 | Luật Lao động | 🞨 | **3** | 30 |  | 15 |  | GDCN | 4 |
| 18 | LAW31011 | Luật Thương mại | 🞨 | **4** | 40 |  | 20 |  | GDCN | 4 |
| 19 | LAW31012 | Luật Tố tụng dân sự | 🞨 | **3** | 30 |  | 15 |  | GDCN | 4 |
| 20 | LAW30035 | Pháp luật về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất | 🞨 | **4** | 30 |  |  | 30 | GDCN | 4 |
| 421 |   | **Tự chọn 2** |  | **3** | 30 |  | 15 |  | GDĐC | 4 |
| 22 | POL11004 | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam | 🞨 | **2** | 20 |  | 10 |  | GDCN | 5 |
| 23 | LAW31007 | Luật Hình sự | 🞨 | **4** | 40 |  | 20 |  | GDCN | 5 |
| 24 | LAW31010 | Luật Tài chính | 🞨 | **3** | 30 |  | 15 |  | GDCN | 5 |
| 25 |   | **Tự chọn 3** |  | **3** | 30 |  | 15 |  | GDCN | 5 |
| 26 | LAW30041 | Tư vấn pháp luật lao động trong lĩnh vực quản trị nhân sự | 🞨 | **4** |  |  |  | 60 | GDCN | 5 |
| 27 | LAW31020 | Luật Quốc tế | 🞨 | **4** | 40 |  | 20 |  | GDCN | 6 |
| 28 | LAW30033 | Luật Tố tụng hành chính | 🞨 | **3** | 30 |  | 15 |  | GDCN | 6 |
| 29 | LAW31013 | Luật Tố tụng hình sự | 🞨 | **3** | 30 |  | 15 |  | GDCN | 6 |
| 30 | LAW30047 | Pháp luật về dịch vụ tài chính | 🞨 | **4** |  |  |  | 60 | GDCN | 6 |
| 31 | POL10002 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 🞨 | **2** | 20 |  | 10 |  | GDĐC | 6 |
| 32 | LAW30058 | Luật Cạnh tranh | 🞨 | **2** | 20 |  | 10 |  | GDCN | 7 |
| 33 | LAW30042 | Luật Hôn nhân và gia đình | 🞨 | **3** | 30 |  | 15 |  | GDCN | 7 |
| 34 | LAW31030 | Luật Thương mại quốc tế | 🞨 | **2** | 20 |  | 10 |  | GDCN | 7 |
| 35 | LAW30057 | Pháp luật về hợp đồng thương mại | 🞨 | **2** | 20 |  | 10 |  | GDCN | 7 |
| 36 |   | **Tự chọn 4** |  | **4** |  |  |  | 60 | GDCN | 7 |
| 37 | SOW20001 | Xã hội học đại cương | 🞨 | **3** | 30 |  | 15 |  | GDĐC | 7 |
| 38 | LAW31032 | Thực tập và Đồ án tốt nghiệp | 🞨 | **8** |  |  |  | 120 | GDCN | 8 |
|  | Tự chọn 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | LAW20025 | Lịch sử Nhà nước và pháp luật |  | **3** | 30 |  | 15 |  | GDĐC | 2 |
| 2 | HIS20003 | Lịch sử văn minh thế giới |  | **3** | 30 |  | 15 |  | GDĐC | 2 |
| 3 | HIS20004 | Tiến trình lịch sử Việt Nam |  | **3** | 30 |  | 15 |  | GDĐC | 2 |
|  | Tự chọn 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | LIT20006 | Cơ sở văn hóa Việt Nam |  | **3** | 30 |  | 15 |  | GDĐC | 4 |
| 2 | ECO21004 | Kinh tế vĩ mô |  | **3** | 30 |  | 15 |  | GDĐC | 4 |
| 3 | EDU20004 | Tâm lý học đại cương |  | **3** | 30 |  | 15 |  | GDĐC | 4 |
|  | Tự chọn 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | LAW30037 | Lý luận về Nhà nước pháp quyền |  | **3** | 30 |  | 15 |  | GDCN | 5 |
| 2 | LAW30040 | Pháp luật về quyền tự do kinh doanh |  | **3** | 30 |  | 15 |  | GDCN | 5 |
| 3 | LAW30039 | Pháp luật về sở hữu trí tuệ |  | **3** | 30 |  | 15 |  | GDCN | 5 |
| 4 | LAW30038 | Quyền con người trong pháp luật hình sự |  | **3** | 30 |  | 15 |  | GDCN | 5 |
|  | Tự chọn 4 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | LAW30059 | Giải quyết các vụ án hình sự trong lĩnh vực kinh tế |  | **4** |  |  |  | 60 | GDCN | 7 |
| 2 | LAW30060 | Giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại theo thủ tục tố tụng dân sự |  | **4** |  |  |  | 60 | GDCN | 7 |
| 3 | LAW30061 | Giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại ngoài toà án |  | **4** |  |  |  | 60 | GDCN | 7 |
| 4 | LAW30064 | Giải quyết vụ án hành chính trong lĩnh vực kinh tế |  | **4** |  |  |  | 60 | GDCN | 7 |

## 3.4. Sơ đồ cấu trúc chương trình dạy học

Luật Hiến pháp

Luật thương mai

Luật tố tụng hành chính

Đồ án chuyên ngành HC

Luật tài chính

Luật lao động

**Thực tập và đồ án TN**

**Học kỳ 3**

**Học kỳ 4**

**Học kỳ 5**

**Học kỳ 6**

**Học kỳ 7**

**Học kỳ 8**

Nhập môn ngành chính trị-luật

**Học kỳ 1**

**Học kỳ 2**

Tiếng Anh 1

GD thực hành PL

Xã hội học đại cương

Tự chọn 6

Luật tố tụng hình sự

Đồ án chuyên nhành KT-QT

Luật tố tụng dân sự

Chủ nghĩa XHKH

Lịch sử Đảng CSVN

Tư tưởng HCM

Luật quốc tế

Logic hình thức

Luật Dân sự

Tự chọn 2

Luật hình sự

Kinh tế CT Mac-Lenin

Đồ án chuyên ngành HS

Tự chọn 5

Tiếng anh 2

Tự chọn 3

Luật đất đai

Tự chọn 4

Xây dựng VBPL

Tin học

Triết học Mác-Lênin cương

Lý luận về NN&PL

Tự chọn 1

Luật Hành chính

Đồ án chuyên ngành Dân sự

Luật hôn nhân và GĐ

## 3.5. Ma trận kỹ năng

Luật hiến pháp chính trị

Luật thương mại

Luật Tố tụng hành chính

Đồ án chuyên ngành HC

Luật tài chính

Luật Lao động

**Thực tập và Đồ án TN**

**Học kỳ 3**

**Học kỳ 4**

**Học kỳ 5**

**Học kỳ 6**

**Học kỳ 7**

**Học kỳ 8**

Nhập môn ngành chính trị-luật

**Học kỳ 1**

**Học kỳ 2**

Tiếng Anh 1

Giáo dục thực hành PL

Xã hội học đại cương

Tự chọn 6

Luật tố tụng hình sự

Đồ án chuyên ngành KT-QT

Luật tố tụng dân sự

Chủ nghĩa XHKH

Lịch sử Đảng CSVN

Tư tưởng HCM

Luật Quốc tế

Logic hình thức

Luật Dân sự

Tự chọn 2

Luật Hình sự

Kinh tế CT Mac-Lenin

Đồ án chuyên ngành HS

Tự chọn 5

Tiếng anh 2

Tự chọn 3

Luật Đất đai

Tự chọn 4

Xây dựng VBPL

Tin học

Triết học MacLenin

Lý luận NNPL

Tự chọn 1

Luật hành chính

Đồ án chuyên ngành Dân sự

Luật tố tụng dân sự

System Thingking

Teamwork

Comunication

# PHẦN 4. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN

1. **PLA20001 - Nhập môn nhóm ngành Chính trị - Luật**

***Mô tả học phần***

- Học phần Nhập môn ngành Luật - Chính trị là học phần thuộc khối kiến thức cơ bản trong khung chương trình đào tạo cử nhân Luật học, Luật kinh tế, Chính trị, Quản lý Nhà nước

- Học phần cung cấp kiến thức về sự tác động, chi phối đến việc thực hiện hoạt động nghề nghiệp trong bối cảnh khác nhau. Đồng thời hướng dẫn sinh viên các kỹ năng tạo nền tảng cho việc học tập và làm việc hiệu quả: kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng nghiên cứu khoa học, kỹ năng quản lý thời gian, nhận biết năng lực bản thân

- Học phần giới thiệu cho sinh viên các chuyên ngành và làm rõ sự hiểu biết về bản chất của ngành nghề; phẩm chất đạo đức và trách nhiệm của người hành nghề.

- Học phần cung cấp thông tin về môi trường học đại học và các yếu tố để trở thành một sinh viên hiệu quả trong môi trường đại học; tạo động lực, cảm hứng, niềm đam mê học tập, từ đó giúp sinh viên xác định và xây dựng kế hoạch nghề nghiệp trong tương lai.

- Học phần nâng cao nhận thức của sinh viên về chương trình đào tạo tiếp cận CDIO, 12 Tiêu chuẩn CDIO.

 ***Mục tiêu học phần***

Học phần nhập môn ngành Luật - Chính trị cung cấp cho sinh viên kiến thức nhận biết về các yếu tố tác động, chi phối đến việc thực hiện hoạt động nghề nghiệp; vai trò của nghề và phẩm chất đạo đức, trách nhiệm của người hành nghề. Đồng thời học phần hướng dẫn sinh viên kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng nghiên cứu khoa học nhằm tạo khả năng học tập và làm việc hiệu quả.

 ***Chuẩn đầu ra học phần***

CLO1: Hiểu và nhận diện các yếu tố chính trị, pháp luật tác động, chi phối việc thực hiện hoạt động nghề nghiệp

CLO2: Hiểu về nguyên tắc đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp trong hoạt động chính trị và trong việc thúc đẩy công lý, phục vụ cộng đồng

CLO3: Thể hiện khả năng học tập độc lập, quản lý thời gian thông qua việc lập kế hoạch nghề nghiệp của bản thân, nhận biết năng lực bản thân

CLO4: Thể hiện tư duy phản biện, tư duy hệ thống

CLO5: Thực hiện tra cứu, thu thập tài liệu phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học, xác định được các phương pháp nghiên cứu khoa học

CLO6: Thực hiện giao tiếp bằng lời nói, giao tiếp bằng văn bản

CLO7: Thành lập, triển khai hoạt động nhóm hiệu quả

CLO8: Xây dựng ý tưởng, thiết lập phương án thực hiện, tổ chức và đánh giá hoạt động chính trị, pháp lý phục vụ đời sống xã hội

1. **PLO20001 - Lôgic hình thức**

***Mô tả môn học***

Lôgíc hình thức là học phần bắt buộc đối với sinh viên khối ngành khoa học xã hội và nhân văn. Khác với các môn học khác, môn học này nghiên cứu các hình thức cơ bản của tư duy như khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh và 4 qui luật cơ bản của tư duy. Việc nghiên cứu, học tập Logic hình thức là cần thiết bởi đây là một trong những môn khoa học có vai trò to lớn trong việc giúp con người có khả năng tư duy logic một cách tự giác. Nghiên cứu Logic hình thức giúp người học nâng cao khả năng phán đoán, suy luận, phát hiện ra những sai lầm, ngụy biện trong tư duy của bản thân và người khác. Nghiên cứu Logic hình thức cũng góp phần trang bị những công cụ nhận thức hết sức quan trọng để con người có thể đi sâu nghiên cứu trong những lĩnh vực khoa học cụ thể. Việc có được trình độ cao về logic hình thức, hiểu biết sâu sắc về các quy luật, qui tắc lôgíc sẽ giúp chúng ta trình bày ý kiến, lập luận của mình một cách chặt chẽ, mạch lạc, thuyết phục hơn.

 ***Mục tiêu môn học***

Mục tiêu tổng quát của học phần gồm:

Về kiến thức: Sinh viên hiểu và giải thích được các nội dung kiến thức cơ bản của môn học như khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh, các quy luật của tư duy như quy luật đồng nhất, quy luật cấm mâu thuẫn, quy luật loại trừ cái thứ ba, quy luật lý do đầy đủ.

Về kĩ năng: Môn học góp phần quan trọng trong việc rèn luyện khả năng, kỹ năng tư duy logic mà cụ thể là các thao tác tư duy với khái niệm, kỹ năng phán đoán, suy luận, chứng minh. Môn học còn giúp sinh viên áp dụng các kỹ năng này vào việc nghiên cứu, học tập các môn khoa học khác cũng như vận dụng trong thực tiễn nhận thức, trình bày, tranh luận, hùng biện... trong cuộc sống thường ngày. Từ đó nâng cao khả năng nhận thức và tư duy cho người học.

Về thái độ: Việc hiểu rõ bản chất của tư duy và tư duy logic sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình học tập các môn khác cũng như làm tăng lòng say mê nghiên cứu khoa học, thúc đẩy ham muốn tìm tòi, khám phá, sáng tạo ở người học.

***Chuẩn đầu ra học phần***

CLO1: Trình bày được đối tượng, nhiệm vụ, ý nghĩa của Logic hình thức. Giải thích được những vấn đề chung về khái niệm

CLO2: Giải thích được những vấn đề chung về phán đoán; Trình bày được nội dung quy luật đồng nhất; quy luật cấm mâu thuẫn; quy luật loại trừ cái thứ ba; quy luật lý do đầy đủ.

CLO3: Giải thích được những vấn đề chung về suy luận và những vấn đề chung về chứng minh.

CLO4: Vận dụng, thực hành được các thao tác tư duy với khái niệm. Có kĩ năng phán đoán, suy luận, chứng minh mạch lạc, logic, vận dụng được các kỹ năng này vào thực tiễn.

CLO5: Có khả năng nhận thức đúng đắn về vai trò của tư duy logic, vận dụng được các kiến thức và kỹ năng tư duy logic trong học tập và nghiên cứu các khoa học chuyên ngành.

1. **LAW21001 - Lý luận về nhà nước và pháp luật**

 ***Mô tả học phần***

Lý luận về Nhà nước và pháp luật là học phần có vị trí quan trọng trong chương trình đào tạo của toàn bộ khối ngành khoa học xã hội và nhân văn, được sắp xếp dạy học vào phân kỳ 1 của khóa học. Nội dung của học phần nhằm cung cấp cho sinh viên một hệ thống tri thức khoa học lý luận về Nhà nước và pháp luật làm nền tảng phương pháp luận cho quá trình nghiên cứu chuyên sâu các vấn đề chính trị, pháp lý, xã hội ở các nội dung tiếp theo trong chương trình đào tạo tại Trường đại học cũng như quá trình nghiên cứu, làm việc sau này của sinh viên.

***Mục tiêu học phần***

- Về kiến thức: học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật từ đó xây dựng cho sinh viên cách tư duy khoa học và phương pháp nhận thức khoa học về những vấn đề nhà nước và pháp luật; giúp sinh viên vận dụng những kiến thức đã học để phân tích và giải thích hiện tượng nhà nước và pháp luật trong thực tế.

- Về kĩ năng: học phần Lý luận về nhà nước và pháp luật nhằm làm hình thành ở sinh viên khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu các khoa học pháp lí khác, nhất là các môn khoa học pháp lí chuyên ngành luật trong chương trình đào tạo cử nhân luật. Bên cạnh đó, thông qua học phần, người học hình thành kĩ năng tổng hợp, hệ thống hoá các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kĩ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề của lí luận nhà nước pháp luật.

- Về thái độ: học phần nhằm xây dựng cho người học ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận, đánh giá các hiện tượng chính trị, pháp lí trong đời sống xã hội.

***Chuẩn đầu ra học phần***

CLO1: Hiểu tính độc lập tương đối của pháp luật và sự tác động qua lại giữa pháp luật và các yếu tố/hiện tượng khác trong xã hội (kinh tế, chính trị, đạo đức…)

CLO2: Hiểu ý nghĩa, sự cần thiết của việc điều chỉnh quan hệ xã hội bằng pháp luật

CLO3: Hiểu được sự tác động của bối cảnh xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam tới pháp luật và sự tác động trở lại của pháp luật đối với xã hội

CLO4: Xác định điều kiện cần và đủ để từ một quan hệ xã hội trở thành một quan hệ pháp luật

CLO5: Xác định loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí đi liền

CLO6: Hiểu tính độc lập tương đối và mối quan hệ qua lại giữa các ngành luật trong Hệ thống pháp luật Việt Nam

CLO7: Hiểu được vai trò của ý thức pháp luật đối với thực hiện pháp luật, vai trò của pháp luật đối với việc củng cố và nâng cao ý thức pháp luật

CLO8: Hiểu nguyên tắc thống nhất, đồng bộ trong xây dựng hệ thống pháp luật

1. **INF20002 - Tin học**

***Mô tả học phần***

Đây là học phần bắt buộc, được giảng dạy cho sinh viên các ngành Khoa học Xã hội nhân văn, Sư phạm Anh, Ngôn ngữ Anh,Giáo dục tiểu học, Giáo dục mầm non, Giáo dục thể chất. Học phần nhằm trang bị các kiến thức và kỹ năng căn bản về lĩnh vực công nghệ thông tin hỗ trợ trong các ngành, bao gồm các nội dung: Khai thác về hệ điều hành và Internet phục vụ ngành học; Xử lý văn bản và một số chức năng xử lý cao cấp của MS- Word; Sử dụng một số hàm đơn giản của MS-Excel để tính toán trên các bảng dữ liệu; Thực hành kỹ thuật biên tập video và tạo bài giảng hay bài thuyết trình; Kết hợp trình chiếu MS-PowerPoint và sử dụng phần mềm Adobe Presenter tạo bài giảng Elearning. Học phần hỗ trợ sinh viên trong học tập và nghiên cứu các học phần tiếp theo.

***Mục tiêu học phần***

Hiểu các khái niệm cơ bản về CNTT. Biết được các khái niệm căn bản về Internet để phục vụ học tập và nghiên cứu

Áp dụngđược các tính năng căn bản trên các ứng dụng cơ bản của MS-Office 2010

Áp dụng trình chiếu Movie Maker và phần mềm Adobe Presenter tạo bài giảng Elearning.

Biết được tổ chức bài báo cáo về lĩnh vực học tập và nghiên cứu

Có khả năng thực hiện hoạt động nhóm

Nhận thức được thái độ học tập tự giác, nghiêm túc để rèn luyện kỹ năng Tin học thông qua các bài thực hành

***Chuẩn đầu ra học phần***

G1.1. Hiểu được một số ứng dụng CNTT trong giáo dục, Hiểu được CNTT hỗ trợ trong giảng dạy và học tập.

G1.2. Hiểu được các thành phần cơ bản của máy tính; Biết được các khái niệm căn bản về Internet.; Biết thực hiện thao tác test online các bài đánh giá thường xuyên; Biết cách tìm kiếm tài liệu trên Internet phục vụ học tập và nghiên cứu

G2.1. Hiểu được các tính năng căn bản của một hệ soạn thảo và xử lý văn bản; Áp dụng được các chức năng trên MS-Word 2010

G2.2. Áp dụng được các tính năng căn bản của một bảng tính; Áp dụng được các chức năng trên bảng tính bằng công cụ MS-Excel 2010

G2.3. Áp dụng được các tính năng căn bản của một công cụ hỗ trợ trình chiếu, thuyết trình; Áp dụng thành thạo các tính năng hỗ trợ trình chiếu, thuyết trình của công cụ MS-PowerPoint 2010.

G3.1. Hiểu được các khái niệm tệp âm thanh, video, cách định dạng tệp âm thanh, video. Áp dụng vào thiết kế, chỉnh sửa video bằng công cụ Movie Maker; Hiểu được cách cài đặt và sử dụng phần mềm Adobe Presenter. Áp dụng tạo bài giảng E- learning bằng Adobe Presenter.

G4.1. Biết viết bài báo cáo trên các phần mềm soạn thảo; Biết thuyết trình báo cáo trên PowerPoint;

G5.1. Có khả năng thực hiện hoạt động nhóm

G6.1. Nhận thức được thái độ học tập tự giác, nghiêm túc để rèn luyện kỹ năng Tin học thông qua các bài thực hành

1. **LAW300036 - Xây dựng văn bản pháp luật**

 ***Mô tả học phần***

- Học phần Xây dựng văn bản pháp luật là học phần thuộc khối kiến thức cơ bản trong khung chương trình đào tạo cử nhân Luật học và Luật kinh tế

- Học phần cung cấp kiến thức về văn bản pháp luật và hệ thống văn bản pháp luật theo quy định hiện hành, giúp sinh viên nhận diện được văn bản pháp luật và khả năng phân biệt văn bản pháp luật với các văn bản khác, phân biệt các loại văn bản pháp luật với nhau; đồng thời trang bị kiến thức về tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng văn bản pháp luật, , quy trình xây dựng văn bản pháp luật.

- Ngoài ra, học phần cung cấp kỹ năng soạn thảo hình thức và nội dung văn bản pháp luật; cách thức tổ chức, triển khai xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản pháp luật nhằm đáp ứng yêu cầu của hoạt động quản lý

 ***Mục tiêu học phần***

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về vai trò của văn bản, văn bản pháp luật trong đời sống xã hội, hệ thống văn bản pháp luật, đặc điểm, hình thức, quy trình soạn thảo văn bản pháp luật. Đồng thời, học phần cũng hướng dẫn sinh viên kĩ năng soạn thảo các loại văn bản pháp luật; thực hiện việc giao tiếp bằng văn bản và cách thức tổ chức chức, triển khai xây dựng và kiểm tra, rà soát, đánh giá văn bản pháp luật nhằm đáp ứng hiệu quả yêu cầu của hoạt động quản lí nhà nước.

*Mục tiêu cụ thể:*

***-*** Sinh viên có kiến thức về văn bản nói chung và văn bản pháp luật nói riêng. Nhận diện được văn bản pháp luật theo quy định hiện hành, trình bày được các yêu cầu đối với văn bản pháp luật có chất lượng và hiểu được quy trình xây dựng văn bản pháp luật;

- Sinh viên có khả năng tổ chức và kỹ năng triển khai, soạn thảo văn bản pháp luật; sử dụng văn bản pháp luật để giao tiếp trong hoạt động quản lý nhà nước;

- Sinh viên có khả năng kiểm tra, đánh giá hoạt động xây dựng văn bản pháp luật cũng như việc soạn thảo văn bản pháp luật.

***Chuẩn đầu ra học phần***

CLO1: Hiểu vai trò, chức năng của văn bản trong đời sống xã hội

CLO2: Nhận diện và phân loại văn bản pháp luật

CLO3: Phân tích các yêu cầu về nội dung, ngôn ngữ, thể thức của văn bản pháp luật

CLO4: Xây dựng được quy trình soạn thảo văn pháp luật

CLO5: Phân biệt các hoạt động giám sát, kiểm tra, xử lý văn bản pháp luật

CLO6: Phân tích các tiêu chuẩn đánh giá tính hợp pháp, tính hợp lý của văn bản pháp luật

CLO7: Phân tích các phương thức xử lý văn bản pháp luật bất hợp pháp, bất hợp lý

CLO8: Thực hành kỹ năng soạn thảo văn bản pháp luật

CLO9: Thực hành kiểm tra, xử lý văn bản pháp luật bất hợp pháp, bất hợp lý

1. **LAW31005 - Luật Hành chính**

 ***Mô tả học phần***

Luật hành chính là học phần được sắp xếp dạy học vào phân kỳ 4 của khóa học dành cho ngành luật học và ngành luật kinh tế.

Nội dung của học phần nhằm cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức cơ bản về hoạt động quản lý hành chính nhà nước theo quy định pháp luật. Giúp sinh viên nhìn nhận quá trình này dưới góc nhìn của pháp luật, từ đó hiểu và thực hành tốt công việc sau khi ra trường.

***Mục tiêu học phần***

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về hoạt động quản lý hành chính nhà nước dưới góc độ pháp lý. Đồng thời, học phần cũng hướng dẫn sinh viên kĩ năng cách thức tổ chức triển khai các hoạt động quản lý hành chính nhà nước, từ đó vận dụng kiến thức về quản lý hành chính nhà nước nhằm đáp ứng hiệu quả yêu cầu của pháp luật

- Sinh viên thực hiện được kĩ năng nghiên cứu tình huống pháp lý trong quản lý hành chính nhà nước.

- Sinh viên có khả năng tổ chức thực hiện hoạt động pháp lý trong các lĩnh vực (ngành luật) và có khả năng tổ chức thực hiện hoạt động pháp lý (ngành luật kinh tế).

- Sinh viên có khả năng đánh giá hoạt động pháp lý trong các lĩnh vực (ngành luật) và đánh giá hoạt động pháp lý (ngành luật kinh tế).

***Chuẩn đầu ra học phần***

CLO1: Hiểu bản chất hoạt động quản lý hành chính nhà nước khái niệm, đặc điểm, đối tượng nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu

CLO2: Hiểu, nhận diện và phân loại các quy phạm và quan hệ pháp luật hành chính, Các nguyên tắc trong quản lý hành chính nhà nước

CLO3: Trình bày hình thức, phương pháp trong quản lý hành chính nhà nước; thủ tục hành chính và quyết định hành chính

CLO4: Hiểu và Trình bày về địa vị pháp lý hành chính của cơ quan hành chính nhà nước và cán bộ công chức, cac tổ chức xã hội và công dân, người nước ngoài, người không quốc tịch

CLO5: Phân biệt địa vị pháp lý hành chính của các chủ thể trong quản lý hành chính nhà nước

CLO6: Trình bày các dạng trách nhiệm pháp lý hành chính

CLO7: Trình bày về vi phạm hành chính và các hình thức xử lý vi phạm hành chính

CLO8: Thực hành nghiên cứu tình huống, hồ sơ pháp lý trong quản lý hành chính nhà nước

CLO9: Thực hành hoạt động tổ chức thực hiện và đánh giá các vấn đề thời sự có liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý hành chính nhà nước hiện nay

1. **LAW30006 - Luật Hiến pháp**

***Mô tả học phần***

Luật Hiến pháp là học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức khoa học làm nền tảng cho quá trình nghiên cứu chuyên sâu các luật chuyên ngành tiếp theo trong chương trình đào tạo cử nhân Luật học, Luật kinh tế, Quản lý nhà nước. Nội dung của học phần nhằm cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức cơ bản và quan trọng nhất về chế độ chính trị, kinh tế, xã hội, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Giúp sinh viên có khả năng đánh giá các vấn đề thời sự chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước và thế giới.

***Mục tiêu học phần***

Học phần được thiết kế nhằm đảm bảo sinh viên có khả năng phân tích và vận dụng các kiến thức pháp luật cơ bản về chế độ chính trị, kinh tế, xã hội, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đồng thời, học phần cũng rèn luyện cho sinh viên tư duy hệ thống, tư duy phản biện các vấn đề có liên quan.

***Mục tiêu cụ thể:***

***-*** Sinh viên có kiến thức pháp luật cơ bản về chế độ chính trị, kinh tế, xã hội, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Nhận diện được các quan hệ xã hội thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật Hiến pháp;

- Sinh viên có khả năng tư duy hệ thống, tư duy phản biện, bình luận vụ việc, tình huống pháp lý liên quan đến Luật Hiến pháp;

- Sinh viên có khả năng nhận định vấn đề thời sự và bối cảnh thời sự liên quan đến Hiến pháp.

***Chuẩn đầu ra học phần***

CLO1: Hiểu, nhận diện những vấn đề cơ bản liên quan đến Luật hiến pháp

CLO2: Hiểu những kiến thức cơ bản về các bản Hiến pháp trong lịch sử lập hiến Việt Nam

CLO3: Hiểu kiến thức chế độ chính trị, kinh tế, xã hội

CLO4: Hiểu, áp dụng kiến thức quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong bối cảnh hiện nay ở Việt Nam

CLO5: Hiểu kiến thức về Quốc hội

CLO6: Hiểu kiến thức về Chủ tịch nước

CLO7: Hiểu kiến thức về Chính phủ

CLO8: Hiểu kiến thức về Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và Thực hiện đặt vấn đề trong bối cảnh tổ chức và hoạt động của các cơ quan trên trong thực tế

CLO9: Hiểu kiến thức về Chính quyền địa phương và Thực hiện hoạt động đánh giá tổ chức và hoạt động của các cơ quan trên trong thực tế

1. **ENG10001 - Tiếng Anh 1**

***Mô tả học phần:***

Tiếng Anh 1 là học phần ngoại ngữ bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ đại học cho sinh viên các ngành không chuyên ngữ. Học phần này được dạy – học theo định hướng chuẩn đầu ra bậc 3 Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương B1 khung tham chiếu châu Âu). Học phần (1) cung cấp cho sinh viên kiến thức ngôn ngữ về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, (2) hỗ trợ sinh viên thực hành và phát triển các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết tương đương bậc 3; (3) cung cấp cho sinh viên những kiến thức văn hóa xã hội của các quốc gia nói tiếng Anh và các nước trong khu vực cũng như trên thế giới; (4) phát triển các kĩ năng phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng ngoại ngữ.

***Mục tiêu học phần:***

- Về kiến thức: cung cấp cho sinh viên kiến thức ngôn ngữ về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm.

- Về kỹ năng: Thực hiện tương tác nhóm, làm việc nhóm, phát triển nhóm, đồng thời phát triển các kĩ năng phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng ngoại ngữ.

***Chuẩn đầu ra học phần:***

CLO1: Áp dụng kiến thức ngôn ngữ về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm

CLO2: Phát triển các hoạt động giao tiếp hiệu quả

CLO3: Thực hiện tương tác nhóm, làm việc nhóm, phát triển nhóm

1. **POL11001 - Triết học Mác – Lênin**

 ***Mô tả học phần***

Học phần triết học Mác - Lênin là học phần cung cấp thế giới quan khoa học và phương pháp luận biện chứng cho sinh viên, giúp sinh viện phát triển năng lực tư duy biện chứng và có khả năng vận dụng các nguyên lý, nguyên tắc phương pháp luận triết học vào trong thực tiễn cuộc sống. Đây là học phần bắt buộc ở học kỳ 1 năm thứ nhất trong chương trình đào tạo sinh viên của tất cả các ngành ở bậc Đại học. Học phần được kết cấu bởi 3 chương, trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quan về vấn đề triết học và triết học Mác – Lênin, học phần giúp sinh viên hình thành thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật, từng bước vận dụng trong nhận thức và hoạt động thực tiễn. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể tự phân tích, đề xuất biện pháp giải quyết một vấn đề triết học trong thực tiễn.

 ***Mục tiêu học phần***

**-** Giúp sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về triết học Mác - Lênin, từ vận dụng vào nghiên cứu khoa học chuyên ngành và thực tiễn xã hội.

**-** Hình thành ở sinh viên năng lực vận dụng những nguyên tắc phương pháp luận của CNDVBC và CNDVLS vào nhận thức và thực tiễn.

- Bồi dưỡng phẩm chất chính trị, đạo đức cho sinh viên.

***Chuẩn đầu ra học phần***

CLO1: Giải thích được những tri thức cơ bản về triết học Mác – Lênin

CLO2: Áp dụng lý luận triết học Mác - Lênin vào nhận thức khoa học và thực tiễn xã hội

CLO3: Thể hiện hiện bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng, đạo đức trong sáng

CLO4: Có khả năngvận dụng những nguyên tắc phương pháp luận của CNDVBC và CNDVLS vào nhận thức và thực thực tiễn;phê phán, đấu tranh chống luận điệu sai trái của chủ nghĩa duy tâm, chủ nghĩa nghĩa duy vật trước C.Mác

1. **Tự chọn 1**

**10.1. LAW20025 - Lịch sử nhà nước và pháp luật**

***Mô tả học phần***

Lịch sử nhà nước và pháp luật là học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức khoa học làm nền tảng cho quá trình nghiên cứu chuyên sâu các luật chuyên ngành tiếp theo trong chương trình đào tạo cử nhân Luật học, Luật kinh tế. Nội dung của học phần nhằm cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức về nhà nước và pháp luật cổ đại, trung đại, hiện đại, cận đại trên thế giới và ở Việt Nam.

 ***Mục tiêu học phần***

Học phần được thiết kế nhằm đảm bảo sinh viên có khả năng phân tích và vận dụng các kiến thức lịch sử nhà nước và pháp luật trong các thời kỳ cổ đại, trung đại, cận đại, hiện đại trên thế giới và Việt Nam. Đồng thời, học phần cũng rèn luyện cho sinh viên tư duy hệ thống các vấn đề có liên quan đến nhà nước và pháp luật trên thế giới và ở Việt Nam.

***-*** Sinh viên có kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật thời cổ đại, trung đại, cận đại và hiện đại trên thế giới và ở Việt Nam. Áp dụng vào quá trình hội nhập về nhà nước và pháp luật của Việt Nam với khu vực và thế giới trong tiến trình lịch sử và những giá trị, kinh nghiệm cần kế thừa trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay

- Sinh viên có khả năng tư duy hệ thống các vấn đề liên quan đến nhà nước và pháp luật phong kiến ở Việt Nam.

***Chuẩn đầu ra học phần***

CLO1: Hiểu được những kiến thức cơ bản, hệ thống về quá trình hình thành, phát triển của nhà nước và pháp luật trên thế giới và ở Việt Nam trong tiến trình lịch sử.

CLO2: Hiểu được sự kế thừa và phát triển những giá trị truyền thống về nhà nước và pháp luật qua các thời kì lịch sử, chỉ ra được những bài học kinh nghiệm trong quá trình xây dựng nhà nước và pháp luật ở Việt Nam hiện nay.

CLO3: Hiểu được quá trình hội nhập về nhà nước và pháp luật của Việt Nam với khu vực và thế giới trong tiến trình lịch sử và những giá trị, kinh nghiệm cần kế thừa trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay.

* 1. **HIS20003 - Lịch sử văn minh thế giới**

***Mô tả học phần***

Học phần Lịch sử văn minh thế giới thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, bắt buộc trong chương trình đào tạo của khối ngành Sư phạm xã hội và khối ngành Khoa học Xã hội & Nhân văn. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển và thành tựu của văn minh nhân loại qua các thời kỳ lịch sử. Người học có thể hình thành khả năng tự học, tự nghiên cứu cũng như nhận diện, giải quyết những vấn đề trong nghiên cứu tri thức về lịch sử, văn hóa văn minh thế giới. Ngoài ra, môn học còn giúp rèn luyện các kỹ năng cần thiết như giao tiếp và làm việc nhóm đáp ứng yêu cầu của xã hội.

***Mục tiêu học phần***

Học phần giúp sinh viên hiểu những khái niệm cơ bản về văn hóa, văn minh, về nguồn gốc, sự ra đời, phát triển, thành tựu của văn minh nhân loại; nắm được những ảnh hưởng của văn minh loại đối với Việt Nam. Hình thành được các kỹ năng và phẩm chất cá nhân trong quá trình học tập. Rèn luyện ý thức độc lập, tự chủ, tư duy sáng tạo, sẵn sàng chấp nhận rủi ro trong học tập và nghiên cứu; góp phần xây dựng quan điểm nhân văn, hình thành nhân cách của con người, biết quý trọng và gìn giữ những giá trị văn hoá vật chất và văn hoá tinh thần của nhân loại; có khả năng cảm nhận các giá trị nghệ thuật ; biết lựa chọn, cập nhật những kiến thức về văn hóa, văn minh và vận dụng hữu ích vào đời sống.

***Chuẩn đầu ra học phần***

CLO1.1: Hiểu những khái niệm cơ bản về văn hóa, văn minh, về nguồn gốc, sự ra đời, phát triển, thành tựu của văn minh nhân loại

CLO1.2: sử dụng kiến thức về tôn giáo, tín ngưỡng, di tích, danh thắng và di sản văn hóa để học tập hiệu quả; nắm được những ảnh hưởng của văn minh loại đối với Việt Nam.

CLO2: Hình thành được các kỹ năng và phẩm chất cá nhân trong quá trình học tập.

CLO3: Thực hành các kỹ năng làm việc nhóm thông qua việc tìm hiểu nguồn gốc ra đời, thành tựu chủ yếu... của các nền văn minh.

* 1. **HIS20004 - Tiến trình Lịch sử Việt Nam**

***Mô tả học phần***

Môn học Tiến trình Lịch sử Việt Nam cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và hệ thống về công cuộc dựng nước và giữ nước của ông cha, về quá trình đấu tranh kiên cường, bền bỉ, thông minh, sáng tạo để chống lại các thế lực xâm lược, bảo vệ đất nước, giữ gìn truyền thống văn hóa, phát triển kinh tế, xã hội của dân tộc. Từ đó, môn học giúp cho sinh viên có cái nhìn khái quát, toàn diện, hệ thống về quá trình phát sinh, phát triển của lịch sử dân tộc, quy luật phát triển cơ bản của lịch sử Việt Nam trong sự phát triển chung của lịch sử thế giới. Thông qua hoạt động học tập, môn học giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng cần thiết như rèn luyện về phương pháp nghiên cứu sử học, phương pháp đánh giá các sự kiện, nhân vật lịch sử và khám phá tri thức về lịch sử, văn hóa; kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình và tư duy phản biện nhằm đáp ứng Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo.

***Mục tiêu học phần***

Học phần được thiết kế để sinh viên có cái nhìn khái quát, toàn diện, hệ thống về quá trình phát sinh, phát triển của lịch sử dân tộc, quy luật phát triển cơ bản của lịch sử Việt Nam trong sự phát triển chung của lịch sử thế giới. Thông qua hoạt động học tập, môn học giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng cần thiết như rèn luyện về phương pháp nghiên cứu sử học, phương pháp đánh giá các sự kiện, nhân vật lịch sử và khám phá tri thức về lịch sử, văn hóa; kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình và tư duy phản biện nhằm đáp ứng Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo.

***Chuẩn đầu ra học phần***

CLO1: Hiểu và trình bày quá trình phát sinh, phát triển của lịch sử dân tộc qua từng giai đoạn và những bài học kinh nghiệm lịch sử

CLO2: Rèn luyện kỹ năng và phẩm chất cá nhân trong quá trình tiếp cận kiến thức lịch sử dân tộc

CLO3: Thực hành các kỹ năng làm việc nhóm thông qua việc tìm hiểu quá trình hình thành và phát triển của lịch sử dân tộc.

 **11. LAW31016 – Giáo dục pháp luật thực hành (CLE)**

***Mô tả học phần***

Giáo dục thực hành pháp luật là học phần đồ án cung cấp khối kiến thức cơ sở ngành thuộc khung chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật học và Luật kinh tế. Học phần này trang bị cho sinh viên luật kiến thức, kỹ năng thực hành và các giá trị để rèn luyện đạo đức nghề luật thông qua việc thực hiện các dịch vụ tư vấn pháp luật miễn phí tại văn phòng thực hành luật hoặc tham gia các hoạt động tuyên truyền, giảng dạy pháp luật cho cộng đồng. Để thực hiện được các hoạt động thực hành nghề nghiệp này, sinh viên phải tìm hiểu các kiến thức pháp luật, nghiên cứu hồ sơ, đánh giá, phân tích, tổng hợp thông tin…, đây là các kỹ năng cần thiết để học tập, nghiên cứu theo chương trình đào tạo ngành luật kinh tế cũng như để hành nghề luật trong tương lai.

***Mục tiêu học phần***

Sau khi học xong học phần Giáo dục thực hành pháp luật, về kiến thức: Sinh viên có khả năng áp dụng các quy định pháp luật Hiến pháp, hành chính, dân sự, đất đai, thương mại trong hoạt động tư vấn pháp luật tại văn phòng thực hành luật và hoạt động tuyên truyền, giảng dạy pháp luật cho cộng đồng. Về kỹ năng: Sinh viên thể hiện quan điểm/ thái độ đối với đạo đức nghề nghiệp; thể hiện thái độ đối với trách nhiệm nghề nghiệp trong việc thúc đẩy công lý và phục vụ cộng đồng; thực hiện hoạt động nghiên cứu hồ sơ, tình huống pháp lý; giao tiếp bằng lời nói; thực hiện làm việc cá nhân và làm việc nhóm; đồng thời hình thành ý tưởng và xây dựng kế hoạch thực hiện hoạt động tư vấn pháp luật, tuyên truyền phổ biến pháp luật cộng đồng. Đây là những kiến thức, kỹ năng rất cần thiết cho người học để có thể trở thành người hành nghề luật trong tương lai như kiểm sát viên, thư ký tòa án, luật sư…

***Chuẩn đầu ra học phần***

CLO1: Áp dụng các quy định pháp luật trong lĩnh vực hành chính- hiến pháp, dân sự… trong hoạt động tư vấn pháp luật, tuyên truyền phổ biến pháp luật

CLO2: Áp dụng các quy định pháp luật trong các lĩnh vực pháp luật tố tụng trong hoạt động tư vấn pháp luật.

CLO3: Thể hiện quan điểm, thái độ đối với đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động tư vấn pháp luật và tuyên truyền, phổ biến pháp luật cộng đồng

CLO4: Thể hiện quan điểm, thái độ đối với trách nhiệm nghề luật trong việc thúc đẩy công lý và phục vụ cộng đồng

CLO5: Thực hiện khả năng học tập độc lập, quản lý thời gian và nhận biết điểm mạnh, điểm yếu của bản thân trong hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật cộng đồng.

CLO6: Thực hiện kỹ năng nghiên cứu tình huống pháp lý trong hoạt trong hoạt động tư vấn pháp luật.

CLO7: Thực hiện kỹ năng giao tiếp bằNg lời nói trong hoạt động tư vấn pháp luật, tuyên truyền phổ biến pháp luật.

CLO8: Thành lập, tổ chức, triển khai hoạt động nhóm trong tuyên truyền, phổ biến pháp luật cộng đồng

CLO9: Lãnh đạo, hợp tác, xử lý mâu thuẫn trong nhóm hiệu quả trong hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật cộng đồng

***CLO10:*** Thực hiện hình thành ý tưởng hoạt động tư vấn pháp luật và tuyên truyền phổ biến pháp luật cộng đồng

CLO11: Thực hiện việc xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến pháp luật cộng đồng

CLO12: Tổ chức, thực hiện hoạt động tuyên truyền phổ biến pháp luật cộng đồng.

**12. POL11002 – Kinh tế chính trị Mác - Lênin**

***Mô tả học phần***

Kinh tế chính trị Mác - Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ bản của các ngành đào tạo trình độ đại học.

Học phần có 6 chương, bao gồm hệ thống tri thức về hàng hóa, thị trường, giá trị thặng dư, cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường, về kinh thế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế, về công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Trên cơ sở đó, trang bị cho sinh viên cơ sở lý luận để nhận thức đúng bản chất của các hiện tượng, các quan hệ kinh tế trong nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Đồng thời, góp phần hình thành kỹ năng thực hiện các hoạt động kinh tế, nâng cao bản lĩnh chính trị cho sinh viên.

***Mục tiêu học phần***

**-** Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác - Lênin. Từ đó giúp sinh viên hiểu và giải thích được quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, của Đảng Cộng sản về những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

**-** Bồi dưỡng bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm cho sinh viên trong bối cảnh toàn cầu hóa.

**-** Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích các vấn đề kinh tế - chính trị, từ đó có thể phản biện được các quan điểm, tư tưởng về các vấn đề kinh tế - chính trị.

***Chuẩn đầu ra học phần***

CLO1.1: Giải thích được kiến thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác – Lênin.

CLO1.2: Vận dụng lý luận kinh tế chính trị Mác - Lênin vào giải quyết các vấn đề kinh tế khi tham gia các hoạt động kinh tế, xã hội.

CLO2.1: Thể hiện bản lĩnh chính trị, tin tưởng vào sự phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam

CLO3.1: Có khả năng phản biện các quan điểm, tư tưởng về kinh tế chính trị

**13. LAW31004 - Luật Dân sự**

***Mô tả học phần***

Luật dân sự bao gồm các quy phạm pháp luật điều chỉnh quan hệ tài sản dưới hình thức hàng hoá - tiền tệ và một số quan hệ nhân thân phi tài sản. Một số chế định cơ bản của luật dân sự như: hợp đồng, quyền sở hữu, thừa kế, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Luật dân sự là môn học nền tảng, cần thiết cho sinh viên ngành luật giải quyết được các vấn đề pháp lý thuộc quan hệ pháp luật tư và là nền tảng để học các học phần khác như Luật hôn nhân gia đình, Luật tố tụng dân sự, Luật Thương mại, Luật Lao động...

 ***Mục tiêu học phần***

Môn học này được thiết kế nhằm đảm bảo sinh viên có khả năng phân tích và áp dụng các quy định pháp luật từng chế định cụ thể: tài sản, quyền thừa kế, hợp đồng và nghĩa vụ dân sự trong việc giải quyết vụ việc dân sự. Bên cạnh các kỹ năng soạn thảo hợp đồng, soạn thảo văn bản trong phân chia thừa kế, tổ chức và thực hiện các hoạt động pháp lý, sinh viên được rèn luyện về tư duy phản biện đối với vụ việc.

***Chuẩn đầu ra học phần***

CLO1.1: Áp dụng các quy định chung về nguyên tắc và quan hệ pháp luật dân sự trong việc giải quyết các vấn đề pháp lý

CLO1.2: Áp dụng các quy định pháp luật về quyền sở hữu, các quyền khác đối với tài sản, quyền thừa kế trong giải quyết các vụ việc dân sự

CLO1.3: Áp dụng các quy định pháp luật về hợp đồng dân sự, nghĩa vụ dân sự trong giải quyết các vụ việc dân sự

CLO1.4: Áp dụng các quy định pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hai ngoài hợp đồng trong giải quyết các vụ việc dân sự

CLO2.2. Thực hiện được đánh giá, phản biện vấn đề pháp lý trong lĩnh vực dân sự

CLO4.1. Thực hiện được việc thu thập thông tin, bằng chứng trong hoạt động tư vấn, giải quyết vụ việc dân sự

CLO4.2. Thể hiện khả năng hình thành ý tưởng và đánh giá tính khả thi, tính hợp pháp của ý tưởng trong hoạt động tư vấn, giải quyết vụ việc dân Sự

**14. ENG1002 - Tiếng Anh 2**

***Mô tả học phần***

Tiếng Anh 2 là học phần ngoại ngữ bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ đại học cho sinh viên các khoa không chuyên ngữ. Học phần này được dạy – học theo định hướng chuẩn đầu ra bậc 3 Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương B1 khung tham chiếu châu Âu). Học phần (1) cung cấp cho sinh viên kiến thức ngôn ngữ về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, (2) hỗ trợ sinh viên thực hành và phát triển các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết tương đương bậc 3; (3) cung cấp cho sinh viên những kiến thức văn hóa xã hội của các quốc gia nói tiếng Anh và các nước trong khu vực cũng như trên thế giới; (4) phát triển các kĩ năng phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng ngoại ngữ.

***Mục tiêu học phần***

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức ngôn ngữ về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, hỗ trợ sinh viên thực hành và phát triển các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết tương đương bậc 3; phát triển các kĩ năng phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng ngoại ngữ.

***Chuẩn đầu ra học phần***

CLO1: Áp dụng kiến thức tổng quan về ngôn ngữ bao gồm ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh bậc 3 trong giao tiếp

CLO2: Hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, nâng cao hiệu quả hoạt động giao tiếp bằng tiếng Anh.

**15. Tự chọn 2**

**15.1. LIT20006 – Cơ sở văn hóa Việt Nam**

***Mô tả học phần***

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về văn hóa học, văn hóa Việt Nam, giúp sinh viên hiểu được quy luật hình thành và phát triển của văn hóa, qua đó, lí giải và đánh giá đúng các hiện tượng văn hóa Việt Nam cụ thể.

***Mục tiêu học phần***

Nắm được những tri thức cơ bản, cần thiết cho việc hiểu văn hóa Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại: khái niệm, bản chất, đặc trưng, chức năng, cấu trúc, quy luật hình thành, phát triển; Có khả năng lập luận khoa học và giải quyết vấn đề, nghiên cứu và khám phá kiến thức; Thực hành các kỹ năng giao tiếp và kỹ năng làm việc nhóm; Vận dụng tri thức văn hóa Việt Nam để phân tích, đánh giá các hiện tượng văn hóa trong thời kỳ hội nhập

 ***Chuẩn đầu ra học phần***

**15.2. ECO21004 - Kinh tế vĩ mô**

***Mô tả học phần***

Học phần Kinh tế vĩ mô là môn học tự chọn, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần cung cấp các nguyên lý cơ bản của kinh tế vĩ mô về sự vận động của nền kinh tế tổng thể, gồm các biến số như: thu nhập quốc dân, lạm phát, thất nghiệp, tăng trưởng kinh tế, lãi suất, cán cân thanh toán, tỷ giá,... và cơ chế hoạt động của các thị trường trong nền kinh tế. Sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức để phân tích các biến số, chính sách kinh tế vĩ mô trong thực tế.

***Mục tiêu học phần***

Học phần cung cấp những vấn đề cơ bản của kinh tế vĩ mô: Lạm phát, thất nghiệp, suy thoái, tăng trưởng và các nguyên lý hoạt động của toàn bộ nền kinh tế. Học phần hướng đến việc sinh viên nhận biết được khái quát kinh tế vĩ mô, hiểuđược cơ chế hoạt động các thị trường trong nền kinh tế, áp dụng các kiến thức đã học vào thực hiện các chỉ tiêu và các chính sách kinh tế vĩ mô và có khả năng phân tích được sự vận động của tổng thể nền kinh tế, sự thay đổi các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô trong từng thị trường. Sinh viên có kỹ năng vận dụng các nguyên lý kinh tế vào thực tiễn nghiên cứu các hiện tượng kinh tế vĩ mô. Sinh viên có thái độ phân tích khách quan, đúng đắn đối với các chính sách điều hành kinh tế vĩ mô.

***Chuẩn đầu ra học phần***

CLO1.1: Nhận biết được khái niệm, phân loại các vấn đề của kinh tế vĩ mô

CLO1.2: Trình bày được cách thức đo lường các chỉ tiêu của kinh tế vĩ mô

CLO2.1: Hiểu được các thành tố cấu thành và các yếu tố ảnh hưởng đến cung, cầu trên các thị trường

CLO2.2: Hiểu được nguyên lý cân bằng trên các thị trường

CLO2.3: Hiểu được các biến động kinh tế và nguyên nhân gây ra biến động kinh tế

CLO3.1: Vận dụng đặc điểm và thành phần các biến số kinh tế vĩ mô trong mô hình và thị trường cụ thể

CLO3.2: Áp dụng được các chính sách, công cụ vào điều tiết nền kinh tế vĩ mô

CLO3.3: Tính toán được các bài toán xác định điểm cân bằng trên các thị trường

CLO4.1: Lý giải được nguyên nhân gây ra biến động các biến số kinh tế vĩ mô

CLO4.2: Lập được đồ thị biểu diễn các mô hình, các thị trường trên hệ trục tọa độ và phân tích hành vi, việc ra quyết định định của nền kinh tế

**15.3. EDU20004 - Tâm lý học đại cương**

***Mô tả học phần***

Học phần Tâm lý học đại cương là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ bản, dùng cho các nhóm ngành Khoa học xã hội và nhân văn. Học phần Tâm lý học đại cương trang bị cho người học những kiến thức về khoa học tâm lý người: sự hình thành và phát triển của tâm lý, các hiện tượng, quy luật và cơ chế vận hành của các quy luật tâm lý người, cơ sở tự nhiên và xã hội của tâm lý; giúp người học nghiên cứu, tìm hiểu tâm lý, giải thích các hiện tượng tâm lý trong cuộc sống và vận dụng được các kiến thức đã lĩnh hội vào việc tổ chức cuộc sống và trong hoạt động nghề nghiệp; Có khả năng tự đánh giá và tự tu dưỡng bản thân đáp ứng đòi hỏi của cuộc sống và nghề nghiệp.

***Mục tiêu học phần***

Học phần Tâm lý học đại cương khái quát hoá được những vấn đề lý luận cơ bản, nền tảng hiện đại về tâm lý người và những hiện tượng tâm lý cơ bản trong cuộc sống. Người học nhận diện được các vấn đề trong cuộc sống và hoạt động dưới góc độ tâm lí học, giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và hoạt động nghề nghiệp; Tự đánh giá và tự tu dưỡng, rèn luyện bản thân đáp ứng yêu cầu của cuộc sống và nghề nghiệp. Có kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm trong việc giải quyết các nhiệm vụ học tập. Phân tích, đánh giá được về mặt tâm lý các tình huống nảy sinh trong hoạt động nghề nghiệp và trong cuộc sống.

***Chuẩn đầu ra học phần***

CLO1.1: Phân tích được bản chất của hiện tượng tâm lý người theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng.

CLO1.2: Làm rõ được vai trò hoạt động, giao tiếp và sự phát triển tâm lý

CLO1.3: Hiểu được bản chất các giai đoạn phát triển tâm lý người; Phân tích ý thức là hiện tượng tâm lý cao cấp nhất ở con người; Trình bày được khái niệm chú ý. Phân tích được các thuộc tính tâm lý cơ bản của chú ý.

CLO1.4: Phát biểu được khái niệm cảm giác và tri giác, và so sánh những điểm giống và khác nhau giữa cảm giác và tri giác; Phân tích được các quy luật của cảm giác và tri giác.

CLO1.5: Trình bày được khái niệm và phân tích đặc điểm của tư duy, tưởng tượng; Phân biệt nhận thức cảm tính và nhận thức lý tính; Phân biệt tư duy và tưởng tượng.

CLO1.6: Phát biểu được khái niệm trí nhớ và phân tích được các giai đoạn cơ bản của trí nhớ; Trình bày được các khái niệm ngôn ngữ, và vai trò của ngôn ngữ đối với các quá trình nhận thức.

CLO1.7: Nắm được những quan niệm khác nhau về khái niệm nhân cách, đặc trưng của nhân cách, Trình bày được các phẩm chất, các thuộc tính nhân cách và sự hình thành nhân cách

CLO2.1: Vận dụng được kiến thức đã lĩnh hội vào việc giải thích các hiện tượng tâm lý trong cuộc sống và nghề nghiệp

CLO2.2: Vận dụng kiến thức vào việc nghiên cứu, tìm hiểu tâm lý con người

CLO2.3: Có khả năng tự điều khiển, điều chỉnh tâm lý đáp ứng yêu cầu của cuộc sống và nghề nghiệp.

CLO3.2: Có kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm trong việc giải quyết các nhiệm vụ học tập.

**16. POL11003 – Chủ nghĩa xã hội khoa học**

***Mô tả học phần***

Đây là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, bắt buộc đối với sinh viên tất cả các ngành theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần cung cấp cho sinh viên nhữngkiến thức lý luận cơ bản, hệ thống về chủ nghĩa xã hội: về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa, về vấn đề dân tộc và tôn giáo, về vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và việc vận dụng những lý luận đó vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

***Mục tiêu học phần***

**-** Giải thích kiến thức lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội.

**-** Thể hiện niềm tin vào CNXH và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

**-** Có khả năng phê phán, đấu tranh chống luận điệu sai trái về CNXH và về con đường đi lên CNXH ở Việt Nam

***Chuẩn đầu ra học phần***

CLO1.1: Giải thích được những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội

CLO1.2: Áp dụng lý luận của Chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội vào thực tiễn Việt Nam

CLO2.1: Thể hiện niềm tin vào CNXH và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

CLO2.2: Có khả năng phê phán**,** đấu tranh chống luận điệu sai trái về CNXH và về con đường đi lên CNXH ở Việt Nam.

**17. LAW30034 – Đồ án chuyên ngành Hành chính – Nhà nước**

***Mô tả học phần***

- Học phần Đồ án hành chính là học phần thuộc khối kiến thức giảng dạy theo hình thức đồ án trong chương trình đào tạo cử nhân Luật học, Luật kinh tế

- Sinh viên được tiếp nhận kiến thức và kỹ năng nghề Luật thông qua 15 tiết học lý thuyết và 45 tiết làm đồ án nhằm giải quyết các vụ việc hành chính

- Học phần cung cấp cho sinh viên kỹ năng thuyết trình, tranh biện; hướng dẫn sinh viên cách thức rà soát lỗi văn bản hành chính thông dụng, VB pháp luật, hợp đồng, đơn khởi kiện, đơn khiếu nại, tố cáo, trả lời đơn thư khiếu nại...

- Học phần hướng dẫn sinh viên thực hành kỹ năng CDIO trong giải quyết vụ việc hành chính, cụ thể: một là, hướng dẫn sinh viên cách hình thành các ý tưởng; đánh giá tính khả thi, tính hợp pháp trong ý tưởng về hoạt động pháp lý; hai là, hướng dẫn sinh viên quy trình thực hiện xây dựng kế hoạch giải quyết vụ việc hành chính. Ba là, hướng dẫn sinh viên xác định được phương pháp và tiêu chí đánh giá phù hợp với nguồn lực và bối cảnh thực tế.

**Mục tiêu học phần**

Học phần Đồ án hành chính cung cấp cho sinh viên các kỹ năng thuyết trình, tranh biện, rà soát văn bản và thực hành kỹ năng tư duy hệ thống, thể hiện trách nhiệm nghề nghiệp trong quá trình giải quyết vụ việc hành chính. Đồng thời học phần hướng dẫn sinh viên cách hình thành ý tưởng, cách xây dựng, thiết kế kế hoạch và tổ chức thực hiện ý tưởng trong hoạt động giải quyết các vụ việc hành chính.

***Chuẩn đầu ra học phần***

CLO1: Áp dụng kiến thức cơ bản và kiến thức chuyên sâu về Luật hành chính và tố tụng hành chính để giải quyết vụ việc hành chính

CLO2: Thể hiện sự tuân thủ các tiêu chuẩn về trách nhiệm nghề luật trong quá trình giải quyết vụ việc hành chính

CLO3: Có khả năng tư duy hệ thống trong quá trình giải quyết các vụ việc hành chính

CLO4: Có Khả năng thuyết trình, tranh biện để trình bày, giải quyết vụ việc hành chính

CLO5: Có Khả năng soạn thảo các VBHC, VBPL để trình bày, giải quyết vụ việc hành chính

CLO6: Có Khả năng hình thành ý tưởng để giải quyết vu việc hành chính

CLO7: Có Khả năng thiết kế, lập kế hoạch để giải quyết vụ việc hành chính

CLO8: Có Khả năng tổ chức, triển khai thực hiện và đánh giá quá trình giải quyết vụ việc hành chính

1. **LAW31007 - Luật Hình sự**

 ***Mô tả học phần***

Luật hình sự là học phần cung cấp khối kiến thức cơ sở ngành thuộc khung chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật học và Luật kinh tế. Học phần này cung cấp hệ thống kiến thức về tội phạm và hình phạt. Luật hình sự là môn học nền tảng, cần thiết cho sinh viên giải quyết các vấn đề pháp lý thuộc quan hệ pháp luật công và là nền tảng để học các học phần khác như Luật tố tụng hình sự, Quyền con người trong pháp luật hình sự… Đồng thời, người học sẽ hình thành kỹ năng tư duy phản biện; kỹ năng nghiên cứu hồ sơ, tình huống pháp lý và khả năng đánh giá hoạt động pháp lý trong lĩnh vực luật hình sự. Sinh viên được tiếp cận nhiều vụ án hình sự thông qua các tình huống, hồ sơ vụ án thực tế. Đây là cơ sở để sinh viên củng cố kiến thức thông qua thực tiễn, đồng thời là trải nghiệm quý giá để sinh viên hành nghề Luật trong tương lai.

***Mục tiêu học phần***

Sau khi học xong học phần Luật hình sự, về kiến thức: Sinh viên có khả năng áp dụng các quy định pháp luật hình sự trong hoạt động pháp lý bao gồm những quy định chung và những quy định về các tội phạm cụ thể. Về kỹ năng: Sinh viên được rèn luyện về tư duy phản biện các vấn đề pháp lý; thực hiện hoạt động nghiên cứu hồ sơ, tình huống pháp lý và thực hiện đánh giá hoạt động pháp lý trong lĩnh vực luật hình sự. Đây là những kiến thức, kỹ năng rất cần thiết cho người học để có thể trở thành người hành nghề luật trong tương lai như kiểm sát viên, thư ký tòa án, luật sư…

***Chuẩn đầu ra học phần***

CLO1.1: Phân tích được khái niệm, nhiệm vụ và các nguyên tắc cơ bản của Luật hình

CLO1.2: Phân tích được khái niệm, phân loại tội phạm và cấu thành tội phạm CLO1.3: Phân tích được các quy định của pháp luật hình sự về các giai đoạn thực hiện tội phạm

CLO1.4: Phân tích được các quy định của pháp luật hình sự về trách nhiệm hình sự, hình phạt và các biện pháp tư pháp

CLO1.5: Áp dụng được các quy định của pháp luật hình sự về quyết định hình phạt vào tình huống thực tế

CLO2: Áp dụng được các quy định của pháp luật hình sự về các tội phạm cụ thể để giải quyết tình huống pháp lý

CLO3: Vận dụng các bước của tư duy phản biện để phản biện các vấn đề pháp lý trong lĩnh vực hình sự

CLO4: Thực hiện hoạt động nghiên cứu hồ sơ vụ án hình sự, tình huống trong lĩnh vực hình sự

CLO5: Đánh giá hoạt động định tội danh và quyết định hình phạt

**19. LAW31012 - Luật Tố tụng dân sự**

***Mô tả học phần***

**-** Học phần Luật tố tụng dân sự là môn cơ sở ngành của chương trình đào tạo Luật, cung cấp kiến thức thuộc lĩnh vực tố tụng dân sự.

- Học phần Luật tố tụng dân sự nghiên cứu về các vấn đề pháp lý cũng như trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự tại tòa án phục vụ cho quá trình nghiên cứu, làm việc sau này của sinh viên. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp các vấn đề của xã hội để từ đó giúp người học có cái nhìn tổng quát và đầy đủ về lĩnh vực tố tụng dân sự.

- Kỹ năng mà người học thực hiện trong học phần là kỹ năng tư duy phản biện, nghiên cứu hồ sơ, tình huống pháp lý liên quan cụ thể đến từng nội dung học trong học phần Luật tố tụng dân sự.

***Mục tiêu học phần***

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thủ tục giải quyết vụ việc dân sự tại tòa án như xác định thẩm quyền giải quyết của Tòa án, xác định các chủ thể tham gia và nghĩa vụ chứng minh của các chủ thể, trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự tại tòa án như nộp đơn khởi kiện, đơn yêu cầu, thụ lý, lập hồ sơ và nghiên cứu hồ sơ, thu thập chứng cứ, hòa giải, mở phiên tòa, phiên họp dân sự. Qua đó sinh viên sẽ nắm được tiêu chuẩn ứng xử thể hiện trách nhiệm, và đạo đức nghề nghiệp của các chủ thể tham gia vào quá trình giải quyết vụ việc. Bên cạnh đó, sẽ rèn luyện cho sinh viên có kỹ năng tư duy phản biện, nghiên cứu phân tích và giải quyết tình huống; tổ chức các hoạt động tranh luận, tư vấn, nghiên cứu hồ sơ vụ án trong lĩnh vực tố tụng dân sự.

***Chuẩn đầu ra học phần***

CLO1.1: Áp dụng các quy định chung về nguyên tắc, thẩm quyền, chủ thể và chứng minh, chứng cứ trong giải quyết các vụ việc dân sự.

CLO1.2: Áp dụng các quy định pháp luật về trình tự, thủ tục giải quyết các vụ án dân sự tại tòa án cấp sơ thẩm trong giải quyết các vụ việc dân sự

CLO1.3: Áp dụng các quy định pháp luật về trình tự, thủ tục giải quyết các vụ án dân sự tại tòa án cấp phúc thẩm trong giải quyết các vụ việc dân sự

CLO2.1: Đánh giá được việc tuân thủ phẩm chất, quy tắc đạo đức trong hành nghề Luật trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự.

CLO2.2: Thực hiện phản biện, đánh giá vấn đề pháp lý trong giải quyết các vụ việc dân sự

CLO2.3: Thực hiện phản biện, đánh giá vấn đề pháp lý trong giải quyết các vụ việc dân sự

**20. LAW30033 - Luật Tố tụng hành chính**

***Mô tả học phần***

Học phần Luật Tố tụng hành chính Việt Nam là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong khung chương trình đào tạo cử nhân Luật học và Luật kinh tế được sắp xếp dạy học vào phân kỳ 4 của khóa học. Nội dung của học phần được giảng dạy chuyên sâu dưới góc độ làm rõ kiến thức pháp luật về các vấn đề pháp lí liên quan đến xét xử vụ án hành chính.

***Mục tiêu học phần***

Học phần được thiết kế nhằm đảm bảo sinh viên có kiến thức cơ bản về tài phán hành chính; ngành luật tố tụng hành chính; quyền và nghĩa vụ, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền, kĩ năng phản biện và kĩ năng nghiên cứu vận dụng văn bản, soạn thảo văn bản nhằm giải quyết các tình huống pháp lí trong tố tụng hành chính. Người học có kĩ năng làm quen và thực hành sau khi ra trường tham gia hoạt động tư pháp cũng như kĩ năng bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trước sự xâm phạm trái pháp luật của việc thực thi quyền hành pháp.

***Chuẩn đầu ra học phần***

CLO1: Hiểu được đối tượng, thẩm quyền xét xử vụ án hành chính

CLO2: Xác định các điều kiện khởi kiện và các căn cứ, hình thức thụ lý vụ án hành chính

CLO3: Áp dụng quy định pháp luật hiện hành để phân tích, làm rõ được các nội dung về: chuẩn bị xét xử sơ thẩm; thủ tục phiên tòa sơ thẩm và thủ tục xem xét lại bản án, quyết định của tòa về vụ án hành chính

CLO4: Thực hành kĩ năng xác định thẩm quyền, đương sự trong vụ án hành chính

CLO5: Thực hành kĩ năng tranh tụng trong xét xử vụ án hành chính

CLO6: Thực hành kỹ năng soạn thảo các văn bản có liên quan đến khởi kiện Vụ án hành chính

**21. SOW20001 – Xã hội học đại cương**

***Mô tả học phần***

Học phần Xã hội học đại cương thuộc khối kiến thức cơ sở của nhóm ngành Khoa học xã hội và nhân văn, cung cấp cho sinh viên những nội dung nền tảng về đối tượng nghiên cứu, lịch sử phát triển, các lý thuyết xã hội học hiện đại, phương pháp nghiên cứu xã hội học thực nghiệm và hệ thống khái niệm chuyên ngành. Người học có thể hình thành khả năng tự học, tự nghiên cứu cũng như nhận diện, phân tích các hiện tượng xã hội trong đời sống ở nhiều chiều cạnh khác nhau. Ngoài ra, môn học còn giúp sinh viên thực hành và phát triển các kỹ năng cần thiết như thuyết trình, giao tiếp, tư duy độc lập và tham gia hoạt động trong các nhóm đa ngành đáp ứng yêu cầu của xã hội.

***Mục tiêu học phần***

Học phần Xã hội học đại cương giúp cho người học nắm bắt được những phạm trù khái niệm cơ bản và phương pháp nghiên cứu của Xã hội học. Với hoạt động giảng dạy, học tập tiếp cận CDIO, người học sẽ được rèn luyện kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả trong các nhóm đa ngành cũng như thái độ tích cực, chủ động tự tìm kiếm tài liệu, nâng cao khả năng tự học, tự nghiên cứu. Ngoài ra, người học có thể nhận diện và phân tích sự tác động của bối cảnh xã hội đến các hành vi của con người, nhóm và cộng đồng trong đời sống thực tiễn.

***Chuẩn đầu ra học phần***

CLO1.1: Trình bày các lý thuyết, khái niệm cơ bản của xã hội học

CLO1.2: Trình bày quy trình nghiên cứu và các phương pháp thu thập thông tin của xã hội học

CLO2.1: Thể hiện thái độ chuyên nghiệp trong quá trình làm việc

CLO3.1: Tham gia hoạt động trong các nhóm đa ngành

CLO4.1: Nắm bắt các vấn đề xã hội và môi trường xã hội

1. **LAW30063 - Đồ án chuyên ngành Dân sự**

 ***Mô tả học phần***

Học phần có vị trí quan trọng trong Chương trình đào tạo bởi sự liên kết khối kiến thức áp dụng trong việc giải quyết vụ án dân sự về mặt nội dung và hình thức tố tụng.

Sinh viên được rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và vận dung kiến thức trong hoạt động thực tế nghề nghiệp. Cụ thể là, kỹ năng phản biện, kỹ năng nghiên cứu tình huống pháp lý, kỹ năng tư vấn cho đương sự trong vụ việc, kỹ năng giải quyết vụ án dân sự bằng thủ tục hòa giải và xét xử tại Tòa án nhân dân. Học phần được tích hợp kiến thức của nhiều học phần khác như Luật dân sự, Luật tố tụng dân sự và một số luật chuyên ngành khác theo nội dung vụ việc được giao,

 ***Mục tiêu học phần***

Học phần được thiết kế giảng dạy nhằm mục tiêu:

- Người học có khả năng vận dụng quy định pháp luật chuyên ngành luật dân sự để giải quyết vụ án dân sự tại Tòa án

- Người học thể hiện tư duy tư duy phản biện trong phân tích nội dung và chứng cứ, lập luận bảo vệ các đương sự trong vụ án dân sự. Bên cạnh đó, thực hiện hoạt động tóm tắt hồ sơ vụ án, soạn thảo văn bản pháp lý trong giải quyết vụ án dân sự, hoạt động giải quyết vụ án dân sự bằng thủ tục tố tụng tại Tòa án nhân dân.

- Người học hiểu được các yêu cầu về sự sự công bằng, tính chuyên nghiệp trong hoạt động nghề nghiệp thông qua việc quan sát, mô phỏng và thực hiện hoạt động tư vấn, xét xử vụ án dân sự .

***Chuẩn đầu ra học phần***

CLO1: Áp dụng kiến thức Luật dân sự và Luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án dân sự.

CLO2: Thể hiện khả năng học tập độc lập, quản lý thời gian và nhận biết năng lực của bản thân

CLO3: Vận dụng tư duy phản biện trong giải quyết vụ án dân sự

CLO4: Thực hiện giao tiếp trực tiếp tư vấn về giải quyết vụ án dân sự tại Tòa án

CLO5: Thực hiện soạn thảo các văn bản sử dụng trong hoạt động giải quyết tranh chấp tại Tòa án

CLO6: Thể hiện khả năng hình thành ý tưởng, xây dựng kế hoạch chuẩn bị tham gia phiên tòa sơ thẩm tại Tòa án

CLO7: Thực hiện hoạt động tham gia phiên tòa sơ thẩm với các vai trò: luật sư, kiểm sát viên, thư ký phiên tòa, thẩm phán phiên tòa

CLO8: Thực hiện đánh giá giải quyết vụ án dân sự tại phiên tòa sơ thẩm

1. **POL11004 - Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**

***Mô tả học phần***

Học phần Lịch sử Đảng là học phần bắt buộc thuộc khối khối kiến thức chung của các ngành đào tạo. Học phần trang bị những nội dung bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và vai trò lãnh đạo của Đảng trong tiến trình cách mạng Việt Nam. Qua học tập sinh viên có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, có bản lĩnh chính trị, tư tưởng. Học phần không những cung cấp những kiến thức cơ bản về sự ra đời và lãnh đạo của Đảng, mà còn hình thành cho sinh viên năng lực phân tích các sự kiện Lịch sử Đảng, bài học kinh nghiệm qua các thời kỳ.

***Mục tiêu học phần***

Học phần Lịch sử Đảng nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự ra đời và đường lối chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Thông qua học tập học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam giúp sinh viên có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, bảo vệ đường lối lãnh đạo của Đảng. Đồng thời rèn luyện sinh viên có bản lĩnh chính trị, tư tưởng vững vàng, năng lực phân tích sự kiện và đúc rút bài học kinh nghiệm.

***Chuẩn đầu ra học phần***

CLO1.1: Giải thích được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và vai trò lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ cách mạng.

CLO2.1: Thể hiện bản lĩnh chính trị, tư tưởng vững vàng trên lập trường quan điểm đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam.

CLO2.2: Rèn luyện được khả năng bảo vệ đường lối của Đảng và rút bài học về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình cách mạng.

**24. LAW31011 - Luật Thương mại**

***Mô tả học phần***

- Luật thương mại là học phần bắt buộc trong khối kiến cơ sở ngành Luật học.

- Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về quy chế pháp lý của thương nhân; quyền, nghĩa vụ của các chủ thể khi thực hiện các hoạt động thương mại; các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại của thương nhân.

- Trên cơ sở đó dần hình thành cho sinh viên kỹ năng tiếp cận và giải quyết một số tình huống pháp lý phát sinh trong quá trình thực hiện hoạt động thương mại của thương nhân và hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực thương mại của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

***Mục tiêu học phần***

Học phần hướng tới mục tiêu đào tạo người học có khả năng áp dụng các quy định pháp luật vào giải quyết các tình huống thực tế phát sinh trong lĩnh vực thương mại; góp phần giúp người học vận dụng kiến thức pháp lý thương mại hình thành kỹ năng tư duy pháp lý, kỹ năng thực hiện chính xác hoạt động nhóm, biết được bối cảnh xã hội, nghề nghiệp, tổ chức khi lên kế hoạch cá nhân, kế hoạch hoạt động; có kỹ năng tổ chức thực hiện hoạt động pháp lý trong lĩnh vực thương mại.

***Chuẩn đầu ra học phần***

CLO1.1: Áp dụng các vấn đề khái quát về Luật thương mại Việt Nam nhằm xác định đúng các quan hệ xã hội thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật Thương mại, nguồn của Luật Thương mại…

CLO1.2: Áp dụng kiến thức về địa vị pháp lý của doanh nghiệp (các quy định về thành lập, hoạt động, tổ chức lại, giải thể, phá sản) vào giải quyết tình huống pháp lý

CLO1.3: Áp dụng kiến thức về các hoạt động thương mại (mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ) vào giải quyết tình huống pháp lý

CLO1.4: Áp dụng kiến thức về các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại vào giải quyết tình huống pháp lý

CLO2.1: Vận dụng kiến thức pháp lý trong lĩnh vực thương mại hình thành tư duy pháp lý

CLO31: Hiểu bối cảnh xã hội, nghề nghiệp, tổ chức khi lên kế hoạch cá nhân, kế hoạch hoạt động

CLO3.2: Thực hiện việc phân bổ thời gian, sử dụng nguồn lực phù hợp trong việc tổ chức thực hiện hoạt động pháp lý trong lĩnh vực thương mại

1. **LAW 31013 - Luật Tố tụng hình sự**

***Mô tả học phần***

Luật tố tụng hình sự là học phần cung cấp khối kiến thức cơ sở ngành thuộc khung chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật học và Luật kinh tế. Học phần này cung cấp hệ thống kiến thức về trình tự thủ tục giải quyết vụ án hình sự theo quy định của pháp luật (bao gồm khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử). Luật tố tụng hình sự được giảng dạy sau khi sinh viên đã hoàn thành xong học phần Luật hình sự, người học tích lũy đủ kiến thức áp dụng giải quyết được vụ án hình sự theo trình tự thủ tục luật định. Đồng thời, với học phần này, sinh viên thực hiện tuân thủ các quy tắc đạo đức cơ bản chi phối nghề luật, có kỹ năng tư duy phản biện và kỹ năng nghiên cứu hồ sơ, tình huống pháp lý. Sinh viên được tiếp cận nhiều vụ án hình sự thông qua các tình huống, hồ sơ án thực tế. Bên cạnh đó, người học còn được trực tiếp tham dự các phiên tòa hình sự thực tế tại các tòa án. Đây là cơ sở để sinh viên củng cố kiến thức thông qua thực tiễn, đồng thời là trải nghiệm quý giá để sinh viên hành nghề Luật trong tương lai.

***Mục tiêu học phần***

Sau khi học xong học phần Luật tố tụng hình sự, về kiến thức: Sinh viên có khả năng áp dụng các quy định pháp luật trong lĩnh vực tố tụng hình sự để giải quyết các tình huống, vụ án hình sự theo trình tự, thủ tục luật định. Về kỹ năng, thái độ: Sinh viên thể hiện sự tuân thủ đối với các quy tắc đạo đức nghề nghiệp và phản ứng đối với những hành vi trái đạo đức nghề nghiệp. Sinh viên thực hiện được hoạt động phản biện các vấn đề pháp lý và thực hiện được hoạt động nghiên cứu hồ sơ, tình huống pháp lý trong lĩnh vực tố tụng hình sự. Đây là những kiến thức, kỹ năng, thái độ rất cần thiết cho người học để có thể trở thành người hành nghề luật trong tương lai như kiểm sát viên, thư ký tòa án, luật sư…

***Chuẩn đầu ra học phần***

CLO1.1: Phân tích được khái niệm, nhiệm vụ, những nguyên tắc cơ bản của Luật tố tụng hình sự

CLO1.2: Phân tích được các quy định của pháp luật tố tụng hình sự về cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng

CLO1.3: Phân tích được các quy định của pháp luật tố tụng hình sự về chứng cứ và chứng minh trong tố tụng hình sự

CLO1.4: Phân tích được các quy định của pháp luật tố tụng hình sự về các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế

CLO2: Áp dụng được những quy định của pháp luật tố tụng hình sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án hình sự

CLO3: Thể hiện phẩm chất, quy tắc đạo đức trong khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng và phản ứng đối với những hành vi trái đạo đức nghề nghiệp của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng

CLO4: Thực hiện các bước của tư duy phản biện để phản biện các vấn đề pháp lý trong lĩnh vực tố tụng hình sự

CLO5: Thực hiện hoạt động nghiên cứu hồ sơ, tình huống pháp lý để giải quyết vụ án hình sự theo trình tự, thủ tục luật định

1. **Tự chọn 3**
	1. **LAW30037 - Lý luận về nhà nước pháp quyền**

***Mô tả học phần***

- Học phần Lý luận về nhà nước pháp quyền là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong khung chương trình đào tạo cử nhân Luật học và Luật kinh tế.

- Học phần cung cấp khối kiến thức lý luận về nhà nước pháp quyền; lịch sử tư tưởng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam và ở các quốc gia; thực tiễn về xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam và phương hướng, giải pháp thúc đẩy hiệu quả xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam trong điều kiện, yêu cầu hiện nay.

- Học phần có sự xâu chuỗi khối kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành với các học phần nghiên cứu về pháp luật thực định và tạo nền tảng về mặt phương pháp cho khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ cử nhân luật và luật kinh tế.

***Mục tiêu học phần***

Học phần Lý luận về nhà nước pháp quyền cung cấp khối kiến thức lý luận chuyên sâu về nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước gắn với thể chế chính trị ở các quốc gia, đặc biệt là ở Việt Nam hiện nay; đánh giá được thực trạng về kết quả xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam hiện nay và xây dựng các luận cứ khoa học, giải pháp bảo đảm xây dựng thành công nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong điều kiện, bối cảnh và tình hình mới.

***Chuẩn đầu ra học phần***

CLO1: Hiểu khái quát các vấn đề chung về nhà nước pháp quyền: Khái niệm, đặc điểm, bản chất, các yếu tố bảo đảm.

CLO2: Hiểu lịch sử tư tưởng xây dựng nhà nước pháp quyền gắn với các kiểu nhà nước

CLO3: Trình bày thực trạng xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam: Hệ thống pháp luật, thực hiện nguyên tắc pháp quyền của BMNN

CLO4: Trình bày thực trạng thực hiện quyền lập pháp trong nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam

CLO5: Trình bày thực trạng thực hiện quyền hành pháp trong nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam

CLO6: Trình bày thực trạng thực hiện quyền tư pháp trong nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam

CLO7: Trình bày các phương hướng chủ yếu để bảo đảm xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam

CLO8: Trình bày các giải pháp xây dựng và hoàn thiện pháp luật trong yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam

CLO9: Trình bày các giải pháp tổ chức thực hiện pháp luật trong yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam

**26.2.LAW30040 - Pháp luật về quyền tự do kinh doanh**

***Mô tả học phần***

- Pháp luật về quyền tự do kinh doanh là học phần tự chọn (thuộc nhóm Tự chọn 2) trong khối kiến cơ sở ngành Luật học.

- Học phần trang bị cho người học những kiến thức khái quát về quyền tự do kinh doanh, phân tích các nội dung của quyền tự do kinh doanh, lý giải một số hạn chế đối với quyền tự do kinh doanh trên thực tế.

- Học phần hình thành cho sinh viên kỹ năng xác định câu hỏi pháp lý liên quan đến quyền tự do kinh doanh, nhận diện các quy định pháp luật được cụ thể hoá từ quyền tự do kinh doanh trong các văn bản pháp luật hiện hành, đánh giá được mức độ tiến bộ của các quy định pháp luật đó.

- Sinh viên nên chọn học phần này vì học phần sẽ giúp sinh viên có cái nhìn bao quát về quyền tự do kinh doanh và phần nào dự đoán được xu hướng phát triển của các quy định pháp luật thể hiện quyền tự do kinh doanh trong thời gian tới.

***Mục tiêu học phần***

Học phần hướng tới mục tiêu đào tạo người học có khả năng vận dụng nguyên tắc về quyền tự do kinh doanh vào việc lý giải một số quy định pháp luật trong lĩnh vực kinh doanh và giải quyết các tình huống thực tế; thể hiện được khả năng học tập độc lập, quản lý thời gian và nhận biết năng lực của bản thân; vận dụng chính xác tư duy pháp lý về quyền tự do kinh doanh; thành lập, tổ chức và triển khai chính xác hoạt động nhóm; lãnh đạo và hợp tác chính xác trong hoạt động nhóm.

***Chuẩn đầu ra học phần***

CLO1.1: Hiểu các vấn đề khái quát về quyền tự do kinh doanh như khái niệm, nội dung, những yếu tố chi phối quyền tự do kinh doanh, ý nghĩa của quyền tự do kinh doanh, các cơ chế bảo đảm quyền tự do kinh doanh.

CLO1.2: Áp dụng quy định pháp luật về quyền được bảo đảm sở hữu đối với tài sản và quyền tự do thành lập doanh nghiệp trong các hoạt động pháp lý

CLO1.3: Áp dụng quy định pháp luật về quyền tự do hợp đồng, quyền tự do cạnh tranh lành mạnh và quyền tự do giải quyết tranh chấp kinh tế trong các hoạt động pháp lý

CLO1.4: Áp dụng kiến thức về hạn chế quyền tự do kinh doanh nhằm lý giải một số trường hợp hạn chế quyền tự do kinh doanh trên thực tế.

CLO2.1: Thể hiện khả năng học tập độc lập, quản lý thời gian và nhận biết năng lực của bản thân

CLO2.2: Vận dụng chính xác tư duy pháp lý về quyền tự do kinh doanh

CLO3.1: Thành lập, tổ chức và triển khai chính xác các hoạt động nhóm

CLO3.2: Lãnh đạo và hợp tácchính xác trong hoạt động nhóm

**26.3. LAW30039 - Pháp luật về sở hữu trí tuệ**

***Mô tả học phần***

*-* Học phần Pháp luật về sở hữu trí tuệ là học phần tự chọn thuộc cơ sở ngành của chương trình đào tạo Luật, cung cấp kiến thức thuộc lĩnh vực sở hữu trí tuệ

 - Sinh viên nên chọn học phần này bởi lẽ, với các kiến thức và kỹ năng mà học phần pháp luật về sở hữu trí tuệ cung cấp sẽ giúp cho người học có thể hiểu rõ các khía cạnh dân sự cũng như cách thức khai thác thương mại quyền sở hữu trí tuệ - một loại tài sản có giá trị to lớn trong nền kinh tế tri thức hiện nay; đồng thời có cái nhìn đúng đắn về vấn đề bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

 - Kỹ năng mà người học thực hiện trong học phần là kỹ năng tư duy pháp lý, nghiên cứu hồ sơ, tình huống pháp lý liên quan cụ thể đến từng nội dung học trong học phần Luật sở hữu trí tuệ; kỹ năng làm việc độc lập của cá nhân; kỹ năng lãnh đạo và làm việc nhóm.

***Mục tiêu học phần***

Học phần Pháp luật về sở hữu trí tuệ giúp cho sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về quyền sở hữu trí tuệ như nguyên tắc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; chủ thể, đối tượng và nội dung quyền sở hữu trí tuệ; đăng ký bảo hộ, chấm dứt, hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ; chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ; bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Bên cạnh đó, sẽ rèn luyện cho sinh viên có kỹ năng tư duy pháp lý, kỹ năng làm việc độc lập của cá nhân; kỹ năng lãnh đạo và làm việc nhóm trong quá trình nghiên cứu phân tích và giải quyết tình huống.

***Chuẩn đầu ra học phần***

CLO1.1: Áp dụng được các quy định pháp luật để giải quyết tranh chấp về chủ thể, đối tượng, nội dung quyền sở hữu trí tuệ…

CLO1.2: Áp dụng được các quy định pháp luật để giải quyết tranh chấp về nội dung cơ bản hợp đồng và soạn thảo hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ

CLO1.3: Áp dụng được các quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ và các ngành luật có liên quan để xác định hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ và giải quyết các vụ việc tranh chấp về sở hữu trí tuệ.

CLO2.1: Hiểu và thực hiện đúng nguyên tắc, trách nhiệm của người hành nghề luật như tư vấn, thực hiện các quy định của pháp luật về SHTT

CLO2.2: Vận dụng kiến thức pháp luật về SHTT để phân tích, phản biện, bảo vệ vấn đề

CLO3.1: Tổ chức có hiệu quả các hoạt động nghiên cứu của nhóm

CLO3.2: Thể hiện khả năng lãnh đạo nhóm làm việc đạt hiệu quả thông qua kết quả đánh giá các bài trình bày và sản phẩm minh chứng kèm theo

**26.4. LAW30038 -.Quyền con người trong pháp luật hình sự**

***Mô tả học phần***

Quyền con người trong pháp luật hình sự là học phần cung cấp khối kiến thức chuyên ngành thuộc khung chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật học và Luật kinh tế. Học phần này cung cấp hệ thống kiến thức về pháp luật hình sự (trong đó chủ yếu là pháp luật tố tụng hình sự) với việc bảo vệ quyền con người. Học phần quyền con người trong pháp luật hình sự được giảng dạy sau khi sinh viên đã hoàn thành xong học phần Luật hình sự, Luật tố tụng hình sự. Đồng thời, với học phần này, sinh viên thực hiện tuân thủ các quy tắc đạo đức cơ bản chi phối nghề luật, có kỹ năng tư duy phản biện và kỹ năng nghiên cứu hồ sơ, tình huống pháp lý. Sinh viên được tiếp cận nhiều vụ án hình sự thông qua các tình huống, hồ sơ án thực tế. Bên cạnh đó, người học còn được trực tiếp tham dự các phiên tòa hình sự thực tế tại các tòa án. Đây là cơ sở để sinh viên củng cố kiến thức thông qua thực tiễn, đồng thời là trải nghiệm quý giá để sinh viên hành nghề Luật trong tương lai.

***Mục tiêu học phần***

Sau khi học xong học phần Quyền con người trong pháp luật hình sự, về kiến thức: Sinh viên có khả năng áp dụng các quy định của pháp luật hình sự để bảo vệ quyền con người trong quá trình giải quyết các tình huống, vụ án hình sự. Về kỹ năng, thái độ: Sinh viên thể hiện sự tuân thủ đối với các quy tắc đạo đức nghề nghiệp và phản ứng đối với những hành vi trái đạo đức nghề nghiệp. Sinh viên thực hiện được hoạt động phản biện các vấn đề pháp lý và thực hiện được hoạt động nghiên cứu hồ sơ, tình huống pháp lý trong lĩnh vực hình sự nhằm bảo vệ quyền con người. Đây là những kiến thức, kỹ năng, thái độ rất cần thiết cho người học để có thể trở thành người hành nghề luật trong tương lai như kiểm sát viên, thư ký tòa án, luật sư…

***Chuẩn đầu ra học phần***

CLO1.1: Phân tích được khái niệm, đặc tính cơ bản và phân loại quyền con người

CLO1.2: Phân tích được vấn đề nội luật hóa các quy định bảo vệ quyền con người trong các Công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên

CLO1.3: Phân tích được các nguyên tắc có bản của pháp luật hình sự với việc bảo vệ quyền con người

CLO1.4: Phân tích được một số quy định của pháp luật hình sự liên quan đến bảo vệ quyền con người

CLO2: Áp dụng được những quy định của pháp luật hình sự nhằm bảo vệ quyền con người trong các vụ án hình sự

CLO3: Thể hiện phẩm chất, quy tắc đạo đức trong quá trình hành nghề và phản ứng đối với những hành vi trái đạo đức nghề nghiệp của người có thẩm quyền bảo vệ quyền con người trong giải queeys vụ án hình sự

CLO4: Thực hiện các bước của tư duy phản biện để phản biện các vấn đề pháp lý trong lĩnh vực bảo vệ quyền con người

CLO5: Thực hiện hoạt động nghiên cứu hồ sơ, tình huống pháp lý để giải quyết vụ án hình sự nhằm bảo vệ quyền con người

**27. LAW30043 - Đồ án chuyên ngành Hình sự**

***Mô tả học phần***

Kỹ năng giải quyết các vụ án hình sự là học phần quan trọng trong chương trình đào tạo ngành Luật học bởi sự liên kết khối kiến thức và kỹ năng áp dụng trong việc giải quyết các vụ án hình sự.

Học phần được tổ chức dạy học theo hình thức đồ án, giúp sinh viên vận dụng được kiến thức pháp luật hình sự cả về nội dung lẫn hình thức tố tụng để giải quyết vụ án hình sự. Sinh viên cũng được rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp, cụ thể gồm, kỹ năng tư duy, kỹ năng nghiên cứu hồ sơ, kỹ năng giao tiếp thông qua tư vấn và tham gia tranh tụng tại phiên tòa xét xử vụ án hình sự. Trên cơ sở đó, sinh viên được rèn luyện khả năng ứng xử có trách nhiệm nghề nghiệp trong việc thúc đẩy công lý và phục vụ cộng đồng tại các môi trường làm việc khác nhau.

***Mục tiêu học phần***

Học phần được thiết kế giảng dạy nhằm mục tiêu:

Về kiến thức, học phần này được thiết kế nhằm đảm bảo sinh viên có khả năng phân tích và áp dụng các quy định pháp luật hình sự và tố tụng hình sự trong việc giải quyết các vụ án hình sự. Về kỹ năng, sinh viên sử dụng thành thạo kỹ năng tư duy pháp lý, tư duy hệ thống, kỹ năng nghiên cứu tình huống pháp lý, hồ sơ vụ án, kỹ năng giao tiếp; rèn luyện về khả năng xây dựng kế hoạch, thực hiện và đánh giá hoạt động pháp lý. Về thái độ, sinh viên thể hiện trách nhiệm nghề luật trong vai trò được giao nhằm thúc đẩy công lý và phục vụ cộng đồng.

***Chuẩn đầu ra học phần***

Các Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) phân nhiệm cho học phần:

PLO 1.2.1. (K4) Áp dụng các quy định chung của pháp luật trong các lĩnh vực luật chính như luật hành chính, luật dân sự, luật hình sự, luật kinh tế, luật quốc tế vào tình huống thực tế

PLO 1.2.2. (K4) Áp dụng các quy định của pháp luật trong các lĩnh vực luật tố tụng như tố tụng hành chính, tố tụng dân sự, tố tụng hình sự vào giải quyết vấn đề pháp lý

PLO 1.3.3. (K4) Áp dụng các quy định pháp luật chuyên sâu về luật hình sự

PLO 2.1.2. (A4) Thể hiện trách nhiệm nghề nghiệp trong việc thúc đẩy công lý và phục vụ cộng đồng

PLO 2.2.1. (S4) Vận dụng tư duy pháp lý

PLO 2.2.2. (S3) Vận dụng tư duy hệ thống

PLO 2.3.2. (S4) Thực hiện nghiên cứu hồ sơ, tình huống pháp lý

PLO 3.1.1. (S4) Thực hiện giao tiếp bằng lời nói trong bối cảnh pháp lý

PLO 3.1.2. (S4) Thực hiện giao tiếp bằng văn bản trong bối cảnh pháp lý

PLO 4.2.2. (C4) Xây dựng phương án hoạt động pháp lý trong các lĩnh vực

PLO 4.2.3. (C4) Tổ chức, thực hiện hoạt động pháp lý trong các lĩnh vực

PLO 4.2.4. (C4) Đánh giá hoạt động pháp lý trong các lĩnh vực

Các chuẩn đầu ra của học phần (CLO…)

CLO1. Áp dụng kiến thức pháp luật hình sự và tố tụng hình sự trong việc giải quyết vụ án hình sự.

CLO2. Thể hiện trách nhiệm nghề nghiệp trong việc thúc đẩy công lý và phục vụ cộng đồng trong vai trò được giao.

CLO3. Thực hiện thuần thục tư duy pháp lý trong giải quyết vụ án hình sự.

CLO4. Vận dụng tư duy hệ thống trong giải quyết vụ án hình sự.

CLO5. Thực hiện nghiên cứu tình huống pháp lý, nghiên cứu hồ sơ vụ án hình sự.

CLO6. Thực hiện giao tiếp thông qua tư vấn và tham gia tranh tụng tại phiên tòa xét xử vụ án hình sự.

CLO7. Thực hiện soạn thảo các văn bản sử dụng trong hoạt động giải quyết vụ án hình sự tại phiên tòa.

CLO8. Thành lập khả năng xây dựng kế hoạch chuẩn bị tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

CLO9. Thực hiện hoạt động tham gia phiên tòa sơ thẩm với các vai trò: luật sư, kiểm sát viên, thư ký phiên tòa, thẩm phán phiên tòa.

CLO10. Thực hiện đánh giá hoạt động giải quyết vụ án hình sự tại phiên tòa xét xử sơ thẩm

**28.LAW30009 - Luật đất đai**

***Mô tả học phần***

Luật Đất đai là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được giảng dạy cho sinh viên ngành Luật kinh tế vào học kỳ 3 và sinh viên ngành Luật học vào học kỳ 6. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về chế độ sở hữu đất đai, pháp luật về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai và quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định pháp luật đất đai. Từ đó, giúp người học có kiến thức để giải quyết những vụ việc, tranh chấp liên quan đến lĩnh vực đất đai xảy ra trên thực tế. Đồng thời, thông qua việc nghiên cứu, tìm hiểu các tình huống, hồ sơ tranh chấp trên thực tế, người học được rèn luyện kỹ năng tư duy, phân tích, nhận định và đánh giá hiện tượng, vụ việc trong lĩnh vực đất đai.

***Mục tiêu học phần***

Về kiến thức, người học áp dụng các kiến thức trong lĩnh vực đất đai để giải quyết vụ việc, tranh chấp về đất đai xảy ra trên thực tế. Về kỹ năng, người học có kỹ năng phân tích văn bản pháp luật; kỹ năng nghiên cứu, bình luận, đánh giá vụ việc, tình huống điển hình trong lĩnh vực đất đai. Về thái độ, người học có thái độ học tập, nghiên cứu nghiêm túc. Học phần giúp người học hiểu rõ vai trò, trách nhiệm của người hành nghề luật để hành xử chuyên nghiệp, có trách nhiệm, đạo đức với nghề.

***Chuẩn đầu ra học phần***

CLO1.1: Áp dụng quy định pháp luật về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất

CLO1.2: Áp dụng quy định pháp luật về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CLO1.3: Áp dụng quy định pháp luật về thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất

CLO1.4: Áp dụng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất

CLO2: Thể hiện phẩm chất, quy tắc đạo đức hành nghề tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai

CLO4.1: Tổ chức thực hiện tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai

CLO4.2: Có khả năng xây dựng phương án hoạt động dịch vụ pháp lý trong lĩnh vực đất đai

**29. LAW30042 - Luật Hôn nhân và gia đình**

***Mô tả học phần***

- Học phần Luật Hôn nhân và gia đình là môn cơ sở ngành của chương trình đào tạo Luật, cung cấp kiến thức thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình.

- Học phần Luật Hôn nhân và gia đình nghiên cứu chuyên sâu về quan hệ giữa các thành viên trong gia đình thuộc nhóm quan hệ nhân thân giữa vợ, chồng; cha mẹ và con, anh chị em, ông bà và cháu. Nhóm quan hệ tài sản giữa vợ, chồng và các thành viên khác trong gia đình.

- Sinh viên nên chọn học phần này bởi lẽ, nó không chỉ cung cấp kiến thức pháp luật về hôn nhân và gia đình mà còn cung cấp các vấn đề của xã hội để từ đó giúp người học có cái nhìn tổng quát và đầy đủ về lĩnh vực hôn nhân và gia đình.

- Kỹ năng mà người học thực hiện trong học phần là kỹ năng tư duy phản biện, nghiên cứu hồ sơ, tình huống pháp lý liên quan cụ thể đến từng nội dung học trong học phần Luật Hôn nhân và gia đình.

***Mục tiêu học phần***

Học phần Luật hôn nhân và gia đình giúp cho sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản liên quan đến tình hình kinh tế xã hội, đặc trưng của lĩnh vực và các căn cứ để làm phát sinh, chấm dứt quan hệ hôn nhân và gia đình; điều kiện kết hôn; quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong quan hệ hôn nhân và gia đình; xác định tài sản chung và riêng của vợ chồng; căn cứ ly hôn; chia tài sản khi ly hôn. Bên cạnh đó, sẽ rèn luyện cho sinh viên có kỹ năng tư duy phản biện, nghiên cứu phân tích và giải quyết tình huống; tổ chức các hoạt động tranh luận, tư vấn, nghiên cứu hồ sơ vụ án trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình.

***Chuẩn đầu ra học phần***

CLO1.1: Áp dụng được các quy định pháp luật để giải quyết tranh chấp về quan hệ pháp luật về nhân thân giữa vợ và chồng

CLO1.2: Áp dụng được các quy định pháp luật để giải quyết tranh chấp về quan hệ pháp luật về nhân thân giữa cha mẹ và con

CLO1.3: Áp dụng được các quy định pháp luật để giải quyết tranh chấp về quan hệ pháp luật về quan hệ tài sản giữa vợ và chồng

CLO1.4: Áp dụng các quy định pháp dân sự, hôn nhân gia đình để xác định quan hệ tài sản giữa cha mẹ và con và giữa các thành viên khác trong gia đình

CLO2.1: Vận dụng tư duy phản biện để bảo vệ quyền và lợi ích cho bên trong vụ án HNGĐ

CLO2.2: Thực hiện nghiên cứu hồ sơ vụ án về HNGĐ

CLO4.1: Hiểu bối cảnh xã hội để đưa ra những nhận xét, đánh giá, đề xuất về sửa đổi luật

CLO4.2: Hiểu bối cảnh nghề nghiệp để xác định định hướng phát triển của cá nhân và đánh giá nhu cầu xã hội. Sinh viên đưa ra ý tưởng để giải quyết vấn đề; bản án, từ đó chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả của thực hiện pháp luật quy định pháp luật, cũng như xác định được đặc thù của môn học liên quan đến hoạt động nghề nghiệp của một số công việc cụ thể như thẩm phán, luật sư, tư vấn…

1. **LAW31010 - Luật Tài chính**

 ***Mô tả học phần***

Luật tài chính là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được giảng dạy ở kỳ học thứ 5 của chương trình đào tạo trình độ đại học. Môn học này trang bị kiến thức pháp lý về tài chính công và tài chính doanh nghiệp. Kiến thức về tài chính công giúp người học hiểu và đánh giá được hoạt động ngân sách nhà nước của các cơ quan quản lý Nhà nước; hiểu và đánh giá được các chính sách thuế. Đồng thời, kiến thức về tài chính doanh nghiệp là cơ sở để người học ra quyết định tài chính cho doanh nghiệp một cách có đạo đức, không làm tổn hại tới lợi ích chung và lợi ích của người khác.

***Mục tiêu học phần***

Luật tài chính giúp người học có khả năng áp dụng kiến thức thuộc lĩnh vực kinh tế trong hoạt động pháp lý, cụ thể là pháp luật ngân sách nhà nước, pháp luật thuế và pháp luật tài chính doanh nghiệp vào việc giải quyết các tình huống pháp lý. Về kỹ năng, người học được thực hiện kỹ năng nghiên cứu khoa học, tổ chức hoạt động pháp lý và đánh giá hoạt động pháp lý

***Chuẩn đầu ra học phần***

CLO1.1: Áp dụng kiến thức luật ngân sách nhà nước vào việc giải quyết các tình huống pháp lý

CLO1.2: Áp dụng kiến thức luật tài chính doanh nghiệp vào việc giải quyết các tình huống pháp lý

CLO1.3: Áp dụng kiến thức luật thuế vào việc giải quyết các tình huống pháp lý

CLO2: Thực hiện việc tóm tắt quan điểm trong NCKH và nghiên cứu để giải quyết vấn đề mà GV đưa ra

CLO3: Thực hiện tổ chức hoạt động pháp lý khi có sự kiện/thông tin làm thay đổi hoạt động

CLO4: Thực hiện đánh giá hoạt động pháp lý

1. **Tự chọn 4**
	1. **LAW31015 - Đăng ký và quản lý hộ tịch**

***Mô tả học phần***

Môn học Đăng ký và quản lý Hộ tịch là một môn học cung cấp kiến thức chuyên sâu trong khung chương trình đào tạo cử nhân Luật học;

Kiến thức và kỹ năng của môn học tạo nền tảng cơ bản cho học viên ứng dụng vào nghề nghiệp sau tốt nghiệp, đặc biệt là công hộ tịch tại các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cũng như giải quyết các vấn đề liên quan trong cuộc sống.

Môn học được lồng ghép thành hai nội dung lớn, phần lý luận về công tác hộ tịch và quản lý hộ tịch; phần hướng dẫn nghiệp vụ đăng ký và quản lý hộ tịch. Môn học có vai trò cung cấp cho sinh viên sự hiểu biết khái quát về khái niệm hộ tịch, hệ thống cơ quan đăng ký và quản lý hộ tịch; việc thực hiện các quyền nhân thân cơ bản của công dân trong lĩnh vực hộ tịch; tầm quan trọng của quản lý hộ tịch, các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về nội dung, thủ tục đăng ký và quản lý hộ tịch, đặc biệt cung cấp các kĩ năng thực hiện công tác đăng ký và quản lý hộ.

 ***Mục tiêu học phần***

***-*** Về kiến thức: Môn học này được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản liên quan đến hoạt động đăng ký và quản lý hộ tịch bao gồm các nội dung về vị trí, vai trò; thẩm quyền; trình tự, thủ tục thực hiện trong lĩnh vực hộ tịch

- Về kĩ năng: Mục tiêu học phần hướng tới việc sinh viên có thể phân tích và áp dụng các quy định của pháp luật vào việc tư vấn, giải quyết các tình huống trong lĩnh vực hộ tịch từ đó giúp sinh viên hoàn thiện và nâng cao các kỹ năng nghiên cứu hồ sơ, kỹ năng xử lý các tình huống thực tế, kĩ năng trình bày các loại giấy tờ hộ tịch.

 - Về thái độ: học phần nhằm xây dựng cho người học tinh thần trách nhiệm cao trong quá trình giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan đến lĩnh vực hộ tịch.

***Chuẩn đầu ra học phần***

CLO1.1: Áp dụng các quy định chung về nguyên tắc, thẩm quyền; các bước thực hiện trong đăng ký hộ tịch

CLO1.2: Áp dụng các quy định pháp luật về thẩm quyền; trình tự, thủ tục đăng ký khai sinh, khai tử để giải quyết các vấn đề hộ tịch liên quan đến khai sinh

CLO1.3: Áp dụng các quy định pháp luật về thẩm quyền; trình tự, thủ tục trong đăng ký kết hôn; cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để giải quyết các vấn đề hộ tịch liên quan đến kết hôn.

CLO1.4: định pháp luật về nguyên tắc xác định cha, mẹ, con; thẩm quyền; trình tự, thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con để giải quyết các vấn đề hộ tịch liên quan đến nhận cha, mẹ, con.

CLO1.5: Áp dụng các quy định pháp luật về thẩm quyền; trình tự, thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch để giải quyết các vấn đề hộ tịch liên quan đến đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tich.

CLO2: Thể hiện khả năng phân tích tình huống pháp lý; xác định lựa chọn các quy phạm pháp luật phù hợp để giải quyết các tình huống cụ thể

CLO3: Thể hiện khả năng tổ chức và hoạt động nhóm trong quá trình giải quyết các tình huống pháp lý

CLO4: Hình thành ý tưởng để thực hiện hoạt động tư vấn, giải quyết các tình huống hộ tịch

CLO5: Thực hiện xây dựng kế hoạch thực hiện hoạt động tư vấn, giải quyết các tình huống pháp lý về hộ tịch

**31.2. LAW30045 - .Pháp luật về giao dich bảo đảm**

***Mô tả học phần***

- Học phần Pháp luật về giao dịch bảo đảm là môn tự chọn của chuyên ngành trong chương trình đào tạo Luật.

- Pháp luật về giao dịch bảo đảm cung cấp kiến thức chuyên ngành về dân sự liên quan đến quy định chung của pháp luật về đảm bảo thực hiện nghĩa vụ, các biện pháp bảo đảm và đăng ký giao dịch bảo đảm.

- Sinh viên nên chọn học phần này bởi lẽ, nó không chỉ cung cấp kiến thức pháp luật về giao dịch bảo đảm nói chung mà còn cung cấp kiến thức chuyên sâu về đăng ký giao dịch bảo đảm.

- Kỹ năng mà người học thực hiện trong học phần là kỹ năng tổ chức và thực hiện nhóm hiệu quả, có khả năng hình thành ý tưởng và xây dựng phương án hoạt động liên quan đến giao dịch bảo đảm. Có kỹ năng bình luận, đánh giá các quy định của pháp luật thực định nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng

***Mục tiêu học phần***

Pháp luật về giao dịch bảo đảm là giao dịch được xác lập với mục đích bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ dân sự. Học phần nghiên cứu chuyên sâu các nội dung: Các giao dịch bảo đảm cụ thể, bản chất của từng giao dịch bảo đảm; Điều kiện của tài sản bảo đảm và các phương thức xử lý tài sản bảo đảm; Xác lập giao dịch bảo đảm và hiệu lực của giao dịch bảo đảm; Khái niệm, ý nghĩa, mục đích, trình tự, thủ tục, hồ sơ đăng kí, thay đổi, bổ sung, xóa đăng kí GDBĐ.

***Chuẩn đầu ra học phần***

CLO1.1: ***Áp dụng*** các quy định chung về giao dịch bảo đảm trong việc giải quyết các vấn đề pháp lý.

CLO1.2: ***Áp dụng*** các quy định pháp luật về việc đăng ký thời gian có hiệu lực của việc đăng ký. Nhận xét được những điểm tích cực về trình tự, thủ tục đăng kí GDBĐ đối với từng loại tài sản bảo đảm.

CLO1.3: Áp dụng các quy định của pháp luật để chỉ các yêu cầu của quá trình thu giữ tài sản bảo đảm; Xác định được cơ chế thông báo và cung cấp thông tin giữa các cơ quan trong quá trình xử lý tài sản bảo đảm

CLO1.4: ***Áp dụng*** các quy định pháp luật để bảo vệ quyền và nghĩa vụ của của các bên trong hợp đồng bảo đảm thực hiện nghĩa vụ

CLO3.1: Tổ chức và hoạt động nhóm hiệu quả, chính xác

CLO3.2: Hoạt động nhóm và tương tác với các thành viên, các chủ thể khác chính xác và hiệu quả

CLO4.1: ***Thực hiện*** được việc thu thập thông tin, bằng chứng trong hoạt động tư vấn, giải quyết về giao dịch bảo đảm

CLO4.2: Thể hiện khả năng hình thành ý tưởng và đánh giá tính khả thi, tính hợp pháp của ý tưởng trong các hoạt động về giao dịch bảo đảm

**31.3. LAW30046 - Pháp luật về quản lý dự án đầu tư**

***31.4.1. Mô tả học phần***

Pháp luật về quản lý dự án đầu tư là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được giảng dạy cho sinh viên ngành Luật học vào học kỳ 6. Học phần trang bị cho người học kiến thức pháp luật về dự án đầu tư và quản lý dự án đầu tư. Trong đó, trọng tâm nội dung kiến thức nghiên cứu dưới góc độ pháp luật đầu tư, pháp luật đất đai về quản lý dự án đầu tư có sử dụng đất trong giai đoạn chuẩn bị thực hiện dự án.

***31.4.2. Mục tiêu học phần***

Về kiến thức, người học nắm được quy định pháp luật đầu tư, pháp luật đất đai về quản lý dự án đầu tư có sử dụng đất trong giai đoạn chuẩn bị thực hiện. Từ đó, giúp người học hình thành kỹ năng tư vấn pháp luật và giải quyết tranh chấp liên quan đến dự án đầu tư có sử dụng đất. Về thái độ, người học có thái độ học tập, nghiên cứu nghiêm túc.

***Chuẩn đầu ra học phần***

CLO1.1: Áp dụng kiến thức pháp luật về dự án đầu tư và quản lý dự án đầu tư

CLO1.2: Áp dụng kiến thức pháp luật để xác định hình thức sử dụng đất cho từng dự án đầu tư

CLO1.3: Áp dụng kiến thức pháp luật về thu hồi đất và bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để xác định phương án đền bù giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư

CLO1.4: Áp dụng kiến thức để tư vấn trình tự, thủ tục thực hiện dự án đầu tư

CLO2.1: Thể hiện khả năng tự nghiên cứu và quản lý thời gian, nhận biết được năng lực của bản thân

CLO2.2: Vân dụng tư duy pháp lý để giải quyết các tình huống, tranh chấp trên thực tế

CLO3.2: Có khả năng tổ chức, thực hiện và phân công làm việc nhóm thông qua tư vấn các tình huống trên thực tế

**31.4. LAW30044 - Tội phạm học**

***Mô tả học phần***

Tội phạm học là học phần cung cấp khối kiến thức chuyên ngành thuộc khung chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật học. Học phần này áp dụng kiến thức chuyên ngành về hình sự để phân tích các nội dung tội phạm hiện thực, tình hình tội phạm hiện thực, nguyên nhân của tội phạm nhằm đưa ra được các biện pháp phòng ngừa tội phạm hiện thực. Đồng thời, người học sẽ thực hiện thành thạo kỹ năng làm việc nhóm, hình thành kỹ năng đưa ra ý tưởng nghiên cứu thông qua tiếp cận và thu thập dữ liệu pháp lý về tội phạm hiện thực trên thực tiễn nhằm xác định được vấn đề cần nghiên cứu, xây dựng kế hoạch nghiên cứu, các bước nghiên cứu, đánh giá tính khả thi của ý tưởng nghiên cứu và thực hiện nghiên cứu về tội phạm hiện thực cụ thể.

 ***Mục tiêu học phần***

Sau khi hoàn thành học phần Tội phạm học, về kiến thức: Sinh viên có khả năng áp dụng các kiến thức chuyên ngành hình sự vào nghiên cứu ứng dụng tình hình tội phạm hiện thực, nguyên nhân của tội phạm hiện thực và đề xuất các biện pháp phòng ngừa tội phạm cụ thể. Về kỹ năng: Sinh viên được thực hiện thành thạo hoạt động làm việc nhóm, thực hiện đưa ra các ý tưởng, kế hoạch nghiên cứu và tiến hành nghiên cứu các nội dung tình hình, nguyên nhân, biện pháp phòng ngừa cho tội phạm hiện thực cụ thể trên thực tiễn. Đây là những kiến thức, kỹ năng rất cần thiết cho người học để có thể thực hiện nghiên cứu ứng dụng nhằm đưa ra giải pháp phòng ngừa tội phạm hiện thực, đây không chỉ là nghiên cứu ứng dụng có ý nghĩa cho công tác phòng ngừa tội phạm và còn là kỹ năng cần thiết cho người học khi hành nghề luật trong tương lai.

***Chuẩn đầu ra học phần***

CLO1.1: Hiểu được khái niệm, nội dung, nhiệm vụ của Tội phạm học và áp dụng các phương pháp nghiên cứu của Tội phạm học vào nghiên cứu các nội dung về tội phạm cụ thể

CLO1.2: Hiểu được các nội dung của tình hình tội phạm và áp dụng để phân tích tình hình tội phạm của các tội phạm cụ thể

CLO2: Hiểu được các nguyên nhân của tội phạm và áp dụng để phân tích các nguyên nhân của tội phạm cụ thể

CLO3: Hiểu được các biện pháp phòng ngừa tội phạm và áp dụng để phân tích, đánh giá, đề xuất các giải pháp phòng ngừa tội phạm cụ thể

CLO4: Thực hiện thành thạo hoạt động làm việc nhóm thông qua các bài tập nhóm về các tội phạm cụ thể.

CLO5: Hình thành ý tưởng và xác định vấn đề nghiên cứu trong bài tập nhóm về tội phạm cụ thể.

CLO6: Xây dựng đề cương nghiên cứu, kế hoạch nghiên cứu và tiến hành nghiên cứu tình hình, nguyên nhân và đề xuất biện pháp phòng ngừa cho tội phạm cụ thể.

1. **POL10002 - Tư tưởng Hồ Chí Minh**

***Mô tả học phần***

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc khối kiến thức lý luận chính trị, được tổ chức giảng dạy vào kỳ 5. Học phần gồm 6 chương, giúp người học hiểu được nội dung, vai trò, vị trí và ý nghĩa của tư tưởng Hồ Chí Minh, từ đó vận dụng, liên hệ với thực tiễn học tập, rèn luyện, xây dựng nhân cách để trở thành công dân tốt, đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước.

***Mục tiêu học phần***

Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, sinh viên bồi dưỡng được các phẩm chất chính trị, đạo đức, phong cách cũng như kỹ năng tư duy logic, phản biện, tư duy hệ thống và vận dụng sáng tạotư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.

Mục tiêu học phần (COs)

CO1: Hiểu được các kiến thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam về tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn.

CO2: Bồi dưỡng được bản lĩnh, niềm tin chính trị, đạo đức, phong cách theo tấm gương Bác Hồ vĩ đại.

CO3: Rèn luyện được các kỹ năng tư duy logic, phản biện, tư duy hệ thống và vận dụng sáng tạotư tưởng Hồ Chí Minh.

***Chuẩn đầu ra học phần***

CLO1.1: Giải thích được nội dung kiến thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh

CLO1.2: Giải thích được định hướng và nội dung vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn thực tiễn xây dựng đất nước.

CLO2.1: Bồi dưỡng được bản lĩnh, niềm tin chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng, phẩm chất đạo đức, phong cách theo tấm gương Bác Hồ vĩ đại.

CLO2.2: Rèn luyện được kỹ năng tư duy logic, phản biện, tư duy hệ thống và vận dụng sáng tạotư tưởng Hồ Chí Minh thông qua lĩnh hội, thảo luận nội dung học phần

**33. LAW30062 - Đồ án chuyên ngành Kinh tế - Quốc tế**

***Mô tả học phần***

Đồ án chuyên ngành Kinh tế - Quốc tế là Học phần có vị trí quan trọng trong Chương trình đào tạo bởi sự liên kết khối kiến thức áp dụng pháp luật kinh tế - quốc tế trong hoạt động pháp lý. Sinhh viên được rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và vận dung kiến thức trong hoạt động thực tế nghề nghiệp như: khả năng học tập độc lập, quản lý thời gian va nhận biết biết năng lực của bản thân, thực hiện nghiên cứu khoa học và nghiên cứu hồ sơ, tình huống pháp lý; đồng thời, sinh viên cũng được rèn luyện kỹ năng giao tiếp trong bối cảnh pháp lý. Học phần được tích hợp kiến thức của nhiều học phần khác như Luật dân sự, Luật tố tụng dân sự, Luật thương mại và một số luật chuyên ngành khác theo nội dung vụ việc được giao.

 ***Mục tiêu học phần***

Học phần được thiết kế giảng dạy nhằm mục tiêu:

- Có khả năng vận dụng các quy định pháp luật trong lĩnh vực dân sự, kinh tế để giải quyết các tình huống pháp lý phát sinh trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.

- Người học thể hiện tư duy tư duy phản biện, khả năng nghiên cứu hồ sơ, nghiên cứu khoa học và làm việc độc lập để giải quyết các tình huống pháp lý phát sinh trong nội bộ doanh nghiệp, trong kinh doanh thương mại, trong các hoạt động khác thuộc lĩnh vực pháp luật kinh tế quốc tế và giải quyết tranh chấp trong các hoạt động đó.

- Người học hiểu được bối cảnh xã hội, nghề nghiệp trong hoạt động pháp lý để có thể hình thành ý tưởng, xây dựng được các phương án và tổ chức thực hiện, đánh giá hoạt động pháp lý trong lĩnh vực kinh tế, quốc tế.

***Chuẩn đầu ra học phần***

CLO1: Áp dụng kiến thức pháp luật kinh tế để giải quyết các tình huống pháp lý phát sinh trong quản trị doanh nghiệp

CLO2: Áp dụng kiến thức pháp luật kinh tế để giải quyết các tranh chấp kinh doanh thương mại bằng phương thức ngoài toà án

CLO3: Thực hiện việc nghiên cứu hồ sơ, nghiên cứu các vấn đề liên quan trong lĩnh vực kinh tế để giải quyết các tình huống pháp lý trong lĩnh vực kinh doanh thương mại

CLO4: Thực hiện giao tiếp trực tiếp hoặc gián tiếp trong tư vấn pháp luật trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại

CLO5: Thể hiện khả năng hình thành ý tưởng, xây dựng kế hoạch để tiến hành các hoạt động pháp lý trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp

CLO6: Thể hiện khả năng hình thành ý tưởng, xây dựng kế hoạch để tiến hành các hoạt động giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại bằng các hình thức thương lượng, hoà giải, trọng tài thương mại và toà án

CLO7: Thực hiện hoạt động pháp lý thông qua việc đóng vai trong giải quyết các tình huống pháp lý được giao

**34. LAW31019 - Luật Lao động**

***Mô tả học phần***

Luật Lao động là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo ngành Luật. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức về xây dựng, ban hành, thực thi các định chế về quan hệ lao động. Đồng thời phát triển các kỹ năng cần thiết trong lĩnh vực lao động, việc làm cho người học. Luật Lao động giúp người học trang bị các kiến thức, kỹ năng pháp lý cần thiết để tham gia vào quan hệ lao động trên thực tế.

***Mục tiêu học phần***

Về kiến thức, người học phải hiểu, nắm bắt và đánh giá một cách khoa học các vấn đề cơ bản về pháp luật lao động; biết vận dụng kiến thức về luật lao động để xác định nội dung, xây dựng phương án giải quyết các tình huống phát sinh; bình luận và đánh giá các vấn đề có liên quan đến luật lao động. Về kỹ năng, người học phải thể hiện được kỹ năng tư duy phản biện; hiểu bối cảnh công việc và đặc điểm của đơn vị sử dụng lao động; có năng lực đánh giá các hoạt động pháp lý trong lĩnh vực lao động, từ đó có khả năng thích ứng với hoàn cảnh thực tế. Về thái độ, người học phải có thái độ học tập và làm việc chủ động.

***Chuẩn đầu ra học phần***

CLO1.1: Áp dụng kiến thức về quan hệ pháp luật lao động; các quy định pháp luật về đại diện trong quan hệ lao động, thương lượng tập thể, thoả ước lao động tập thể vào giải quyết các câu hỏi pháp lý

CLO1.2: Áp dụng kiến thức về các loại hợp đồng trong lĩnh vực lao động và chế độ lao động vào giải quyết tình huống pháp lý

CLO1.3: Áp dụng kiến thức về kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất vào giải quyết tình huống pháp lý

CLO1.4: Áp dụng kiến thức về tranh chấp lao động giải quyết tình huống pháp lý

CLO2: Thực hiện các bước của tư duy phản biện để phản biện các vấn đề pháp lý trong lĩnh vực lao động

CLO3: Hiểu bối cảnh xã hội của hoạt động pháp lý trong lĩnh vực lao động

CLO4: Hiểu bối cảnh nghề nghiệp và tổ chức của hoạt động pháp lý trong lĩnh vực lao động

CLO5: Thực hiện đánh giá hoạt động pháp lý trong các lĩnh vực lao động

**35. LAW31020 - Luật Quốc tế**

***Mô tả học phần***

Luật quốc tế là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được thực hiện dạy và học ở kỳ 7 của chương trình đào tạo ngành Luật. Sinh viên được học kiến thức tổng quát và chuyên sâu về pháp luật quốc tế; được rèn luyện các kỹ năng về tư duy hệ thống, khả năng hiểu bối cảnh xã hội, bối cảnh nghề nghiệp và tổ chức của hoạt động pháp lý, khả năng đánh giá hoạt động pháp lý trong các lĩnh vực thông qua học phần.

Học phần Luật quốc tế hình thành cho sinh viên khả năng tư duy vĩ mô về vấn đề nhà nước và pháp luật. Học phần là lựa chọn phù hợp để sinh viên có cái nhìn tổng quát về toàn cảnh mối quan hệ phong phú và phức tạp giữa các quốc gia, cũng như có cái nhìn toàn diện và sâu sắc hơn về nhà nước và hệ thống pháp luật quốc gia của Việt Nam.

 ***Mục tiêu học phần***

Học phần Luật quốc tế cung cấp khối kiến thức tổng quát và chuyên sâu về pháp luật quốc tế, trong đó công pháp quốc tế là bộ phận pháp luật điều chỉnh các quan hệ quốc tế giữa các chủ thể luật quốc tế, còn tư pháp quốc tế điều chỉnh các quan hệ dân sự theo nghĩa rộng có yếu tố nước ngoài. Thông qua học phần, sinh viên vận dụng chính xác kỹ năng tư duy hệ thống, kỹ năng hiểu bối cảnh xã hội, bối cảnh nghề nghiệp và tổ chức của hoạt động pháp lý; thành thạo kỹ năng đánh giá hoạt động pháp lý trong các lĩnh vực. Sinh viên được tiếp cận các phương pháp giảng dạy và học hiện đại, lấy người học làm trung tâm.

***Chuẩn đầu ra học phần***

CLO1.1: Hiểu các kiến thức về khái niệm, chủ thể, nguồn, nguyên tắc cơ bản, trách nhiệm pháp lý và một số quan hệ pháp luật trong lĩnh vực pháp luật quốc tế

CLO1.2: Phân tích việc thực hiện nghĩa vụ pháp lý quốc tế trong các lĩnh vực pháp luật quốc tế của các quốc gia, trong đó có Việt Nam

CLO1.3: Hiểu các kiến thức về khái niệm, chủ thể, nguồn của Tư pháp quốc tế và một số quan hệ Tư pháp quốc tế

CLO1.4: Vận dụng các quy định của Tư pháp quốc tế để giải quyết các tình huống pháp lý

CLO1.5: Phân tích các quy định của Tư pháp quốc tế Việt Nam trong tương quan thông lệ quốc tế

CLO2: Thành thạo xem xét, đánh giá các quy định luật quốc tế, các vấn đề pháp lý quốc tế trong sự tác động của các yếu tố/hiện tượng xã hội khác

CLO3: Thành thạo sử dụng bối cảnh xã hội để làm tiêu chuẩn đánh giá, phản biện các hiện tượng pháp lý trong lĩnh vực luật quốc tế

CLO4: Thành thạo sử dụng bối cảnh quốc tế để làm tiêu chuẩn đánh giá, phản biện các hiện tượng pháp lý trong lĩnh vực luật quốc tế

CLO5: Thành thạo đánh giá các hoạt động pháp lý trong lĩnh vực pháp luật quốc tế và xác định các giải pháp pháp lý nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật hoặc giải quyết các vấn đề pháp lý trong luật quốc tế sau quá trình đánh giá (nếu có)

 **36. Tự chọn 5**

**36.1.LAW30052 - Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong hoạt động thương mại**

***Mô tả học phần***

Học phần Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong hoạt động thương mại là học phần có 02 tín chỉ, thuộc khối kiến thức chuyên ngành, loại học phần tự chọn trong chương tình đào tạo ngành Luật học.

Học phần Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong hoạt động thương mại cung cấp kiến thức lý luận về tranh chấp thương mại để hiểu và phân tích được đặc trưng của các phương thức giải quyết tranh chấp thương lượng, hoà giải và trọng tài thương mại, toà án. Đồng thời, khi nghiên cứu học phần này, sinh viên có cơ hội phát triển các kiến thức cơ bản đã được trang bị trong học phần Luật Dân sự, Luật Tố tụng dân sự, Luật Thương mại và nghiên cứu sâu hơn pháp luật về các phương thức giải quyết tranh chấp bằng Hoà giải, trọng tài thương mại và toà án. Đây là những kiến thức cơ bản, cần thiết mà sinh viên ngành Luật nói chung cần có để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp trong bối cảnh nền kinh tế thị trường, hội nhập kinh tế quốc tế.

***Mục tiêu học phần***

Học phần Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong hoạt động thương mại hiểu các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại theo quy định của pháp luật hiện hành; phân tích được đặc trưng của từng phương thức giải quyết tranh chấp; áp dụng được quy định của pháp luật hiện hành về giải quyết tranh chấp trong hoạt động thương mại trong quá trình học tập, hoạt động thực một cách linh hoạt.

Học phần Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong hoạt động thương mại cũng rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm việc nhóm, hiểu được bối cảnh kinh tế xã hội và hình thành ý tưởng trong hoạt động pháp lý.

***Chuẩn đầu ra học phần***

CLO1.1: Hiểu và phân tích được đặc trưng của tranh chấp thương mại và các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại

CLO1.2: Hiểu và phân tích được quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại bằng thương lượng, hoà giải, trọng tài thương mại và toà án

CLO1.3: Áp dụng được quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại trong quá trình học tập nghiên cứu và thực tiễn nghề nghiệp

CLO2.1: Thực hiện các bước của tư duy phản biện, tư duy pháp lý nhận diện, phân tích, đánh giá các vấn đề pháp lý trong tranh chấp kinh doanh thương mại

CLO2.2: Vận dụng các kiến thức pháp luật về giải quyết tranh chấp trong thương mại để hình thành kỹ năng đánh giá tính rủi ro pháp lý của hoạt động thương mại

CLO3.1: Áp dụng kiến thức của pháp luật giải quyết tranh chấp thương mại để góp phần hình thành kỹ năng triển khai làm việc nhóm và lãnh đạo nhóm hiệu quả

CLO4.1: Hình thành được ý tưởng, xây dựng được các phương án và tổ chức thực hiện các hoạt động pháp lý trong giải quyết các tình huống tranh chấp kinh doanh thương mại

**36.2. LAW30049 - Pháp luật về thanh tra, khiếu tố**

***Mô tả học phần***

Học phần Pháp luật về Thanh tra, khiếu tố là là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành trong khung chương trình đào tạo cử nhân Luật học, được giảng dạy chuyên sâu dưới góc độ làm rõ kiến thức pháp luật về thanh tra, khiếu tố và thực hiện kĩ năng khiếu nại, tố cáo.

***Mục tiêu học phần***

Học phần Pháp luật về Thanh tra, khiếu tố được thiết kế nhằm đảm bảo cho sinh viên vận dụng kiến thức để hiểu rõ những nội dung cơ bản của [pháp luật](https://hocluat.vn/wiki/phap-luat/) về [tổ chức](https://hocluat.vn/wiki/to-chuc/) bộ máy [thanh tra](https://hocluat.vn/wiki/thanh-tra/), [hoạt động thanh tra](https://hocluat.vn/wiki/hoat-dong-thanh-tra/); [khiếu nại](https://hocluat.vn/wiki/khieu-nai/), [tố cáo](https://hocluat.vn/wiki/to-cao/) và giải quyết khiếu nại, tố cáo. Sinh viên có khả năng làm việc nhóm để phối hợp giải quyết các tình huống pháp lí. Bên cạnh đó, sinh viên có thể thực hành khiếu nại, tố cáo và đánh giá các hoạt động pháp lý, cụ thể là hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

***Chuẩn đầu ra học phần***

CLO1: Áp dụng quy định pháp luật hành chính để phân tích, làm rõ bộ máy thanh tra

CLO2: Áp dụng kiến thức để phân tích, làm rõ đối tượng, thẩm quyền, thủ tục khiếu nại và giải quyết khiếu nại

CLO3: Áp dụng kiến thức để phân tích, làm rõ đối tượng, thẩm quyền, thủ tục tố cáo và giải quyết tố cáo

CLO4: Thành thạo tổ chức và hoạt động nhóm

CLO5: *Thực hành* kĩ năng khiếu nại, tố cáo

CLO6: Đánh giá kết quả hoạt động pháp lý là quyết định thanh tra hoặc quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

**36.3.LAW30051 - Pháp luật về thi hành án dân sự**

***Mô tả học phần***

Học phần Thi hành án dân sự là môn tự chọn của chương trình đào tạo Luật, cung cấp kiến thức thuộc lĩnh vực thi hành án các bản án, quyết định của Tòa án. Học phần nghiên cứu chuyên sâu về quan hệ giữa các chủ thể thi hành án; về thủ tục thi hành bản án, quyết định của tòa án trên thực tế như thủ tục yêu cầu và ra quyết định thi hành án, xác minh, ủy thác thi hành án, các biện pháp bảo đảm, biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự. Sinh viên nên chọn học phần này bởi lẽ, nó không chỉ cung cấp kiến thức pháp luật về thi hành án dân sự mà còn cung cấp các vấn đề “nóng” của xã hội về thi hành bản án, quyết định dân sự của Tòa án, để từ đó giúp người học có cái nhìn tổng quát và đầy đủ về lĩnh vực này.

 ***Mục tiêu học phần***

 Học phần Thi hành án dân sự giúp cho sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản liên quan đến tình hình kinh tế xã hội, đặc trưng của lĩnh vực và các căn cứ để làm phát sinh quan hệ thi hành án dân sự; chủ thể thi hành án; thủ tục thi hành bản án, quyết định của tòa án trên thực tế như thủ tục yêu cầu và ra quyết định thi hành án, xác minh, ủy thác thi hành án, các biện pháp bảo đảm, biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự. Bên cạnh đó, sẽ rèn luyện cho sinh viên có kỹ năng tư duy phản biện, nghiên cứu phân tích và giải quyết tình huống; tổ chức các hoạt động tranh luận, tư vấn, nghiên cứu hồ sơ vụ án trong lĩnh vực thi hành án dân sự.

***Chuẩn đầu ra học phần***

CLO1.1: Áp dụng các quy định về thời hiệu, thẩm quyền, chủ thể, thủ tục thi hành án dân sự trong việc giải quyết các vấn đề pháp lý.

CLO1.2: Áp dụng các quy định pháp luật về biện pháp bảo đảm, biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự trong việc giải quyết các vấn đề pháp lý.

CLO2: Tổ chức và hoạt động nhóm hiệu quả để nhận diện, phân tích, đánh giá các vấn đề pháp lý trong lĩnh vực thi hành án dân sự.

CLO3: Kỹ năng thực hiện hoạt động pháp lý để xác định câu hỏi pháp lý cần trả lời trong hồ sơ, tình huống, bản án, đánh giá được việc thi hành bản án, quyết định của tòa án trên thực tế.

CLO4: Thái độ nghiêm túc trong đánh giá hoạt động pháp lý thi hành án dân sự để hình thành ý tưởng hay lên kế hoạch cá nhân sau khi tốt nghiệp.

**36.4. LAW30050 - Pháp luật về thi hành án hình sự**

***Mô tả học phần***

Pháp luật về thi hành án hình sự là học phần cung cấp khối kiến thức chuyên ngành thuộc khung chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật học. Học phần này cung cấp hệ thống kiến thức về nguyên tắc, trình tự, thủ tục, tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, người có thẩm quyền trong thi hành bản án, quyết định về hình phạt tù, tử hình, cảnh cáo, cải tạo không giam giữ, cấm cư trú, quản chế, trục xuất, tước một số quyền công dân, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, án treo, tha tù trước thời hạn có điều kiện, hình phạt đình chỉ hoạt động có thời hạn, đình chỉ hoạt động vĩnh viễn, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định, cấm huy động vốn, biện pháp tư pháp; quyền, nghĩa vụ của người, pháp nhân thương mại chấp hành án hình sự, biện pháp tư pháp; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong thi hành án hình sự, biện pháp tư pháp. Pháp luật về thi hành án hình sự được giảng dạy sau khi sinh viên đã hoàn thành xong học phần Luật hình sự, Luật tố tụng hình sự, người học tích lũy đủ kiến thức áp dụng giải quyết được vụ án hình sự theo trình tự thủ tục luật định.

***Mục tiêu học phần***

Sau khi học xong học phần Pháp luật về thi hành án hình sự, về kiến thức: Sinh viên có khả năng áp dụng các quy định pháp luật trong lĩnh vực thi hành án hình sự để giải quyết các tình huống pháp lý liên quan hoạt động thi hành án hình sự theo trình tự, thủ tục luật định. Về kỹ năng, thái độ: Sinh viên thể hiện sự tuân thủ đối với các quy tắc đạo đức nghề nghiệp và phản ứng đối với những hành vi trái đạo đức nghề nghiệp. Sinh viên thực hiện được hoạt động phản biện các vấn đề pháp lý và thực hiện được hoạt động nghiên cứu các tình huống pháp lý trong lĩnh vực thi hành án hình sự. Đây là những kiến thức, kỹ năng, thái độ rất cần thiết cho người học để có thể trở thành người hành nghề luật trong tương lai.

***Chuẩn đầu ra học phần***

CLO1.1: Áp dụng các quy định về thời hiệu, thẩm quyền, chủ thể, thủ tục thi hành án dân sự trong việc giải quyết các vấn đề pháp lý

CLO1.2: Áp dụng các quy định pháp luật về biện pháp bảo đảm, biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự trong việc giải quyết các vấn đề pháp lý.

CLO2: Tổ chức và hoạt động nhóm hiệu quả để nhận diện, phân tích, đánh giá các vấn đề pháp lý trong lĩnh vực thi hành án dân sự.

CLO3: Kỹ năng thực hiện hoạt động pháp lý để xác định câu hỏi pháp lý cần trả lời trong hồ sơ, tình huống, bản án, đánh giá được việc thi hành bản án, quyết định của tòa án trên thực tế.

CLO4: Thái độ nghiêm túc trong đánh giá hoạt động pháp lý thi hành án dân sự để hình thành ý tưởng hay lên kế hoạch cá nhân sau khi tốt nghiệp.

**37.Tự chọn 6**

**37.1.LAW30053 - Pháp luật về công chứng và chứng thực**

***Mô tả học phần***

Học phần Pháp luật về công chứng và chứng thực là học phần tự chọn trong khung chương trình đào tạo cử nhân Luật học. Thông qua học phần, người học được trang bị những kiến thức cần thiết để vận dụng pháp luật về công chứng, chứng thực; hiểu được vai trò và những hoạt động cụ thể của các cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện hoạt động này trong thực tiễn. Đồng thời, thông qua học phần, người học sẽ dần hình thành các kỹ năng để có thể tự tổ chức, triển khai các bước trong quy trình thực hiện công chứng một số hợp đồng, giao dịch cụ thể và tiến hành 4 loại việc trong hoạt động chứng thực.

***Mục tiêu học phần***

Về kiến thức:Người học sẽ nắm được những kiến thức cơ bản về lí luận, thực tiễn và pháp luật về công chứng, chứng thực. Đồng thời người học được trang bị những kiến thức cần thiết để vận dụng pháp luật về công chứng, chứng thực vào thực tiễn từ đó người học có khả năng đọc, hiểu và biết cách khai thác những văn bản pháp luật về công chứng, chứng thực;có khả năng đưa ra ý kiến, nhận xét của cá nhân về các hoạt động công chứng, chứng thực đang diễn ra trong thực tế và những ý kiến đề xuất để khắc phục những hạn chế, yếu kém đang tồn tại.

Về kỹ năng: bên cạnh việc củng cố các kĩ năng bình luận, thuyết trình, thông qua học phần, người học còn rèn kĩ năng lập kế hoạch, tổ chức, quản lí, điều khiển, theo dõi, kiểm tra hoạt động....qua các nhiệm vụ nhóm được phân công thực hiện các loại việc liên quan đến hoạt động công chứng và chứng thực.

Về thái độ:thông qua học phần, người học có quan điểm đúng về tổ chức, hoạt động công chứng, chứng thực ở Việt Nam hiện nay; Nghiêm túc, khách quan trong nghiên cứu khoa học và đánh giá các vấn đề lí luận, thực tiễn về công chứng, chứng thực.

***Chuẩn đầu ra học phần***

CLO1: *Áp dụng* kiến thức pháp luật về công chứng để giải quyết các tình huống pháp lý

CLO2: Áp dụng kiến thức pháp luật về chứng thực để giải quyết các tình huống pháp lý

CLO3: Thực hiện, đánh giá hoạt động cấp bản sao từ sổ gốc

CLO4: Thực hiện, đánh giá hoạt động chứng thực bản sao từ bản chính

CLO5: Thực hiện, đánh giá hoạt động chứng thực chữ ký

CLO6: Thực hiện, đánh giá hoạt động chứng thực hợp đồng, giao dịch

* 1. **. LAW30054 - Pháp luật về luật sư**

***Mô tả học phần***

Pháp luật luật sư là học phần cung cấp khối kiến thức chuyên ngành thuộc khung chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật học. Học phần này cung cấp hệ thống kiến thức về pháp luật luật sư. Pháp luật luật sư là môn học nền tảng, cần thiết cho sinh viên giải quyết các vấn đề pháp lý thuộc quan hệ pháp luật luật sư với nhiều nội dung quan trọng: Tổng quan về nghề luật sư; Pháp luật về luật sư và hành nghề luật sư; Quy tắc đạo đức, ứng xử nghề nghiệp của luật sư; Hoạt động thực hiện trợ giúp pháp lý của luật sư; Kỹ năng nghe, đọc, hỏi, lập luận và tranh luận của luật sư; Kỹ năng tra cứu, sử dungjphaps luật và suy luận luật học trong hành nghề luật sư; Kỹ năng làm việc của luật sư với cơ quan truyền thông; Quản trị tổ chức hành nghề luật sư… Đồng thời, người học sẽ hình thành kỹ năng tư duy phản biện; kỹ năng nghiên cứu hồ sơ, tình huống pháp lý và khả năng đánh giá hoạt động pháp lý trong lĩnh vực pháp luật luật sư. Sinh viên được tiếp cận và rèn luyện nhiều kỹ năng thông qua các tình huống, hồ sơ vụ án thực tế. Đây là cơ sở để sinh viên củng cố kiến thức thông qua thực tiễn, đồng thời là trải nghiệm quý giá để sinh viên hành nghề Luật sư trong tương lai.

***Mục tiêu học phần***

- Kiến thức: Môn học trang bị cho người học những kiến thức về nghề luật sư, trách nhiệm nghề nghiệp, các quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư. Môn học góp phần phát triển số lượng và chất lượng luật sư đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp và yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

- Kỹ năng: Môn học trang bị cho người học kỹ năng hành nghề luật sư trong các lĩnh vực hành nghề; đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư. Đồng thời giúp người học có kỹ năng phân tích, đánh giá về nghề luật sư trong hiện tại và tương lai. Từ đó có thái độ đúng đắn và nghiêm túc trong quá trình định hướng và lựa chọn nghề nghiệp sau khi ra trường.

- Thái độ, chuyên cần: Học tập nghiêm túc, hiểu biết đúng đắn về vai trò của môn học nền tảng đối với ngành luật hình sự; Quan tâm đến những thay đổi về cơ chế, chính sách dẫn đến những thay đổi về luật pháp. Đóng góp thiết thực vào việc tuyên truyền và giải thích pháp luật tại địa phương. Trên cơ sở nắm vững những kiến thức đó, sinh biết vận dụng để tiếp cận và có thể giải quyết đư­ợc những vấn đề về lý luận và thực tiễn.

***Chuẩn đầu ra học phần***

CLO1.1: Phân tích được khái niệm, đặc điểm về nghề luật sư

CLO1.2: Phân tích được khái niệm pháp luật về luật sư và hành nghề luật sư

CLO1.3: Áp dụng được các quy định của pháp luật về qui tắc đạo đức, ứng xử nghề nghiệp của luật sư

CLO1.4: Áp dụng được các quy định của pháp luật về hoạt động thực hiện trợ giúp pháp lý của luật sư

CLO2: Áp dụng được các quy định của pháp luật luật sư để hình thành kỹ năng nghe, đọc, hỏi, lập luận và tranh luận của luật sư

CLO3: Thành lập, tổ chức triển khai hoạt động nhóm thực hành phiên tòa giả định

CLO4: Lãnh đạo và hợp tác trong hoạt động nhóm thực hành phiên tòa giả định

CLO5: Tổ chức, thực hiện hoạt động thực hành phiên tòa giả định

CLO6: Đánh giá hoạt động phiên tòa giả định

**37.4. LAW30055 - Tư vấn và giải quyết tranh chấp hợp đồng**

***Mô tả học phần***

Học phần Tư vấn và giải quyết tranh chấp hợp đồng được giảng dạy chuyên sâu dưới góc độ thực hiện kỹ năng tư vấn soạn thảo và giải quyết tranh chấp hợp đồng dân sự.

***Mục tiêu học phần***

Môn học này được thiết kế nhằm đảm bảo sinh viên có kỹ năng cơ bản trong tư vấn soạn thảo hợp đồng dân sự và giải quyết tranh chấp hợp đồng. Bên cạnh các kỹ năng soạn thảo thư tư vấn, hợp đồng, sinh viên được rèn luyện về khả năng thực hiện và đánh giá các hoạt động pháp lý, cụ thể là hoạt động tư vấn và hoạt động giải quyết tranh chấp hợp đồng. .

***Chuẩn đầu ra học phần***

CLO1.1: Áp dụng kiến thức về soạn thảo hợp đồng dân sự

CLO1.2: Áp dụng kiến thức giải quyết tranh chấp hợp đồng dân sự

CLO2: Thành thạo tổ chức và hoạt động, lãnh đạo nhóm

CLO3: Thực hiện hoạt động tư vấn, giải quyết vụ việc dân sự

CLO4: Đánh giá kết quả hoạt động pháp lý là bản án quyết định của Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền về vụ việc dân sự

**37.2. LAW30056 - Pháp luật về giải quyết việc làm và an sinh xã hội**

***Mô tả học phần***

Pháp luật về giải quyết việc làm và an sinh xã hội là học phần tự chọn, thuộc khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo ngành Luật. Học phần này cung cấp cho người học các kiến thức về chính sách giải quyết việc làm và an sinh xã hội của Nhà nước được thể chế hoá bằng pháp luật. Đồng thời học phần phát triển các kỹ năng làm việc nhóm, tổ chức thực hiện hoạt động pháp lý, đánh giá hoạt động pháp lý và các kỹ năng hữu ích khác trong lĩnh vực lao động, việc làm, an sinh xã hội cho người học khi tham gia vào môi trường làm việc khác nhau trong tương lai.

***Mục tiêu học phần***

Về kiến thức, người học phải hiểu, nắm bắt và đánh giá một cách khoa học các vấn đề cơ bản về pháp luật giải quyết việc làm và an sinh xã hội; biết áp dụng kiến thức về pháp luật giải quyết việc làm và an sinh xã hội để xác định nội dung, xây dựng phương án giải quyết các tình huống phát sinh; bình luận và đánh giá các vấn đề có liên quan. Về kỹ năng, người học phải làm việc nhóm thành thạo; có năng lực tổ chức thực hiện hoạt động pháp lý và đánh giá các hoạt động pháp lý trong lĩnh vực giải quyết việc làm và an sinh xã hội, từ đó có khả năng thích ứng với hoàn cảnh thực tế. Về thái độ, người học phải có thái độ học tập và làm việc chủ động.

***Chuẩn đầu ra học phần***

CLO1.1: Áp dụng kiến thức pháp luật về giải quyết việc làm để giải quyết tình huống pháp lý và thực hiện hoạt động pháp lý

CLO1.2: Áp dụng kiến thức pháp luật an sinh xã hội vào giải quyết tình huống pháp lý

CLO2: Áp dụng kiến thức về giải quyết tranh chấp về việc làm và an sinh xã hội để để giải quyết tình huống pháp lý thực hiện hoạt động pháp lý

CLO3: Thành thạo thành lập, tổ chức và triển khai hoạt động nhóm

CLO4: Thành thạolãnh đạo và hợp tác trong hoạt động nhóm

CLO5: Thành thạo tổ chức thực hiện hoạt động pháp lý trong lĩnh vực giải quyết việc làm và an sinh xã hội

CLO6: Thành thạo đánh giá hoạt động pháp lý trong lĩnh vực giải quyết việc làm và an sinh xã hội

**38. LAW31032: Thực tập và Đồ án tốt nghiệp**

**Mô tả học phần**

Đồ án tốt nghiệp và thực tập ngành Luật là học phần cuối cùng của Chương trình đào tạo ngành Luật. Đồ án tốt nghiệp trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng tổng quát về quy trình thực hiện một số hoạt động pháp lý thực tế. Đồ án tốt nghiệp nhằm kiểm tra người học việc nắm vững những kiến thức, kỹ năng thể hiện được phẩm chất, thái độ được tích lũy trong suốt quá trình học để vận dụng vào thực hiện hoạt động pháp lý thực tế thông qua:

* Ứng xử thể hiện trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp,
* Ứng xử thể hiện trách nhiệm trong việc thúc đẩy công lý và phục vụ cộng đồng
* Tư duy pháp lý trong lĩnh vực pháp lý
* Tư duy phản biện trong lĩnh vực pháp lý
* Khả năng nghiên cứu khoa học
* Kỹ năng soạn thảo, rà soát văn bản
* Khả năng hoạt động nhóm
* Khả năng hiểu bối cảnh xã hội, nghề nghiệp và tổ chức của hoạt động pháp lý
* Khả năng trong việc hình thành ý tưởng, thực hiện và đánh giá khả năng thực hiện hoạt động pháp lý.

**Mục tiêu học phần**

*Về kiến thức,* củng cố lại kiến thức đã được trang bị trong các học phần lý thuyết của ngành Luật kinh tế

*Về kỹ năng,* người học có kỹ năng phân tích tình huống khi đặt vấn đề trong sự tác động của bối cảnh; kỹ năng nghiên cứu, bình luận, đánh giá vụ việc, kỹ năng tư duy pháp lý, tư duy phản biện; kỹ năng làm việc nhóm

*Về thái độ,* người học có thái độ học tập, nghiên cứu nghiêm túc. Học phần giúp người học hiểu rõ vai trò, trách nhiệm của người hành nghề luật để hành xử chuyên nghiệp, có trách nhiệm, đạo đức với nghề, thúc đẩy công lý và phục vụ cộng đồng

***Chuẩn đầu ra học phần***

CLO1:Áp dụng các quy định pháp luật về lĩnh vực điều chỉnh pháp luật trong hoạt động pháp lý

CLO2: Áp dụng kiến thức chuyên ngành Luật trong hoạt động pháp lý

CLO3: Ứng xử tuân thủ quy tắc đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp

CLO4: Thành thạo thể hiện kỹ năng tư duy pháp lý

CLO5: Thành thạo thể hiện kỹ năng tư duy phản biện

CLO6: Thành thạo kỹ năng nghiên cứu khoa học

CLO7: Thành thạo kỹ năng giao tiếp bằng văn bản trong bối cảnh pháp lý

CLO8: Thành thạo triển khai tổ chức và thực hiện hoạt động nhóm hiệu quả

CLO9: Thành thạo sử dụng bối cảnh xã hội, nghệ nghiệp và tổ chức trong hoạt động pháp lý

CLO10: Thành thạo hình thành ý tưởng, xây dựng phương án, thực hiện đánh giá hoạt động pháp lý phù hợp bối cảnh xã hội, nghề nghiệp và tổ chức trong lĩnh vực PL.

# PHẦN 5. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

**1. Căn cứ pháp lí để xây dựng và thực hiện chương trình**

- Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

- Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

- Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT về Quy chế đào tạo trình độ đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 18 tháng 3 năm 2021

- Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2021

- Kế hoạch 07/KH-ĐHV về rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo hệ chinh quy tiếp cận CDIO năm học 2020-2021 do Trường Đại học Vinh ban hành ngày 11 tháng 11 năm 2020

- Hướng dẫn 04/HD-ĐHV về thực hiện đề tài, đề án “Xây dựng/Rà soát, cập nhật Chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo tiếp cận CDIO” năm 2021 do Trường Đại học Vinh ban hành ngày 14 tháng 5 năm 2021.

**2. Hướng dẫn sinh viên định hướng hoàn thành chương trình**

Sinh viên khi nhập học được cung cấp tài khoản truy cập vào cổng thông tin sinh viên để tra cứu đề cương học phần, đăng ký học, xem kết quả học tập và các thông báo của nhà trường. Sinh viên dựa trên định hướng của tiến trình đào tạo và tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để đăng ký học phần cho từng học kỳ phù hợp với điều kiện cá nhân. Sinh viên đăng kí học phần phải đáp ứng được điều kiện học phần tiên quyết và nộp học phí đầy đủ. Trợ lý đào tạo của khoa và cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm của các lớp sẽ hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập.

Sau khi hoàn thành toàn bộ học phần thuộc các khối kiến thức trong chương trình đào tạo, sinh viên sẽ được Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ký quyết định cấp bằng tốt nghiệp cử nhân ngành Luật.

**3. Trách nhiệm của Bộ môn/khoa/viện/trường**

Khoa Luật chịu trách nhiệm rà soát, chủ trì biên soạn đề cương các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành theo đúng khối lượng tín chỉ và chuẩn đầu ra của chương trình này. Cung cấp danh mục giáo trình, bài giảng và tài liệu tham khảo của tất cả các học phần cho Thư viện của Trường và lưu tại văn phòng Khoa. Đầu mỗi học kỳ, Khoa phối hợp cùng các đơn vị khác triển khai kế hoạch đào tạo.

Khoa Luật phân công giảng viên có trình độ thạc sĩ trở lên (cùng ngành hoặc chuyên ngành liên quan đến học phần) giảng dạy theo kế hoạch đào tạo của năm học, cung cấp chương trình chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy.

Đội ngũ cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần.

**4. Trách nhiệm của giảng viên**

Giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện, công cụ dạy học phù hợp.

Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ bài giảng, nguồn giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên để chuẩn bị trước khi lên lớp.

Tổ chức cho sinh viên các tiết thực hành, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại Trung tâm thực hành, tại Phòng xử án và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

Cần đặc biệt chú trọng đến phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên trong suốt quá trình giảng dạy và hướng dẫn thực tập, thực hành.

**5. Trách nhiệm của sinh viên**

Để học tập hiệu quả chương trình đào tạo ngành Luật, sinh viên cần phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để xây dựng kế hoạch học tập phù hợp. Phải tự nghiên cứu bài học trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng. Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên. Tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi Seminar. Chủ động, tích cực khai thác các tài liệu trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm khóa luận tốt nghiệp. Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá

# PHỤ LỤC 1: ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên, năm sinh,****chức vụ hiện tại** | **Chức danh** | **Học vị, năm, nước tốt nghiệp** | **Học phần đảm nhiệm** |
| 1 | Đinh Ngọc Thắng1971, Trưởng Khoa | Giảng viên chính | Tiến sĩ, 2014Việt Nam | - Học phần 2- Học phần 38 |
| 2 | Đinh Văn Liêm, 1984, Phó Trưởng Khoa | Giảng viên | Tiến sĩ, 2017Việt Nam | - Học phần 8- Học phần 25.1 |
| 3 | Nguyễn Văn Đại, 1986, Trưởng Bộ môn | Giảng viên  | Tiến sĩ, 2018Việt Nam | - Học phần 2- Học phần 25.1 |
| 4 | Nguyễn Thị Thùy Dung, 1988 | Giảng viên  | Tiến sĩ, 2020Việt Nam | - Học phần 5- Học phần 21 |
| 5 | Nguyễn Thị Mai Anh, 1992 | Giảng viên  | Thạc sĩ, 2015Việt Nam | - Học phần 5- Học phần 37.1 |
| 6 | Nguyễn Thị Hà, 1986 | Giảng viên | Tiến sĩ, 2018, Việt Nam | - Học phần 6- Học phần 17 |
| 7 | Hồ Thị Nga, 1984 | Giảng viên | Tiến sĩ, 2018, Việt Nam | - Học phần 8- Học phần 25.5 |
| 8 | Nguyễn Thị Bích Ngọc, 1986 | Giảng viên | Tiến sĩ, 2018, Việt Nam | - Học phần 6- Học phần 17 |
| 9 | Ngô Thị Thu Hoài, 1986 | Giảng viên | Tiến sĩ, 2019, Việt Nam | - Học phần 2- Học phần 37.1 |
| 10 | Cao Thị Ngọc Yến, 1989 | Giảng viên | Thạc sĩ, 2014, Việt Nam | - Học phần 2- Học phần 31.1 |
| 11 | Đoàn Minh Trang, 1987 | Giảng viên | Thạc sĩ, 2018, Việt Nam | - Học phần 8- Học phần 31.1 |
| 12 | Phạm Thị Thuý Liễu, 1980, Trưởng Bộ môn | Giảng viên | Tiến sĩ, 2016, Việt Nam | - Học phần 11- Học phần 28- Học phần 26- Học phần 25.3 |
| 13 | Ngũ Thị Như Hoa, 1987 | Giảng viên | Thạc sĩ, 2013, Việt Nam | - Học phần 18- Học phần 26- Học phần 36.3 |
| 14 | Nguyễn Thị Thanh, 1983 | Giảng viên | Thạc sĩ, 2011, Việt Nam | - Học phần 11- Học phần 37.3- Học phần 26- Học phần 31.3 |
| 15 | Nguyễn Thị Phương Thảo, 1988 | Giảng viên | Thạc sĩ, 2015, Việt Nam | - Học phần 28- Học phần 31.3- Học phần 25.3 |
| 16 | Hà Thị Thúy, 1987 | Giảng viên | Tiến sĩ, 2019, Việt Nam | - Học phần 11- Học phần 37.3- Học phần 25.3 |
| 17 | Chu Thị Trinh, 1987 | Giảng viên | Thạc sĩ, 2014, LB Nga | - Học phần 33- Học phần 37.4  |
| 18 | Bùi Thuận Yến, 1988 | Giảng viên | Thạc sĩ, 2015, Việt Nam | - Học phần 18- Học phần 25.3- Học phần 36.3 |
| 19 | Phạm Thị Huyền Sang, 1984, Phó Trưởng Khoa | Giảng viên | Tiến sĩ, 2016, Việt Nam | - Học phần 22- Học phần 25.4- Học phần 36.4 |
| 20 | Hồ Thị Duyên, 1984, Trưởng Bộ môn | Giảng viên | Tiến sĩ, 2016, Việt Nam | - Học phần 22- Học phần 25.4- Học phần 36.4 |
| 21 | Hồ Thị Hải, 1988 | Giảng viên | Tiến sĩ, 2021, Việt Nam | - Học phần 29- Học phần 33- Học phần 37.4 |
| 22 | Lê Hồng Hạnh, 1987 | Giảng viên | Tiến sĩ, 2020, Việt Nam | - Học phần 27- Học phần 31.4 |
| 23 | Nguyễn Mai Ly, 1991 | Giảng viên | Thạc sĩ, 2019, Australia | - Học phần 29 |
| 24 | Phan Nữ Hiền Oanh, 1987 | Giảng viên | Thạc sĩ, 2013, Việt Nam | - Học phần 22- Học phần 25.4- Học phần 36.4 |
| 25 | Nguyễn Thị Phương Thảo, 1992 | Giảng viên | Thạc sĩ, 2016, Việt Nam | - Học phần 27- Học phần 31.4 |
| 26 | Trần Thị Vân Trà, 1983 | Giảng viên | Tiến sĩ, 2020, Việt Nam | - Học phần 34 |
| 27 | Nguyễn Thị Hồng Nhật, 1988 | Giảng viên | Thạc sĩ, 2019, Việt Nam | - Học phần 29- Học phần 34 |
| 28 | Nguyễn Văn Dũng, 1974, Trưởng Bộ môn | Giảng viên | Tiến sĩ, 2002, Kazakhstan | - Học phần 16- Học phần 25.2- Học phần 24 |
| 29 | Bùi Thị Phương Quỳnh, 1984 | Giảng viên | Tiến sĩ, 2018, Việt Nam | - Học phần 16- Học phần 37.2 |
| 30 | Đặng Thị Phương Linh, 1988 | Giảng viên | Thạc sĩ, 2014, Việt Nam | - Học phần 16- Học phần 25.2- Học phần 24 |
| 31 | Nguyễn Thị Thanh Trâm, 1987 | Giảng viên | Tiến sĩ, 2021, Việt Nam | - Học phần 14- Học phần 37.2- Học phần 36.2 |
| 32 | Nguyễn Thị Mai Trang, 1987 | Giảng viên | Thạc sĩ, 2015, Việt Nam | - Học phần 16- Học phần 16 |
| 33 | Hồ Trọng Hữu, 1989 | Giảng viên | Thạc sĩ, 2015, Việt Nam | - Học phần 36.2- Học phần 24 |
| 34 | Bùi Hạnh Phúc, 1995 | Giảng viên | Thạc sĩ, 2019, Việt Nam | - Học phần 14 |

#

# PHỤ LỤC 2. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

**1. Hệ thống phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy**

Cơ sở vật chất của Trường tương đối hiện đại và đồng bộ. Hệ thống phòng học, giảng đường đạt tiêu chuẩn đã và đang được xây dựng với 138 phòng học nhà kiên cố, 66 phòng giảng dạy bài giảng điện tử (trong đó có nhiều phòng học trực tuyến phục vụ một lúc hơn 1.000 người học; có trung tâm hội thảo trực tuyến nối liền các trung tâm hội nghị trên cả nước) có trang thiết bị hiện đại, đồng bộ. Cụ thể như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Loại phòng học** | **Số lượng** | **Phục vụ học phần/môn học** |
| 1 | Phòng học | 138 | Tất cảcác môn học  |
| 2 | Giảng đường | 4 | Tất cả các môn học |
| 3 | Phòng học đa phương tiện | 62 | Tất cả các môn học |
| 4 | Phòng học ngoại ngữ | 2 | Các học phần Ngoại ngữ |
| 5 | Phòng máy tính  | 14 | Tin học, Thi TNKQ |

Bên cạnh hệ thống phòng học, giảng đường, sinh viên ngành Luật còn được sử dụng các phòng thực hành phục vụ cho hoạt động rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp bao gồm:

 + Trung tâm Thực hành và tư vấn pháp luật Trường Đại học Vinh: tầng 4 tòa nhà A0.

 + Phòng xử án mô phỏng: tầng 7 Tòa nhà Thư viện.

**2. Hệ thống thư viện**

Tổng diện tích thư viện: khuôn viên trên 4.000 m2, nằm trên mặt tiền quốc lộ 1A. Tòa nhà thư viện gồm 8 tầng, tổng diện tích sử dụng trên 9.000 m2, sức chứa trên 1.500 độc giả.

- Trong đó diện tích các phòng:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên chủng loại** | **Số lượng** | **Diện tích sử dụng** | **Ghi chú** |
| 1 | Kho báo, tạp chí + Kho LA +Kho CN + Kho KT | 01 | 67 m2 | Tầng 6 |
| 2 | Kho sách KHTN – KT | 01 | 67 m2 | Tầng 5 |
| 3 | Kho sách ngoại văn | 01 | 60 m2 | Tầng 5 |
| 4 | Kho sách KHXH - NV | 01 | 67 m2 | Tầng 4 |
| 5 | Kho sách tổng hợp 3 | 01 | 67 m2 | Tầng 3 |
| 6 | Kho sách tổng hợp 2 | 01 | 67 m2 | Tầng 2 |
| 7 | Kho sách giáo trình | 01 | 67 m2 | Tầng 1 |
| 8 | Kho sách cơ sở II | 01 | 100 m2 | Cơ sở II |
| 9 | Phòng đọc cán bộ | 04 | 60 m2 | Tầng 4 |
| 10 | Phòng đọc học sinh - sinh viên | 07 | 1122 m2 | Tầng 2 đến tầng 6 + cơ sở II |
| 11 | Phòng máy tính (261 máy) | 05 | 508 m2 | Tầng 1 đến tầng 4 + cơ sở II |
| 12 | Phòng làm việc + phòng họp | 05 | 300 m2 | Tầng 1 đến tầng 4 |
| 13 | Hội trường | 01 | 187 m2 | Tầng 7 |
| 14 | Phòng học | 10 | 580 m2 | Tầng 4 đến tầng 7 |

- Số chỗ ngồi: 1.500 chỗ ngồi

- Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: Các phòng Internet, Phòng tra cứu tài liệu, Thư viện có tài nguyên số. Có máy vi tính nối mạng phục vụ tra cứu.

- Phần mềm quản lý thư viện: ILIB 4.0, nhà cung cấp: CMC.

- Thư viện điện tử: triển khai tra cứu tài liệu của Thư viện trên mạng Internet qua hệ thống tra cứu trực tuyến Opac (hàng ngày có từ 500 đến 1800 người online trên trang Web thư viện Đại học Vinh và đến sử dụng các phòng máy của thư viện).

**PHỤ LỤC 3. BẢNG PHÂN NHIỆM NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH LUẬT – KHÓA 62**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **MHP** | **Tên học phần** | **1.1** | **1.2** | **1.3** | **2.1** | **2.2** | **2.3** | **3.1** | **3.2** | **4.1** | **4.2** |
| 1.1.1 | 1.1.2 | 1.2.1 | 1.2.2 | 1.3.1 | 1.3.2 | 1.3.3 | 1.3.4 | 2.1.1 | 2.1.2 | 2.1.3 | 2.2.1 | 2.2.2 | 2.2.3 | 2.3.1 | 2.3.2 | 3.1.1 | 3.1.2 | 3.1.3 | 3.2.1 | 3.2.2 | 4.1.1 | 4.1.2 | 4.2.1 | 4.2.2 | 4.2.3 | 4.2.4 |
| 1 | PLA20001 | Nhập môn nhóm ngành Chính trị - Luật | K3 |  |  |  | K3 |  |  |  | A2 | A2 | A2 |  |  |  | S2 |  | S2 |  |  | S2 | S2 |  |  | C3 | C3 | C3 | C3 |
| 2 | LAW20001 | Lý luận về nhà nước và pháp luật | K3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | S2 | S2 |  |  |  |  |  |  |  |  | C3 | C3 |  |  |  |  |
| 3 | POL20001 | Lôgic hình thức | K3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | A2 |  |  |  |  |  |  |  |  | S2 | S2 |  |  |  |  |  |  |
| 4 | INF20002 | Tin học  |  | K3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | S2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | LAW30003 | Xây dựng văn bản pháp luật |  |  | K3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | S3 |  |  |  |  |  |  |  | C4 | C4 |
| 6 | LAW30001 | Luật Hành chính |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | S2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | C3 | C3 |
| 7 | POL11001 | Triết học Mác-Lênin | K3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | S2 | S2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 8 | LAW20002 | Luật Hiến pháp | K3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | S2 |  |  |  |  |  |  |  |  | C3 | C3 |  |  |  | C3 |
| 9 |  | **Tự chọn 1** | K3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | A2 |  |  |  |  |  |  |  |  | S3 | S3 |  |  |  |  |  |  |
| 10 | ENG10001 | Tiếng Anh 1 |  | K3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | S2 |  | S2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 11 | LAW30002 | Luật Dân sự  |  |  | K3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | S2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | C3 | C3 |  |  |
| 12 | ENG10002 | Tiếng Anh 2 |  | K3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | S3 |  | S3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 13 | POL11002 | Kinh tế chính trị Mác-Lênin | K3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | S3 |  | S2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 14 | LAW30004 | Giáo dục pháp luật thực hành (CLE)  |  |  | K3 | K3 |  |  |  |  | A2 | A3 | A2 |  |  |  |  | S2 | S3 |  |  | S3 | S3 |  |  | C4 | C4 | C4 |  |
| 15 |  | **Tự chọn 2** | K3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | A2 |  |  |  |  |  |  |  |  | S3 | S3 | C3 | C3 |  |  |  |  |
| 16 | LAW30005 | Luật Hình sự  |  |  | K3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | S2 |  | S2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | C4 |
| 17 | LAW30006 | Luật Tố tụng hành chính |  |  |  | K3 |  |  |  |  | A3 |  |  |  |  | S3 |  | S2 |  | S3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 18 | LAW30007 | Luật Tố tụng dân sự |  |  |  | K3 |  |  |  |  | A3 |  |  |  |  | S3 |  | S2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 19 | POL10003 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | K3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | S3 |  | S2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 20 | SOW20001 | Xã hội học đại cương | K3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | S3 |  |  | S3 | S3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 21 | LAW30008 | Đồ án chuyên ngành Hành chính – Nhà nước |  |  | K4 | K4 | K4 |  |  |  |  | A4 |  |  | S3 |  |  |  | S4 | S4 |  |  |  |  |  | C4 | C4 | C4 | C4 |
| 22 | LAW30009 | Luật Thương mại |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | S2 |  |  |  |  |  |  |  | S3 | S3 | C3 | C3 |  |  | C4 |  |
| 23 | POL11004 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | K3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | A3 |  |  |  |  |  |  |  |  | S3 | S3 |  |  |  |  |  |  |
| 24 | LAW30010 | Luật Tố tụng hình sự |  |  |  | K3 |  |  |  |  | A3 |  |  |  |  | S3 |  | S3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 25 |  | **Tự chọn 3** |  |  | K3 |  |  |  |  |  |  |  | A2 | S3 |  |  |  |  |  |  |  | S3 | S3 |  |  |  |  |  |  |
| 26 | LAW30011 | Đồ án chuyên ngành Dân sự |  |  | K4 | K4 |  | K4 |  |  |  |  | A4 |  |  | S3 |  | S3 | S4 | S4 |  |  |  |  |  | C4 | C4 | C4 | C4 |
| 27 | LAW30012 | Luật Đất đai |  |  | K3 |  |  |  |  |  |  |  |  | S2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | C3 | C3 |  | C4 |  |  |
| 28 | LAW30013 | Luật Hôn nhân và gia đình |  |  | K3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | S3 |  | S3 |  |  |  |  |  | C3 | C3 |  |  |  |  |
| 29 | LAW30014 | Luật Tài chính |  |  | K3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | S3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | C4 | C4 |
| 30 | LAW30015 | Đồ án chuyên ngành Hình sự |  |  | K4 | K4 |  |  | K4 |  |  | A4 |  | S4 | S3 |  |  | S4 | S4 | S4 |  |  |  |  |  |  | C4 | C4 | C4 |
| 31 |  | **Tự chọn 4** |  |  | K3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | S3 | S3 |  |  | C4 | C4 |  |  |
| 32 | POL10002 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | K3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | A3 |  |  |  |  |  |  |  |  | S3 | S3 |  |  |  |  |  |  |
| 33 | LAW30016 | Luật Lao động |  |  | K3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | S3 |  |  |  |  |  |  |  | C3 | C3 |  |  |  | C4 |
| 34 | LAW30017 | Luật Quốc tế  |  |  | K3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | S3 |  |  |  |  |  |  |  |  | C3 | C3 |  |  |  | C4 |
| 35 | LAW30018 | Đồ án chuyên ngành Kinh tế - Quốc tế |  |  | K4 | K4 |  |  |  | K4 |  |  | A4 |  |  | S4 | S4 | S4 | S4 | S4 |  |  |  |  |  |  | C4 | C4 | C4 |
| 36 |  | **Tự chọn 5** |  |  | K3 | K3 |  |  |  |  |  |  | A4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | C4 | C4 |
| 37 |  | **Tự chọn 6** |  |  | K3 | K3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | S4 | S4 |  |  |  |  | C4 | C4 |
| 38 | LAW30019 | Thực tập và đồ án tốt nghiệp |  |  | K4 | K4 | K4 | K4 | K4 | K4 | A4 | A4 |  | S4 | S4 | S4 | S4 | S4 | S4 | S4 |  | S4 | S4 | C3 | C3 | C4 | C4 | C4 | C4 |

K: Kiến thức, K1 – Biết/Nhớ, K2 – Hiểu, K3 - Vận dụng, K4 – Phân tích, K5 Đánh giá, K6 – Sáng tạo;

A: Thái độ, A1 – Tiếp nhận, A2 – Hồi đáp, A3 – Đánh giá, A4 – Tổ chức, A5 – Tính cách;

S: Kỹ năng, S1 – Bắt chước, S2 - Vận dụng, S3 – Chính xác, S4 – Thành thạo, S5 – Bản năng;

C: Năng lực: Kiến thức, Kỹ năng, Thái độ.